



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 66

Số: **30**

(2789)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 27 - 7 - 2013

KỶ NIỆM 66 NĂM NGÀY THƯƠNG BINH LIỆT SỸ
27-7-1947 - 27-7-2013

65 NĂM THÀNH LẬP HỘI VĂN NGHỆ
VIỆT NAM (1948 - 2013)



Từ trái qua phải: Các nhà văn Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Xuân Sanh, Tố Hữu, Hoài Thanh, Nguyễn Tuân... tại Toà soạn Tạp chí Văn nghệ đóng ở xóm Chòi, Đại Từ, Thái Nguyên (1949).

DƯỚI MỘT MÁI NHÀ ĐỒNG HÀNH CÙNG DÂN TỘC

TUỆ ĐỨC

Để bắt đầu câu chuyện về sự ra đời của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam ngày nay, chúng ta phải quay ngược thời gian 70 năm về trước. Năm 1943, sau khi Đế quốc Văn hóa Việt Nam do cố Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo ra đời, Trung ương Đảng quyết định thành lập Hội Văn hóa cứu quốc (Tiền thân của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam ngày nay). Hội Văn hoá cứu quốc được thành lập và hoạt động bên cạnh các tổ chức khác của Mặt trận Việt Minh. Hội đã xây dựng các nguyên tắc hướng dẫn sự sáng tạo văn hóa, nghệ thuật, đề xuất những nhiệm vụ trước mắt và lâu dài cho các nhà văn hóa Việt Nam. Cụ thể trước mắt là đấu tranh xóa bỏ chính sách văn hóa phản động, văn hoá nô dịch, soi sáng các tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ và quần chúng nhân dân; bắt tay vào xây dựng nền văn hóa mới phục vụ công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Những hội viên đầu tiên của Hội Văn hóa cứu quốc như: Học Phi (Chủ tịch Hội), Nguyễn Hồng, Nguyễn Huy Tưởng, Nam Cao, Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi, Thép Mới... đã trở thành lực lượng nòng cốt của văn hóa văn nghệ sau khi cách mạng tháng Tám thành công. Hội được hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của các đồng chí Trường Chinh, Lê Quang Đạo, Trần Độ, Vũ Quốc Uy...

Trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, khi đất nước bị mất độc lập, tự do thì văn nghệ sĩ cũng bị mất tự do, nên chỉ có con đường giành độc lập tự do, cũng chính là sự giải thoát cho bản thân, vì thế mỗi người tùy theo sức của mình đều cố gắng làm những việc có ích cho cách mạng. Họ vốn là những trí thức chỉ quen cầm bút, cầm cò, cầm đàn...nhưng có một tấm lòng yêu nước, đau đớn vì nỗi nhục mất nước, khát vọng tự do, nên đã tạm xa Hà Nội, rời các đô thị để lên chiến khu Việt Bắc, tham gia đội quân cách mạng. Nhà văn Nguyễn Đình Thi đã viết những dòng này vào mùa xuân năm 1948: "Văn nghệ tự ném mình vào cuộc kháng chiến, không những là tự vệ mà nhất là để lột xác. Văn nghệ phụng sự kháng chiến nhưng chính kháng chiến đem đến cho văn nghệ một sức sống mới..."

Ngày nay, nếu chúng ta trở về làng Dộc Phát, xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, cùng trò chuyện với các cụ già của làng, chắc hẳn trong kí ức của họ vẫn chưa quên những ngày hè tháng 7 của 65 năm về trước. Hơn 80 văn nghệ sĩ đã ba lô tay nải tập hợp về đây dự Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ nhất. Tại đại hội này, Hội Văn hoá cứu quốc đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình và Hội Văn nghệ Việt Nam chính thức ra đời, nhà văn Nguyễn Tuân được bầu làm Tổng thư kí. Trong điều kiện kháng chiến thiếu thốn, Hội vẫn ra Tạp chí Văn nghệ, chính là tiền thân của tờ báo Văn nghệ mà chúng ta đang có trên tay. Hội cũng đã thành lập Nhà xuất bản Văn nghệ,

Kể từ tháng 7 năm 1948, thời điểm diễn ra Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ nhất và chính thức thành lập Hội Văn nghệ Việt Nam cho đến nay đã 65 năm. 65 năm là gần hết một đời người, nhưng đối với một nền văn học - nghệ thuật cách mạng có lẽ chưa phải nhiều. Tuy nhiên nền văn học - nghệ thuật của chúng ta có thể tự hào với những gì đã làm được, đã cống hiến cho dân tộc. Với phương châm sáng tạo từ một lời nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Văn hóa văn nghệ là một mặt trận, văn nghệ sĩ cũng là chiến sĩ trên mặt trận ấy", trong suốt 65 năm qua, dưới một mái nhà chung, biết bao các thế hệ văn nghệ sĩ đã đem hết tài năng, tâm huyết sáng tạo để cống hiến cho nhân dân, cho đất nước những giá trị nghệ thuật mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam giàu nhân văn.



Nhà thơ Hữu Thỉnh và họa sĩ Vũ Giáng Hương tại Đại hội 8 Hội VHNT VN.



Các uỷ viên Ban Chấp hành khoá III chụp ảnh kỷ niệm tại Hà Nội sau Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ 3 - tháng 12 năm 1962. Ảnh do NSND Trà Giang cung cấp



Cu Hồ Tùng Mậu và các nhà văn Đặng Thai Mai, Nguyễn Tuân, Đào Duy Anh, Vũ Ngọc Phan, Họa sỹ Sỹ Ngọc, Nhạc sỹ Nguyễn Văn Tý, nhà thơ Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Xuân Sanh... tại sân trường Văn hóa - Văn Nghệ kháng chiến Liên khu IV (Làng Quắn Tín - Thanh Hóa) năm 1948

thành lập Đoàn Kiến trúc sư Việt Nam, Đoàn Nhạc sĩ Việt Nam, Đoàn Sân khấu Việt Nam... Hội Văn nghệ Việt Nam đã có nhiều cố gắng tập hợp, đoàn kết lực lượng, đổi mới lớp văn nghệ sĩ trước cách mạng tháng Tám, và đào tạo lớp văn nghệ sĩ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Hội đã tổ chức những đợt đưa anh em văn nghệ sĩ thâm nhập đời sống, tham gia các chiến dịch, công tác vùng địch hậu, giúp họ có vốn đề sáng tác, nâng cao tư tưởng và nội dung hiện thực của tác phẩm. Những giải thưởng văn nghệ Việt Bắc (1951-1952) như: *Truyện Tây Bắc* của Tô Hoài, *Xung kích* của Nguyễn Đình Thi, *Vùng mỏ* của Võ Huy Tâm, *Con Trâu* của Nguyễn Văn Bổng, *Việt Bắc* của Tố Hữu, các tác phẩm mỹ thuật của Tô Ngọc Vân, Trần Văn Cẩn, Dương Bích Liên, Nguyễn Văn Tý, Lưu Công Nhân... các tác phẩm âm nhạc của Văn Cao, Đỗ Nhuận, Lưu Hữu Phước... cùng nhiều tác phẩm văn nghệ ưu tú khác ở các loại hình sân khấu, nhiếp ảnh, điện ảnh... đã phản ánh sinh động, sâu sắc hiện thực đời sống kháng chiến, góp phần làm nên thành công cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc.

Tại Hội nghị lần thứ II, diễn ra vào năm 1957, Hội Văn nghệ Việt Nam đổi tên thành Hội Liên hiệp Văn học - Nghệ thuật Việt Nam (đến năm 1995 đổi tên thành Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam). Trong năm này, lực lượng phát triển của Hội đã cho phép thành lập 4 hội chuyên ngành là: Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, Hội Mỹ thuật Việt Nam, Hội Nhạc sĩ Việt Nam.

Trong kháng chiến chống Mỹ, một lớp văn nghệ sĩ trẻ có tài và có tâm huyết, đã đi về những vùng nông thôn, các nhà máy, những nơi bom đạn, và họ đã sáng tạo được nhiều tác phẩm có giá trị cao về nông thôn, các hoạt động sản xuất ở thành thị, về sự hy sinh của các chiến sĩ ngoài mặt trận. Theo tiếng gọi của Đảng, hàng trăm văn nghệ sĩ đã khoác ba lô lên đường vào các mặt trận phía nam, trực tiếp tham gia chiến đấu. Nhiều người đã mãi mãi không bao giờ trở về. Họ đã hy sinh vì miền nam ruột thịt, vì độc lập, tự do của tổ quốc. Có thể nói trong những năm chống Mỹ nền văn học - nghệ thuật của chúng ta đã phát triển rực rỡ, nó như một liều thuốc cổ vũ tinh thần chiến đấu của toàn dân và đã góp phần không nhỏ vào thắng lợi của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Ngày nay, Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học - nghệ thuật Việt Nam đã là một tổ chức lớn mạnh, là cơ quan đại diện cao nhất về văn học, nghệ thuật, tập trung được các thế hệ văn nghệ sĩ sáng tác theo định hướng với tiêu chí xây dựng một nền văn nghệ yêu nước mang tính dân tộc, dân chủ và nhân văn. Hội đã có 10 hội chuyên ngành, là: Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Hội Mỹ thuật Việt Nam, Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Hội Điện ảnh Việt Nam, Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam, Hội Nghệ sĩ Múa

VĂN NGHỆ LUÔN LÀ TẤM GƯƠNG PHẢN ÁNH ĐỜI SỐNG

Nhà văn ĐỖ KIM CUÔNG

Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam

65 năm trước, tại chiến khu Việt Bắc, đội ngũ văn nghệ sỹ lần đầu tiên tổ chức Đại hội Văn nghệ vào tháng 7 năm 1948. Đây là sự kiện vừa mang ý nghĩa chính trị vừa mang ý nghĩa văn hoá. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ, đội ngũ văn nghệ cách mạng đã cùng với nhân dân cả nước làm nên kì tích Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Dưới ánh sáng của đường lối văn nghệ cách mạng, dân tộc đi vào cuộc kháng chiến thần thánh lần thứ nhất chống thực dân Pháp xâm lược, hàng trăm văn nghệ sỹ ưu tú của đất nước, bất kể họ ở giai tầng nào, là người theo Nho học hay Tây học, bất kể theo trường phái nghệ thuật nào, xuất phát từ lòng yêu nước, tin vào Đảng, vào Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã lên đường tham gia kháng chiến, với khát vọng "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh". Trải qua 9 năm kháng chiến chống Pháp rồi tiếp theo là cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, kéo dài đằng đẵng 30 năm, đội ngũ văn nghệ sỹ cách mạng Việt Nam không ngừng trưởng thành và lớn mạnh.

Chặng đường 65 năm của văn học, nghệ thuật cách mạng Việt Nam cũng là khoảng thời gian đội ngũ văn nghệ cách mạng đồng hành cùng dân tộc, tạo dựng nên một diện mạo văn học, nghệ thuật Việt Nam mới. Nền văn nghệ ấy một mặt phát huy đạt đến đỉnh cao của chủ nghĩa yêu nước và nhân văn sâu sắc, giàu bản sắc dân tộc, mặt khác, nền văn nghệ ấy còn là tấm gương chân thực nhất, phản ánh hiện thực sống động, oai hùng, thấm đẫm máu và nước mắt của dân tộc ta để tạo ra những chiến công hiển hách của đất nước trong thời đại Hồ Chí Minh.

Từ năm 1995 đến nay, qua 4 đợt xét, Đảng và Nhà nước đã trao Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, Nghệ sỹ Nhân dân, Nghệ sỹ Ưu tú cho gần một ngàn tác giả là văn nghệ sỹ có những đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng và phát triển văn học nghệ thuật cách mạng của nước nhà là một sự khẳng định những thành tựu đó.

Những ngày tháng này, đội ngũ văn nghệ sỹ đang cùng với các cấp các ngành tiến hành tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) của Đảng về *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* (1998) và 5 năm thực hiện Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị về *Xây dựng và phát triển Văn học, nghệ thuật Việt Nam trong thời kì mới* (2008). Đây là 2 Nghị quyết quan trọng của Đảng về Văn hóa, Văn học, nghệ thuật thể hiện một cách sâu sắc, nhất quán và có hệ thống



Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội III Hội Văn nghệ Việt Nam (1962)

quan điểm của Đảng ta coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập toàn diện và phát triển đất nước.

Để tạo điều kiện cho văn học, nghệ thuật phát triển, Đảng và Nhà nước luôn luôn khuyến khích mọi tìm tòi, tôn trọng sự tự do sáng tạo của người nghệ sỹ, xây dựng cơ chế, chính sách đối với văn học, nghệ thuật và văn nghệ sỹ phù hợp với sự phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của đất nước.

Văn học, nghệ thuật ở thời đại nào cũng luôn là tấm gương phản ánh đời sống. Xã hội Việt Nam thời kỳ đổi mới, hội nhập khác xa với những năm chiến tranh, giành độc lập dân tộc. Điều đó buộc người nghệ sỹ phải có cách nhìn, cách nghĩ mới trong sáng tạo nghệ thuật, phù hợp với thực tiễn phát triển của Việt Nam hôm nay. Hơn lúc nào hết, người nghệ sỹ phải bám sát cuộc sống, dám đi vào những mũi nhọn của cuộc sống trong nông nghiệp, công nghiệp, trong thương trường, trên mặt trận an ninh, quốc phòng;

đến với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, biên cương, hải đảo để phát hiện và phản ánh những nhân tố mới, những vấn đề mới nảy sinh trong xã hội. Chỉ có như vậy, văn học, nghệ thuật của chúng ta mới có những tác phẩm hay, lay động lòng người và cần thiết cho công chúng.

Hơn 38 năm qua, đất nước ta được sống trong không khí hòa bình. Đời sống văn học, nghệ thuật đã có nhiều đổi thay so với thời chiến: Với tâm huyết, nhiệt tình sáng tạo của người nghệ sỹ, các tác phẩm văn học, nghệ thuật thuộc các loại hình đã có chất lượng mới. Ngoài các tác phẩm viết về đề tài cách mạng và kháng chiến truyền thống của dân tộc, bóng dáng cuộc sống đời thường và những vấn đề bức bách trong xã hội Việt Nam hiện đại đã đi vào trong các tác phẩm: chân thực, sâu sắc và nhân văn... Đây chính là một nét mới của văn nghệ hôm nay! ■

Việt Nam, Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam, Hội Văn học - nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam và 63 Hội Văn học - Nghệ thuật của các tỉnh thành. Cho đến nay số hội viên của các hội chuyên ngành và các hội địa phương đã lên đến 4 vạn hội viên. Ghi nhận sự đóng góp quý báu của văn nghệ sỹ, Nhà nước đã trao tặng danh hiệu Nghệ sỹ Nhân dân cho 266 người, Nghệ sỹ ưu tú cho 1933 người, trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh cho 104 người, Giải thưởng Nhà nước cho 458 người. Liên hiệp cũng đã được tặng thưởng Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động, 2 lần được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh. Nhiều tổ chức Hội chuyên ngành và văn nghệ sỹ cũng được tặng thưởng Huân chương Lao động, Huân chương Độc lập, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân

chương Sao vàng, danh hiệu Anh hùng lao động. Một số văn nghệ sỹ được vinh danh và nhận giải thưởng quốc tế.

Kể từ ngày thành lập cho đến nay, Liên hiệp đã trải qua 8 kì đại hội đại biểu toàn quốc, với các văn nghệ sỹ được bầu làm lãnh đạo hội như: Nguyễn Tuấn, Đặng Thai Mai, Huy Cận, Nguyễn Đình Thi, Trần Hoàn, Vũ Giáng Hương, Hữu Thỉnh.

Những vận hội mới, những thách thức mới của đất nước đang đặt ra đòi hỏi cao hơn đối với các văn nghệ sỹ, để làm sao cho tác phẩm của mình phải bám sát hiện thực đời sống hơn nữa, lưu giữ được giá trị nghệ thuật truyền thống trong hơi thở của thời đại. Cuộc sống ngày nay đầy biến động, đôi khi những giá trị nghệ thuật bị xem nhẹ, người nghệ sỹ càng cần phải có một tình yêu trong sáng, tâm

huyết với nghề thì mới có thể sống và lao động nghệ thuật được. Hơn ai hết, người nghệ sỹ cần phải có một thái độ tôn trọng năng lực, gìn giữ những giá trị nghệ thuật đích thực. Với những hiện thực đời sống đang diễn ra, dường như cơ chế thị trường đã mở từ lâu nhưng cơ chế hoạt động của văn học, nghệ thuật vẫn chưa được cởi mở. Sở dĩ mấy mươi năm qua chúng ta vẫn chưa có tác phẩm văn học, nghệ thuật lớn, xứng tầm thời đại bởi các văn nghệ sỹ chưa thực sự bám sát đời sống, điều này có cả nguyên nhân chủ quan và khách quan. Người nghệ sỹ cần những biên độ rộng, chiều kích mở để tạo điều kiện cho họ phát huy khả năng sáng tạo một cách tốt nhất, giúp họ dám dấn thân trên con đường lao động nghệ thuật. Cùng với đó, người nghệ sỹ phải có sự nhạy bén, có trách nhiệm công dân,

trách nhiệm nghệ sỹ với xã hội, với đời sống văn học, nghệ thuật, để có được những tác phẩm bám sát đời sống, thực sự trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu.

Nối tiếp truyền thống của các thế hệ văn nghệ sỹ đàn anh, với nhiều tên tuổi lớn, đã làm nên một nền văn học, nghệ thuật cách mạng, Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam cùng với các hội thành viên tập hợp đội ngũ văn nghệ sỹ trong cả nước, tạo điều kiện để thúc đẩy sáng tác đưa văn học, nghệ thuật nước nhà lên một tầm cao mới, hội nhập hơn nữa với văn học, nghệ thuật của thế giới. Xứng đáng trở thành một mái nhà văn học, nghệ thuật đồng hành cùng dân tộc trên chặng đường mới. ■

65 NĂM - DẤU ẤN NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG

CHÚNG TA ĐÃ CÓ MỘT NỀN VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT MỚI RẤT XỨNG ĐÁNG

Nhà văn HỒ PHƯƠNG



TRƯỚC hết, đây chỉ là mấy lời phát biểu rất ngắn nhưng chân tình, không phải là nghiên cứu, để bày tỏ tình cảm cùng nhiều bạn khác, nhân dịp kỷ niệm thành lập Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam.

Trước hết tôi có đôi lời về lực lượng sáng tác văn học nghệ thuật cách mạng từ tháng 8-1945. Theo tôi, ta đã khá mau chóng có được một lực lượng những cây bút mới rất trẻ xuất hiện trong các lực lượng vũ trang và trong hàng ngũ cán bộ của nhiều ngành ở hầu khắp các địa phương từ Nam tới Bắc. Tôi muốn nhấn mạnh trước hết về điều này vì có lẽ không phải bất cứ ở đâu đâu trên thế giới này đều có như thế. Đây là niềm tự hào của dân tộc ta, một dân tộc có truyền thống yêu nước vô cùng sâu nặng, và có cả một nền văn hóa rất lâu đời.

Bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp, bên cạnh mọi sự quyết liệt về mặt quân sự, chính trị, sự mau lẹ xuất hiện nhiều nghệ sĩ và các cây bút mới, ngay sau khi tiếng súng yêu nước vừa gầm vang đã nổi lên ngay. Đó là một trong những đặc điểm của văn hóa Việt Nam... Thật vậy, đã có sự xuất hiện nhiều cây bút mới bên cạnh những cây bút đã thành danh từ trước cách mạng. Và tất cả mới, cũ đều đã luôn luôn sát cánh cùng chiến sĩ cả ở hậu phương, cả ở tiền tuyến. Người ta đã thấy hầu hết các văn nghệ sĩ tên tuổi của đất nước đã ba lô, chân dép cao su, cùng lên đường kháng chiến. Và gần như liên tục ngay đó, đã sớm nổi lên những gương mặt sáng tác trẻ trong các đội vũ trang, trong các đoàn thể ở khắp mọi nơi từ Nam tới Bắc với sự dạt dào, hỗ trợ về nghệ của các bậc "đàn anh". Và cũng ngay lập tức khi đó một tổ chức rất cần thiết và thích hợp đã sớm được Đảng ta tổ chức ra để lo mọi việc đoàn kết, tập hợp tất cả các lực lượng sáng tác mới và cũ để tăng thêm sức mạnh sáng tạo văn học và nghệ thuật góp phần vào sức mạnh kháng chiến chung của toàn quốc. Đó cũng là trí tuệ và bởi bàn tay tổ chức của các tổ chức Đảng và kháng chiến.

"Kháng chiến toàn dân, kháng chiến toàn diện"... Thế đấy, và gần như ngay tức khắc những sáng tác mới tinh khôi của những người lính mới vào trận đã xuất hiện khắp nơi, bên cạnh những sáng tác, những cuốn sách, là tác phẩm nghệ thuật của các nghệ sĩ khác nhau với những tên tuổi lớn như: Nguyễn Tuân, Tố Hữu, Nam Cao, Tô Hoài, Bùi Hiển, Kim Lân, Nguyễn Đình Thi, Thế Lữ, Sĩ Ngọc, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Xuân Khoát... Gần như toàn thể các văn nghệ sĩ tên tuổi hàng đầu của đất nước đã có mặt. Rồi gần như ngay sau đó là một lực lượng mới, trẻ đã sớm được hình thành được chào đón ngay từ năm đầu kháng chiến chống Pháp như: Trần Đăng, Vũ Tú Nam, Vũ Cao, Hồ Phương, Hữu Mai, Trần Dần, Quang Dũng... Qua cuộc kháng chiến chống Pháp, sang cuộc kháng chiến chống Mỹ lực lượng sáng tác trẻ, mới càng phát triển như hoa nở từng bùng mùa xuân, suốt từ Bắc vào Nam, nhất là ở miền Nam, chiến trường chủ yếu trên toàn quốc khi đó. Những bút danh như: Anh Đức, Nguyễn Ngọc, Nguyễn Ngọc Tấn, Thu Bồn, Giang Nam... đã tỏa sáng.

Như vậy có thể nói các nghệ sĩ cùng nhiều cây bút trẻ, già thời chống Pháp rồi chống Mỹ đã cùng tạo dựng nên nền văn học mới rất đáng tự hào, mặc dầu có người nào đó còn phân vân (thậm chí có kẻ còn gièm pha) về điều này, lẽ nọ. Họ quên rằng rất khó tránh hoàn toàn những gì có khi còn sơ lược, hoặc có khi chỉ nặng một chiều cổ vũ. Họ đã quên đi trong thời lửa đạn còn tràn ngập nơi nơi, chết chóc vẫn còn đây, làm sao chúng ta có thể làm bất cứ việc gì cũng hoàn hảo. Đúng hơn, họ phải nhấn mạnh và tôn vinh cái chất "Mới", cái chất "Yêu nước và cách mạng" của toàn thể giới văn nghệ sĩ Việt Nam mà có lẽ trong lịch sử chưa từng thấy có, và ấn tượng như vậy trên đất nước này, thậm chí cả trên thế giới này nữa.

Nhìn lại 65 năm qua, chúng ta đã thấy rất nhiều nỗ lực của Liên hiệp trong mọi vấn đề, mọi việc trên mặt trận văn hoá văn nghệ của đất nước. Đây là "Bộ Tham mưu giúp Đảng trên toàn diện mặt trận văn nghệ" trước hết là giữ vững đường lối sáng tác, đi đôi với việc tổ chức sáng tác, và cả bồi dưỡng sáng tác, góp phần to lớn vào việc xây dựng nền tảng tinh thần cho xã hội Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

MỘT MÁI NHÀ CHUNG Cởi mở và Ấm áp

Nhạc sỹ NÔNG QUỐC BÌNH



CÓ người hỏi vai trò của Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật với sự nghiệp sáng tác của các văn nghệ sỹ người dân tộc trong suốt 65 năm qua là gì? Thiết nghĩ câu hỏi thật không dễ trả lời cho hết, cho đủ. Bởi lẽ vai trò ấy lớn quá. Đặc biệt từ cuộc kháng chiến lần thứ nhất - thời điểm Hội Văn nghệ Việt Nam ra đời. Đối với đội ngũ văn nghệ sỹ người dân tộc thiểu số, vai trò của Liên hiệp là càng lớn hơn. Từ đây, những tiềm năng văn nghệ đầu tiên của các dân tộc thiểu số đã được phát hiện và bồi dưỡng. Chỉ đơn cử trường hợp nhà thơ Bàn Tài Đoàn, học viên KHÓA PHÁT ĐỘNG, khai mạc ngày 19-04-1950, sau đó ông đã có những bài viết mang đậm phong cách của dân tộc mình trên tạp chí Văn nghệ: *Đời lại gặp cha*, *Cuộc đời của Đoàn*; và một bài thơ của A ma... Càng về sau này, với sự lớn mạnh không ngừng cả về số lượng cũng như chất lượng, đội ngũ văn nghệ sỹ các dân tộc thiểu số lúc nào cũng coi nơi này như một mái nhà chung cởi mở và ấm áp để nâng đỡ cho những đứa con tinh thần của mình. Và nếu theo quan điểm của Đảng thì Liên hiệp cũng chính là địa chỉ góp phần vào việc bảo tồn và phát huy sự phong phú và đa dạng của bản sắc văn hóa Việt Nam.

Từ những thực tế đó, thật đáng suy ngẫm về những ý kiến mà một số vị đã phát biểu, được đăng trên báo *Lao động* ngày 14-05-1999, xung quanh vấn đề *Có nên tồn tại và tồn tại thì phải như thế nào?* đối với các hội văn nghệ địa phương... Thực tế cuộc sống không phải lúc nào cũng được như ý. Song với văn học nghệ thuật, với văn hóa và sự sáng tạo, thì luôn cần một sự chia sẻ và đồng cảm.

Những người đưa ra ý kiến đó, họ đã đặt câu hỏi, và thực tế đã trả lời.

TRÁCH NHIỆM LỚN LAO

NSND TRÀ GIANG



TRÁCH nhiệm của Liên hiệp Các Hội Văn học - Nghệ thuật càng ngày càng lớn lao. Trải qua bao thăng trầm từ trong cuộc kháng chiến chống Pháp, đến chống Mỹ, Hội Liên hiệp Văn học - Nghệ thuật toàn quốc nay là Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam, từ ngày mới thành lập đến hôm nay, từ khi mới có một số Hội chuyên ngành đến nay là 73 Hội Văn học - Nghệ thuật chuyên ngành và địa phương. Liên hiệp các Hội VHNT như ngôi nhà chung, ở đó có nhiều anh em văn nghệ sỹ cùng chung sống thân thiết như Điện ảnh, Hội họa, Múa, Âm nhạc... Ở đó có anh lớn, em bé - người sinh trước, người sinh sau nhưng đoàn kết và hỗ trợ nhau phát triển cùng thực hiện trách nhiệm lớn lao của mình. Đặc biệt vai trò lãnh đạo của Liên hiệp rất lớn. Bởi vì đây là một cơ quan tham mưu cho Đảng và Nhà nước mọi mặt không chỉ tham mưu chủ trương chính sách phát triển văn học nghệ thuật nước nhà, sự phát triển của từng hội, sự phát triển của văn nghệ sỹ trẻ, đời sống của văn nghệ sỹ cao tuổi... và hoạt động quan trọng nhất là làm thế nào để phát triển nền văn học đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc. Nói thì chung chung là thế nhưng cụ thể thì đó là những công việc đầy khó khăn.

Cho đến hôm nay tôi vẫn vô cùng xúc động mỗi khi nhớ lại kỷ niệm lần đầu tiên được tham dự Đại hội Văn nghệ toàn quốc, có lẽ năm đó là Đại hội lần thứ 3, năm 1963. Đó là lần đầu tiên trong đời tôi được gặp gỡ rất nhiều nhà văn, nghệ sỹ lớn của cuộc kháng chiến chống Pháp như Lưu Trọng Lư, Thế Lữ, Nguyễn Đình Thi, ... Và xúc động nhất là được chọn lên tặng hoa Bác Hồ. Gặp Bác đã là niềm mơ ước lớn của tôi nên xúc động ngập tràn khi tôi - người trẻ tuổi nhất và cụ họa sỹ Phan Chánh - người cao tuổi nhất, được chọn lên tặng hoa Bác. Năm đó, tôi cũng được bầu vào Ban chấp hành Liên hiệp, thực sự tôi cũng không biết là mình sẽ làm được việc gì lúc bấy giờ nhưng cũng ở Đại hội này, những lời của Bác với văn nghệ sỹ chúng tôi, đã là kim chỉ nam cho thế hệ chúng tôi suốt cuộc đời hoạt động nghệ thuật. Bác đã kể rất nhiều chuyện, nhưng tôi nhớ nhất là những lời Người nói về trách nhiệm của văn nghệ sỹ thời kỳ đó, Bác nói: văn nghệ sỹ cũng như người chiến sỹ ở chiến trường. Khi đất nước còn nô lệ thì người nghệ sỹ cũng là nô lệ. Chúng tôi vô cùng cảm động, trước Cách mạng, văn nghệ sỹ bị coi là những người mua vui cho mọi người và không có trách nhiệm gì với xã hội.

Chúng tôi những người nghệ sỹ, những hội viên Hội Liên hiệp Văn học - Nghệ thuật trong từng ngành của mình, đã lao vào cuộc chiến tranh chống Mỹ đầy gian khổ với đầy đủ ý thức và trách nhiệm xã hội của người nghệ sỹ theo lời Bác. *Chúng một dòng sông*, *Chị Tư Hậu*, *Vĩ tuyến 17 Ngày và Đêm*... là những bộ phim được hoàn thành trong thời kỳ đó, cho dù anh em văn nghệ sỹ đi làm việc khó khăn, thậm chí nguy hiểm tính mạng. Bộ phim *Vĩ tuyến 17 ngày và đêm*, được quay vào đúng thời điểm Mỹ thực hiện kế hoạch ném bom B52 phá hoại miền Bắc 12 ngày đêm. Phim trường cũng là chiến trường, đoàn làm phim cũng không biết sẽ hi sinh vào lúc nào. Nhưng bộ phim đã hoàn thành và đi dự Liên hoan phim Matxcova năm 1973. Với hơn 100 nước tham dự, đây là Liên hoan phim lớn nhất thời kỳ đó.

(Xem tiếp trang 22)

LIÊN HIỆP VÀ BỘ VHTTDL CẦN BẮT TAY HỢP TÁC

NSND ĐÌNH QUANG



LIÊN hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam, lâu nay, vẫn được coi là một tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp. Nhưng trong hai về chính trị và nghề nghiệp thì phải hết sức chú ý đến về tính tổ chức nghề nghiệp vì chính cái đó tạo nên bản chất, cái chuẩn của Liên hiệp, cũng như sự khác biệt đối với các tổ chức nghề nghiệp khác. Tất nhiên nghề nghiệp thì không tách rời với tính chính trị, trong nội dung nghề nghiệp phải có nội dung chính trị nhưng trước hết phải là mang tính nghề nghiệp mà ở đây là tính văn học, nghệ thuật.

Ở nước ta hiện nay có hai hệ thống: một Hội nghề nghiệp và một quản lý nhà nước, đó là Liên hiệp và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, song hành có chung một mục tiêu xây dựng, phát triển văn học nghệ thuật nước nhà. Song cương vị, chức năng, quyền hạn của mỗi hệ thống, như thế nào, là vấn đề cần được xác định rõ.

(Xem tiếp trang 22)

NHỮNG ĐÒI HỎI THỰC TẠI

NSND TRẦN KHÁNH CHƯƠNG

LIÊN hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật có một truyền thống và sự hình thành đặc biệt. Ngay từ năm 1943, với Đế cương về văn hoá Việt Nam của Đảng do đồng chí Trường Chinh khởi thảo thì các hoạt động của các lĩnh vực văn hoá - nghệ thuật bắt đầu tập hợp dưới tổ chức đầu tiên là nhóm Văn hoá cứu quốc. Đến năm 1948, Hội Văn nghệ Việt Nam ra đời, với các thành viên là các Đoàn nhạc sĩ Việt Nam, Đoàn sân khấu Việt Nam, Đoàn kiến trúc Việt Nam, Xưởng hoạ... rồi tiếp đến là Đoàn Nhiếp ảnh Việt Nam, Trường âm nhạc Việt Bắc, Trường Mỹ thuật Việt Bắc... cùng các chi hội văn nghệ ở các khu. Họ là lực lượng tập hợp và chuyển hoá sáng tác từ nặng về cái đẹp, đời sống đô thị chuyển thành bám sát đời sống nhân dân với những vốn sống và trải nghiệm thực tế đời sống nông thôn, kháng chiến...

Các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam là một trong số ít nước trên thế giới được Nhà nước đầu tư, tài trợ, coi như là một sự chăm lo phát triển văn học - nghệ thuật. Cách chăm lo này có ý kiến cho rằng không nên, các Hội hay Liên hiệp cần tự do hơn, chủ động hơn, nhưng cũng cần lưu ý rằng, sự tài trợ này cho hoạt động "thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ của nhà nước giao cho" còn khi thực hiện, nhiệm vụ khác thì Hội hay nghệ sĩ phải tự lo kinh phí, tự tổ chức thực hiện.

Có sự nhầm lẫn về "bao cấp" ở đây, không phải nhà nước bao cấp cho tất cả mà chỉ bao cấp cho những nhiệm vụ như quan tâm sáng tác, nâng cao chất lượng sáng tác, quan tâm đề tài: Cách mạng, chiến sĩ, nông nghiệp... quan tâm đến nghệ sĩ trẻ, già... Đây thực tế không phải là bao cấp mà là sự đầu tư cho văn học nghệ thuật thông qua kênh Hội. Và



trên thế giới, không một quốc gia, Nhà nước nào lại không cấp kinh phí cho văn học nghệ thuật mà họ chỉ đầu tư theo các kênh khác nhau, hình thức khác nhau mà thôi. Như Quỹ Hội Đồng Anh, là nơi được chính phủ Anh được cấp 600 triệu đến 1 tỷ bảng, tức là khoảng 36.000 tỷ đồng Việt Nam một năm để phát triển văn hoá - văn học - nghệ thuật Anh trên khắp thế giới và trong nước Anh, hay Quỹ phát triển văn hoá của Hungary trực thuộc Bộ Văn hoá, được Nhà nước cung cấp kinh phí và các tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ.

Nhìn lại 65 năm thành lập, vai trò của Liên hiệp ngày càng được củng cố và có tác động đối với văn học - nghệ thuật địa phương. Có những giai đoạn Liên hiệp thực sự phát huy được vai trò của mình giải quyết được nhiều vấn đề của văn nghệ sĩ cũng như là chỗ dựa cho văn nghệ sĩ hoạt động, sáng tác. Nhưng vẫn còn nhiều vấn đề Liên Hiệp không thể giải quyết được, nhất là trong cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế hiện nay, cũng có nhiều vấn đề cần giải quyết khác với trước. Chẳng hạn việc tồn tại và phát triển của các tạp chí chuyên ngành của các Hội hiện nay đang gặp rất nhiều khó khăn. Là những tờ tạp chí chuyên ngành đòi hỏi tính chuyên môn, mỹ thuật cao, trang trọng. Đồng thời với đặc thù chuyên môn sâu nên khó gặp độc giả đại chúng, hạn chế phát hành ra thị trường. Những tờ tạp chí văn học, nghệ thuật chuyên ngành chủ yếu phục vụ chuyên môn của các ngành văn học, nghệ thuật, đòi hỏi chi phí thực hiện và xuất bản lớn, bộ máy hoạt động chuyên nghiệp đang xuất bản trong tình trạng gắng gượng, lo lắng và đứng trước nguy cơ đóng cửa. Trong khi đó, không thể thiếu những tờ tạp chí chuyên ngành, có tính đánh giá, thẩm định, phê bình và định hướng sáng tác văn học nghệ thuật cho hoạt động văn học, nghệ thuật chuyên môn cũng như nền văn học, nghệ thuật khoa học, phát triển.

Và Liên hiệp không phải là một cơ quan quản lý nhưng lại rất quan trọng. Đó là một "bộ tư lệnh", để ra những chiến lược với tầm nhìn xa, tham mưu cho Đảng và Nhà nước những chính sách phát triển văn học, nghệ thuật cũng như lượng trước được tình hình chuyển biến của văn học nghệ thuật thời kỳ Đổi mới và Hội nhập quốc tế.

HỘI MÚA DƯỚI MÁI NHÀ LIÊN HIỆP

NSND CHU THUYẾT QUỲNH



Từ những ngày đầu thành lập khó khăn với gần 90 hội viên đến hôm nay, Hội Nghệ sĩ Múa đã có khoảng 900 hội viên, một tờ tạp chí chuyên ngành Nhip Điệu, Trung tâm nghệ thuật múa chuyên nghiệp biểu diễn, giới thiệu sáng tác mới và phát triển các chi hội nghệ sĩ múa tại các tỉnh thành phố trên khắp cả nước. Nghệ sĩ múa luôn có mặt trong vai trò dàn dựng, biểu diễn các chương trình nghệ thuật ở những sự kiện văn hoá lớn của đất nước. Nhiều tác phẩm múa mới có chất lượng đã ra mắt khán giả, trong đó có những tác phẩm múa hình thức lớn như kịch múa *Núi Đồi*, tổ khúc thơ múa *Bài ca người cộng sản*, thơ múa *Chàng Y Đăm*,... Nghệ sĩ nhân dân Thái Ly, tập thể biên đạo kịch múa Ngọn lửa Nghệ Tĩnh, tập thể biên đạo kịch múa Tấm Cám được trao giải thưởng Hồ Chí Minh. Hàng chục cán bộ biên đạo đã được nhận Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật, và nhiều nghệ sĩ được tặng Huân chương Lao động hạng Nhất...

Dưới ngôi nhà nghệ thuật nói chung và Liên hiệp nói riêng, mỗi Hội chuyên ngành có những đặc điểm, đặc trưng, thế mạnh sáng tạo riêng. Song sự hỗ trợ và hợp tác của đồng nghiệp, của văn nghệ sĩ các giới với nhau luôn là thế mạnh so với hội nghề nghiệp khác. Không có âm nhạc không có múa, vì âm nhạc là linh hồn của múa; không có nhà văn, múa không có ý tưởng kịch bản hay; không có mỹ thuật múa không thể có trang phục, không có sân khấu múa không có hình tượng... Múa vừa được hội tụ các ngành nghệ thuật khác và đồng thời các ngành nghệ thuật khác, từ hội hoạ (trình diễn đương đại), thơ ca, nhạc, điện ảnh... đều cần múa và được sự hỗ trợ của nghệ thuật múa.

Có thể nói, Liên hiệp là một mái nhà, nơi hội tụ trí tuệ và tình yêu của văn nghệ sĩ với nghệ thuật và đất nước. Nếu nói yêu Tổ quốc, đồng bào thì hơn ai hết, là các văn nghệ sĩ. Họ tâm huyết, say sưa yêu nghề, đồng thời tiếp nối truyền thống truyền lại nghề nghiệp cho thế hệ trẻ. Nhìn lại những chặng đường hoạt động của các nghệ sĩ múa trong các thời khắc lịch sử của dân tộc: Từ các đoàn văn công tuyên truyền - múa tập thể trên mặt trận Điện Biên Phủ, Tây Bắc, Đồng

Bắc những năm tháng chống Pháp; trên các giới tuyến Cầu Hiền Lương, khu 4 những ngày đất nước bị chia cắt những năm tháng chống Mỹ; nghệ sĩ múa luôn xung phong ra mặt trận, có người đã hy sinh như NSUT Phương Thảo, NSUT Thanh Tùng... đến sự sáng tạo, nhiệt huyết và năng động của thế hệ nghệ sĩ múa sau Đổi mới và thời kỳ hội nhập toàn cầu hiện nay, đang làm nên một bức tranh phát triển xôn xang của Nghệ thuật Múa Việt nam mà ở đó Hội nghệ sĩ Múa và Liên Hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt nam luôn cố gắng là hậu phương tốt, hỗ trợ công tác sáng tạo nghệ thuật của các thế hệ nghệ sĩ: cao tuổi, vùng sâu, vùng xa, và đặc biệt truyền nghề, truyền lửa cho thế hệ nghệ sĩ trẻ.

LUNG LINH TRANG SỬ ÂM NHẠC CÁCH MẠNG

Nhạc sỹ CÁT VẬN



KHI Hội Văn nghệ Việt Nam ra đời thì Tân nhạc Việt Nam mới ở tuổi lên mười và Đoàn Âm nhạc Việt Nam mới ở tuổi lên ba, song những chàng trai nhạc sĩ "Tuổi Phù Đổng" đã nổi danh như sóng cồn. Họ là những gương mặt tiêu biểu của ba dòng Tân nhạc ngày ấy là Dòng âm nhạc lãng mạn, dòng âm nhạc yêu nước, tiến bộ và dòng âm nhạc Cách mạng với những tên tuổi như Nguyễn Xuân Khoát, Nguyễn Văn Tý, Văn Cao, Lưu Hữu Phước, Văn Chung, Nguyễn Đình Phúc, Lương Ngọc Trác, Hoàng Quý, Phan Huỳnh Điểu... và sau đó là những Hoàng Việt, Đỗ Nhuận, Huy Du, Trần Kiết Tường, Trần Hoàn, Văn Ký, Nguyễn Văn Thương... Vì thế, lực lượng âm nhạc là lực lượng chủ công, mạnh nhất trong ba thành viên ban đầu của Hội Văn nghệ Việt Nam là Đoàn Nhạc sĩ Việt Nam, Đoàn Sân khấu Việt Nam, Đoàn Kiến trúc Việt Nam.

Với thế mạnh của mình được khẳng định qua các bài ca cách mạng như *Tiến quân ca*, *Chiến sĩ Việt Nam* và *Sông Lô* của Văn Cao; *Lên Đàng*, *Xếp bút nghiên*... của Lưu Hữu Phước; *Chiến sĩ Sông Lô*, *Bình Ca* của Nguyễn Đình Phúc; *Mơ đời chiến sĩ* (Thơ Mạc Tấn), *Thủ đô huyết thệ* (Thơ Linh Nga), *Lô giang* của Lương Ngọc Trác; *Giải phóng quân*, *Mơ đời chiến sĩ* của Phan Huỳnh Điểu và biết bao các bài ca khác của các tác giả ở khắp ba miền Bắc - Trung - Nam đã làm cho Đoàn Nhạc sĩ Việt Nam không ngừng lớn mạnh dưới mái nhà chung của tổ chức văn nghệ cách mạng đầu tiên của Đảng. Cũng dưới mái nhà chung đó, lần đầu tiên ba dòng nhạc tiêu biểu của Tân nhạc Việt Nam được hợp lưu tạo nên sức mạnh của dòng chảy như thác đổ của âm nhạc cách mạng Việt Nam. Ảnh hưởng lớn lao của dòng chảy chính thống này đã tạo điều kiện cho một đội ngũ những tác giả mới hình thành và phát triển để sau này họ trở thành những nhạc sĩ nổi tiếng tiếp tục đóng góp cho cách mạng. Văn nghệ Việt Nam đã trở thành ngôi nhà chung hun đúc ý chí cách mạng, nuôi dưỡng, phát triển sự sáng tạo để các nhạc sĩ có được những bài ca bất hủ trong thời kỳ này như: Văn Cao với *Ngày mùa*, *Ca ngợi Hồ Chủ tịch*, *Tiến về Hà Nội* đều viết vào năm 1949; Lưu Hữu Phước với *Ca ngợi Hồ Chủ tịch* (tức bài *Lãnh tụ ca* sau này); Lê Yên với *Bộ đội về làng* (phổ thơ Hoàng Trung Thông) viết năm 1950; Nguyễn Văn Thương với *Bình Trị Thiên khởi lửa* viết năm 1948; Hoàng Việt với *Lá xanh* (1950), *Lên ngàn* (1952), *Nhạc rừng* (1953); Văn Chung với *Pi noong ơi* (1950), *Quê tôi giải phóng* (1954); Đỗ Nhuận với *Du kích Sông Thao* (1949), *Hành quân xa* (1953), *Chiến thắng Điện Biên Phủ* (1954)... và biết bao bài ca khác nổi dài trang sử âm nhạc cách mạng.

65 năm qua, những bài ca của các thế hệ nhạc sĩ Việt Nam vẫn tiếp tục sải cánh bay trên bầu trời âm nhạc, vượt qua bao giông tố, thác ghềnh song hành cùng cách mạng và trở thành một vũ khí đấu tranh sắc bén trong công cuộc đấu tranh giành Độc lập, Tự do cho Tổ quốc. Từ 50 hội viên ngày đầu thành lập, đến nay, Hội Nhạc sĩ Việt Nam đã lên tới hơn 1.000 người. Đây thực sự là một lực lượng hùng mạnh về chất và lượng đủ sức đáp ứng những yêu cầu lớn lao của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, là lực lượng quyết định trong sự nghiệp xây dựng một nền âm nhạc Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc. 65 năm cũng là những dấu ấn của một chặng đường âm nhạc không thể nào quên, đã đi vào kí ức độc giả và người sáng tác bao nghĩa, bao tình và những bài ca tung cánh! Tất cả vẫn lung linh, sáng lấp lánh trên Điện đàn Văn nghệ Việt Nam!

KỶ NIỆM 66 NĂM NGÀY THƯƠNG BINH LIỆT SĨ (27-7-1947 - 27-7-2013)

* *Thưa thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu, công việc của một viện sĩ là gì, và ông còn có thể cống hiến đến khi nào?*

- Là một viện sĩ khoa học quân sự nên tôi có thể đóng góp cho khoa học suốt đời. Công việc của tôi là nghiên cứu về nghệ thuật chiến tranh, tức là cách đánh trận. Ngoài ra, tôi còn quan tâm đến vấn đề xã hội học chiến tranh, môi trường và nhiều vấn đề khác nữa.

* *Tuy đã nghỉ hưu, nhưng xem ra gặp được ông không phải dễ?*

- Bây giờ nghỉ hưu rồi, tôi có điều kiện và thời gian để đi thăm và tri ân các đồng chí đồng đội, bà con cô bác, những người đã hy sinh cho độc lập dân tộc và những người đã cứu mạng chúng tôi. Đặc biệt cứ đến mùa báo ân, các chuyến đi lại nhiều hơn, tôi cùng đồng đội tiếp tục cuộc hành

Trong đó, nghĩa trang quốc gia Trường Sơn có tới 10.263 mộ chí, nghĩa trang quốc gia Đường 9 là nơi yên nghỉ của 10.420 liệt sỹ, chưa kể các nghĩa trang không tên như: Thành cổ Quảng Trị, các dòng sông, cửa biển, bìa rừng và khe suối...

* *Được biết tất cả các đồng đội hy sinh đều được ông nhớ và ghi chép rất cẩn thận. Nhờ đó mà sau ngày giải phóng nhiều gia đình liệt sỹ đã tìm lại được hài cốt người thân.*

- Trong thời gian Trung đoàn 27 bám trụ ở chiến trường Quảng Trị, tôi đã âm thầm ghi lại tên của những cán bộ, chiến sĩ đã hy sinh. Tôi giữ cuốn sổ nhỏ ghi tên đồng đội hy sinh như báu vật. Đã có thời gian sợ trí nhớ lãng quên, sợ mất đi cuốn sổ nhỏ thiêng liêng ấy, tôi đọc tên đồng

thông tin ghi chép của tôi đều khiến tôi sung sướng và xúc động trào nước mắt. Có thể kể đến trường hợp của gia đình liệt sỹ Ngô Đức Hạt - Tiểu đội trưởng, thuộc Đại đội 2, quê ở thôn Vũ, xã Lương Nha, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ sau gần 40 năm đã tìm thấy thông tin về nơi liệt sỹ hy sinh, cũng nhờ cuốn tư liệu của tôi. Vợ liệt sỹ Hạt nay đã 73 tuổi, nghẹn ngào nói: "Tôi rất muốn đưa hài cốt chồng tôi và đồng đội của ông ấy về quê để hương khói. Đã bao năm tôi cặm nước mắt".

* *Thưa thượng tướng, trong những năm tháng xông pha chiến trận, có người đồng đội nào để lại cho ông những kỷ niệm và tình cảm khó quên nhất không?*

- Tất cả những đồng đội đã hy sinh tôi đều nhớ, không quên một ai. Họ luôn ở

Dương, tổ trình sát đi tìm cơ sở cách mạng. Qua nghĩa trang và bìa rừng phát hiện ngôi nhà nhỏ có ánh đèn dầu, tổ trình sát tiến vào, một bà má từ trong ra mở cửa, anh em đọc mật khẩu "Hồ Chí Minh", má đáp lại "Muôn năm". Đúng là cơ sở cách mạng rồi. Má mừng lắm. Sau đó má tự giới thiệu tên là Sáu Ngẫu. Chồng má tên là Hai Nương hy sinh trong nhà tù của địch. Má vừa dạy học vừa nuôi hai con là em Phước và em Đức. Nhiệm vụ các anh giao cho má là nắm tin tức trong lòng địch, ghi lại địa điểm của địch ở Sài Gòn, khi có bộ đội giải phóng vào nói đúng mật hiệu, nhận đúng ám hiệu thì giúp đỡ bộ đội. Má chạy vào rồi đưa ra một tấm bản đồ, má trải ra rồi nói với tôi và đồng chí Trịnh Văn Thư, chính ủy trung đoàn: "Đây là tấm bản đồ Đô thành Sài Gòn, tấm bản đồ này chống

VỊ TƯỚNG VỚI TẤM LÒNG TRI ÂN

quân trở lại thăm chiến trường xưa, đi tìm đồng đội.

* *Có lẽ vì vậy mà trời đã phù cho ông có sức khỏe tốt để liên tục hành quân, mặc dù đã gần tuổi 70.*

- Tôi là người hay đi, ngay từ khi còn trẻ cho đến tận bây giờ, với tôi đi để khỏe ra và để nạp thêm năng lượng cho mình.

* *Cho đến giờ phút này có điều gì làm ông trân trọng nhất?*

- Đau đầu trong tôi là việc tìm những người con trung hiếu còn lưu lạc ở chiến trường xưa đón về lại với nghĩa trang quê nhà, trả lại cho những người chiến sỹ đã ra đi vì Tổ quốc một nơi yên nghỉ mãi mãi, với tên tuổi được ghi nhận để đời sau được báo ân.

* *Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, ông đã hành quân qua nhiều vùng đất, tham gia chiến đấu trên nhiều mặt trận. Vậy có địa danh nào khiến ông nhớ nhất không?*

- Có lẽ vùng đất để lại cho tôi nhiều kỷ niệm, nhiều cảm xúc nhất đó là Quảng Trị. Nơi ấy, với tôi mỗi cái tên như: Cồn Tiên, Cam Lộ, Dốc Miếu, Đường 9, Đường 76, Khe Sanh, Tà Cơn, Thành Cổ, sông Ba Lòng, sông Thạch Hãn... đã ăn sâu vào trong tâm thức.

* *Quảng Trị có thể được xem như là quê hương thứ hai của ông?*

- Đúng vậy. Quảng Trị có một vị trí đặc biệt trong trái tim tôi, nơi đây nhiều đồng đội của tôi đã vĩnh viễn yên nghỉ. Quảng Trị sau khi kết thúc chiến tranh có đến 72 nghĩa trang với 60.000 liệt sỹ.

Vào những ngày đầu tháng bảy, thật khó để có thể gặp được Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, cho dù ông đã nghỉ hưu được mấy năm nay. Những ngày này, ông bận rộn với công việc đến ơn đáp nghĩa trên khắp các tỉnh thành trong cả nước. Dường như đó là một công việc mà ông tâm huyết nhất, đau đầu nhất kể từ khi đất nước hoàn toàn độc lập cho đến giờ phút này. Ông thường xuyên có những chuyến đi, tìm về chiến trường xưa, tìm về gia đình đồng đội cũ, những người đã giúp ông, vùng đất đã đóng cam cộng khổ trong những tháng năm quân ngũ để tri ân. Dường như ông không chỉ sống cho mình mà còn sống thay phần của các đồng đội đã nằm xuống. Và, ông xem đó là một trách nhiệm.

Tháng 4 năm 2010 ông được Viện hàn lâm khoa học quân sự Liên bang Nga bầu là Viện sỹ (nghệ thuật chiến tranh) và ông cũng là người Việt Nam đầu tiên được bầu trên lĩnh vực này.

đội vào máy ghi âm để lưu lại. Quê quán của cán bộ, chiến sĩ tôi viết lại theo trí nhớ và ghi chép của mình, nên có thể có chỗ chưa chính xác, mong gia đình các liệt sỹ lượng thứ. Tôi chỉ mong rằng, thân nhân các liệt sỹ có thể biết được ngày, nơi hy sinh, nơi an táng của các liệt sỹ.

* *Những ghi chép và hồi ức đó của ông đã được viết lại thành cuốn hồi ký Một thời Quảng Trị?*

- Vâng. Cuốn sổ ghi chép và cả những hồi ức của tôi đã được nhà văn, đại tá Lê Hải Triều viết lại thành cuốn hồi ký. Sau khi được xuất bản nó đã giúp cho nhiều gia đình liệt sỹ có được thông tin để tìm hài cốt người thân.

* *Trong số các trường hợp gia đình liệt sỹ tìm được hài cốt thông qua cuốn hồi ký của ông, có trường hợp nào đáng nhớ nhất đối với ông không?*

- Nói chung mỗi trường hợp là một câu chuyện, một số phận, một hoàn cảnh riêng. Cứ mỗi một gia đình liệt sỹ tìm được hài cốt người thân của mình qua những

trong trái tim tôi, trong tâm trí tôi. Chính họ là động lực to lớn để giúp tôi làm những công việc tri ân không mệt mỏi. Còn những người đồng đội đang sống, chúng tôi vẫn thường xuyên gặp gỡ thăm hỏi nhau, chia sẻ vui buồn, khó khăn mất mát trong cuộc sống. Tuy nhiên trong những năm chiến trận có những người mà tôi không bao giờ quên, coi như người thân ruột thịt của mình. Đó là má Sáu Ngẫu ở Lái Thiêu, Bình Dương và anh hùng Hoàng Thọ Mạc. Hàng năm, cứ đến mùa báo ân tháng 4 là gia đình tôi và đồng đội lại về Lái Thiêu thắp nhang ở nghĩa trang tỉnh Bình Dương và ở mộ má Sáu Ngẫu, mộ đồng đội ở Lái Thiêu. Ba mươi tám năm đã qua, nhưng tất cả trong tôi vẫn vẹn nguyên như mới ngày hôm qua.

* *Ông có thể kể rõ hơn về má Sáu Ngẫu?*

- Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Trung đoàn tôi được giao nhiệm vụ đập tan tuyến tử thủ phía bắc Sài Gòn theo trục đường 13. Đêm 29/4, chúng tôi tiến đến Búng bắc Lái Thiêu- Bình

má giữ từ năm 1961". Mở tấm bản đồ, má Sáu Ngẫu chỉ vào từng vị trí đóng quân của địch, số lượng quân bao nhiêu, bố trí ra sao, khí tài, tập tính thế nào, nên đánh cách nào. Đêm đó, má căn dặn chúng tôi rất cẩn thận. Má lo lắng như cho chính những đứa con của mình. Nhờ có má Sáu Ngẫu, cô Hai Mỹ, anh Sáu Châu dẫn đường mà đơn vị tôi tiến vào Sài Gòn nhanh và ít bị thương vong. Sau ngày giải phóng chúng tôi nhiều lần về thăm má, cũng như thường xuyên gửi thư thăm hỏi sức khỏe má và các em. Trong một lần tôi đi công tác nước ngoài, ở nhà má Sáu đã ốm và mất. Sau này tôi cùng các đồng đội và gia đình đã xây khu mộ của má khang trang, để tỏ lòng biết ơn đối với má.

* *Qua những câu chuyện của ông, tôi cũng cảm nhận được phần nào tâm trạng của ông vào những ngày tri ân của tháng 7 này.*

- Đời người ngắn ngủi quá. Và tôi cũng đã đi đến gần cuối cuộc đời rồi, quý thời gian chẳng còn là bao, chính vì vậy tôi càng muốn làm gấp những điều để tri ân đồng đội. Trong chiến tranh, tôi đã từng gần bó, từng bế trên tay, từng mai táng bao đồng đội của mình. Ranh giới giữa cái sống và cái chết thật mong manh nhưng tất cả những người lính đều không ai bận lòng. Vào mỗi dịp tháng 7 tri ân, bao hoài niệm về đồng đội, biết bao kỷ niệm sáu thăm cội lòng cứ ùa về rừng rưng.

* *Ông có thể cho mọi người biết rõ hơn những việc tri ân mà ông đã làm.*

- Tôi cùng gia đình và đồng đội đi về

các địa phương thăm hỏi tặng quà gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, gia đình có con em bị ảnh hưởng chất độc da cam, bị tai nạn bom mìn sau chiến tranh. Tôi cũng đã vận động đồng đội lên đường hành quân để đi tìm hài cốt liệt sĩ. Và thật vui khi cuộc vận động này đã có sức lan toả sâu rộng, có kết quả tốt. Tôi cũng vận động được nhiều doanh nghiệp tham gia đóng góp xây dựng các bảo tàng chứng tích chiến tranh, đài tưởng niệm liệt sĩ. Tôi cũng cảm thấy vui khi giờ đây các công trình đó đã trở thành địa chỉ để cho mọi người đến tìm hiểu về những trang sử hào hùng của địa phương mình, cũng như những địa chỉ văn hoá tâm linh để nhân dân có thể đến bày tỏ lòng tri ân đối với người đã ngã xuống vì độc lập dân tộc.

* Trong số các công trình đó, có công trình nào làm ông cảm thấy hài lòng nhất không?

- Có lẽ đó là Trung tâm Hoà bình, tại số 1 Trần Hưng Đạo, Quảng Trị. Tại đây có xây tượng đài hoà bình. Chân tượng đài là một ngôi mộ chung dành cho những người đã ngã xuống. Trên thực tế, nhiều gia đình có người thân ngã xuống trong chiến tranh nhưng ở chiến tuyến bên kia cũng đến đây thắp hương. Họ đã thắp hương với một tâm thế không phân biệt bên thắng hay thua trận, chỉ đơn giản đó là đài tưởng niệm tất cả những người con Việt Nam, cùng máu đỏ da vàng đã ngã xuống trong cuộc chiến.

* Vậy có thể xem đó như là biểu tượng của sự hoà giải?

- Đúng vậy. Tất cả mọi người đều có quyền đến đây để thắp hương, để khép lại quá khứ. Khi ai đó đến đây để thắp hương, có nghĩa là họ đã tự hoà giải với chính mình rồi sau đó là mở lòng để hoà giải với người phía bên kia.

* Ông đánh giá thế nào về việc đãi ngộ các gia đình có công trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thời gian qua?

- Chúng ta đã có hàng trăm văn bản, sắc lệnh, pháp lệnh, chỉ thị, nghị quyết thông tư của Đảng, nhà nước về thương binh liệt sĩ, về người có công với cách mạng được ban hành, đó là thành quả to lớn, đáp ứng được yêu cầu của các đối tượng chính sách. Chính sách ưu đãi người có công với cách mạng ngày càng được hoàn thiện. Các chính sách ưu đãi xã hội của nhà nước về giáo dục, miễn giảm thuế trong sản xuất, kinh doanh, ưu tiên giao đất sản xuất, cải thiện về nhà ở, đất ở, chăm sóc sức khoẻ, các chương trình lồng ghép xoa dịu giảm nghèo, việc làm đã thiết thực hỗ trợ người có công ổn định đời sống, nỗ lực vươn lên trong cơ chế mới. Phong trào toàn dân chăm sóc thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ đã phát triển rộng khắp cả nước.

* Vậy là chúng ta đã làm khá tốt thưa ông?

- Tất nhiên bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công tác thương binh liệt sĩ, công tác chính sách đối với người có công và phong trào đến ơn đáp nghĩa trong những năm qua vẫn còn hạn chế. Việc tuyên truyền phổ biến chế độ chính



Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu động viên tân binh lên đường làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc



Từ trái sang phải: Em Phước, Chính ủy Trịnh Văn Thư, má Sáu Ngẫu, Trung đoàn trưởng Nguyễn Huy Hiệu và em Đức (ảnh: T.L.)

sách, nhất là những chủ trương chính sách mới ban hành chưa thực sự sâu rộng, kịp thời. Một số nội dung nghiên cứu tham mưu để xuất chưa đảm bảo tiến độ. Trách nhiệm của một số cấp uỷ, chính quyền còn hạn chế. Việc nắm nguyên tắc, thủ tục giải quyết chế độ, chính sách của cơ quan, cán bộ đảm nhiệm công tác chính sách chưa tốt, đã gây ra không ít phiền hà cho người hưởng chính sách, gây dư luận không tốt cho xã hội. Bên cạnh đó nhiều qui định chưa theo kịp với quá trình đổi mới của đất nước. Đội ngũ cán bộ chưa được trang bị những kiến thức ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ.

* Vâng, tôi nghĩ trên thực tế còn rất nhiều thiếu sót, phi lý trong việc giải quyết chế độ cho người có công. Chẳng hạn như có kẻ không một ngày đi bộ đội nhưng vẫn làm được thẻ thương binh để hưởng ưu đãi, trong khi đó người có công, vất vả bao nhiêu năm để làm thủ tục hưởng chế độ mà vẫn không được...

- Đó là sự yếu kém của bộ máy chính quyền ở nhiều địa phương, gây ra những ngang trái không thể chấp nhận, không thể tha thứ được. Nếu chúng ta làm không tốt, không thoả đáng về các chính sách cho người có công thì sẽ gây tác động xấu trực tiếp đến tinh thần, tư tưởng

cho những người đã hy sinh vì độc lập dân tộc. Lúc họ chiến đấu, hy sinh, đấu tranh đến sự hưởng thụ sau này. Nếu ta không đến đáp công ơn cho họ xứng đáng thì chúng ta sẽ thành kẻ có tội.

* Thưa ông, khi còn đương chức Thứ trưởng Bộ Quốc Phòng ông có những việc làm gì để thúc đẩy chính sách, hành động đến ơn đáp nghĩa cho những người có công không? Và ông có gặp vướng mắc gì không?

- Khi còn đương chức, tôi cũng đã có những đề xuất liên quan đến việc đến ơn đáp nghĩa. Tất nhiên không phải đề xuất nào của mình cũng được đồng thuận. Nhân đây tôi cũng muốn nói luôn một ý nữa. Đó là khi còn giữ cương vị Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, tôi có điều kiện đi nhiều nước, dự nhiều cuộc họp, hội thảo quốc tế. Bất cứ khi nào có cơ hội tôi đều gửi thông điệp về những hậu quả của chiến tranh gây ra cho nhân dân Việt Nam, nó tàn khốc và đau thương đến mức độ nào. Tôi cũng đã nhiều lần kêu gọi cộng đồng quốc tế, đặc biệt là Mỹ hãy chung tay cùng Việt Nam khắc phục hậu quả chiến tranh.

* Sau những nỗ lực kêu gọi như thế có đạt kết quả gì không thưa ông?

- Cũng có. Đặc biệt là Mỹ đã phải

cung cấp cho Việt Nam 180 đĩa CD ghi lại các cuộc tàn sát tập thể bộ đội Việt Nam trong các trận chiến. Cũng nhờ 180 CD phía Mỹ cung cấp mà quân đội ta tìm được một số hố chôn tập thể ở Quảng Trị, Biên Hoà - Đồng Nai và một số địa danh khác, xác định được danh tính hàng trăm liệt sĩ mất tích.

* Thưa ông, với gần 50 năm quân ngũ, trong đó nhiều năm giữ những chức vụ quan trọng trong quân đội, có điều gì mà ông muốn nói muốn làm nhưng chưa thể thực hiện được không?

- Có một điều tôi rất băn khoăn. Và có lẽ, đây là lần đầu tiên tôi nói ra. Tất cả quốc gia trên thế giới, khi đi qua chiến tranh họ đều tổng kết và công khai những sự hy sinh mất mát. Tuy nhiên đến giờ Việt Nam vẫn chưa làm được điều đó. Tổng kết và công khai những hy sinh trong chiến tranh để thấy được sự tàn khốc do chiến tranh gây ra, để thức tỉnh lương tri loài người hãy biết yêu thương nhau hãy chung sống hoà bình để không bao giờ diễn ra những điều đau lòng như thế nữa.

* Thưa ông, có phải ông là người đầu tiên đưa ra ý tưởng thành lập Làng Quân nhân?

- Có lẽ vậy.

* Ông có thể nói rõ vì sao mà ông đã có ý tưởng này?

- Quân đội ta có một đặc điểm là đa số xuất phát từ nông thôn, từ một ngôi làng nào đó. Hoà bình, nhu cầu nhà ở cho sĩ quan, quân nhân tăng cao. Bộ quốc phòng có ý định xây dựng các khu nhà ở cho sĩ quan, quân nhân để họ yên tâm phục vụ quân đội lâu dài. Những năm 80, khi đó tôi là Sư trưởng Đại đoàn Đồng bằng (nay là Sư 390), tôi nghĩ, sao ta lại không xây dựng khu nhà ở cho người lính như một cái làng nhỏ. Vì thế, lúc đầu làng có tên gọi là "Làng Đồng bằng", sau đó gọi là "Làng Quân nhân". Làng góp phần tạo ra việc làm, nhanh chóng ổn định cuộc sống cho cả những quân nhân vừa xuất ngũ, nên ngay từ khi mới ra đời đã được nhiều người hưởng ứng, quan tâm. Một ngôi làng của những người đã ra quân nhưng lại mang tính chất y hệt như quân đội từ cuộc sống đến sinh hoạt. Ngày thường, những quân nhân và cựu quân nhân đi làm kinh tế. Khi có chiến tranh xảy ra, các gia đình lập tức được chuyển thành đại đội phục vụ hậu cần cho chiến dịch. Nói cách khác, làng kinh tế quân nhân là khu căn cứ hậu cần trong thời kỳ hiện đại.

* Nếu bây giờ có một điều ước cụ thể, ông sẽ ước điều gì?

- Tôi mong muốn các gia đình có công với cách mạng sẽ được miễn phí tiền học hành, chữa bệnh.

* Cảm ơn thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu. Sắp đến ngày thương binh liệt sĩ (27/7), chắc hẳn ông sẽ có nhiều chuyến đi tri ân. Xin chúc ông sức khoẻ để có được những chuyến đi đầy ý nghĩa. Và, cũng xin chúc ông làm được nhiều việc tri ân có ý nghĩa hơn nữa.

TRẦN VŨ LONG thực hiện

BÚT KÝ - PHÓNG SỰ

NƯỚC MẮT BỐN MƯƠI NĂM

Bút ký của HỒ THỦYGIANG

TÔI mở đầu cuộc trò chuyện với chị Lương Thị Hội - một trong 7 đội viên thanh niên xung phong (TNXP) của Đại đội 915 thuộc Đội 91 sống sót trong trận bom B52 tối 24-12-1972 tại ga Lưu Xá, Thái Nguyên - bằng câu hỏi:

- Có phải khi phát hiện thấy máy bay B52 áp đến, đội phó Nguyễn Thế Cường đã hô lớn: "Các em nhớ vào hầm ngay. Phía ngoài này để chúng tôi che chắn!"?

Tôi giật mình thấy chị Hội không trả lời ngay mà bất ngờ ôm mặt khóc nức nở. Chị khóc một lúc lâu lắm mới ngừng lên nói với tôi bằng một giọng nghèn nghẹn:

- Đúng thế anh ạ. Đó là câu nói cuối cùng của anh Cường, đội phó của chúng tôi. Bốn mươi năm nay, rất nhiều đêm cứ nhắm mắt, câu nói ấy lại vang vọng bên tai. Tôi nói, anh đừng cho là lần thẩn, chứ ngày ấy những người... không may sống sót như chúng tôi hầu như ai cũng nghĩ giá như được chết cho người khác sống thay mình.

Tôi chưa từng thấy nỗi đau nào đã qua hơn bốn mươi năm mà dường như vẫn canh cánh bên lòng như vậy. Nhưng rồi tôi đã hiểu. Những giọt nước mắt của chị Hội không phải là những giọt nước mắt bình thường, không chỉ là nỗi đau riêng mà ít nhiều pha lẫn vẻ đàng dốt đã ngưng đọng bốn mươi năm dài trong trái tim tất cả đội viên của đại đội 915 năm ấy.

Đến ngày hôm nay, có lẽ nhiều người dân tỉnh Thái Nguyên đã không còn xa lạ với sự kiện 61 đội viên TNXP Đại đội 915 thuộc Đội 91 đã hi sinh anh dũng trong lúc bốc dỡ hàng hoá tối 24-12-1972 tại ga Lưu Xá. Vậy mà chỉ ba, bốn năm trở về trước thời nó đã giống như một quá khứ bị chôn vùi. Không ít người từng sinh sống khá lâu năm ở Thái Nguyên nhưng đã không hề biết đến sự kiện đau thương ấy. Nhưng đối với những đội viên TNXP thuộc Đội 91 thì lại hoàn toàn ngược lại. Đối với họ, ngày 24-12-1972 là một ngày vô cùng bi tráng, đã trở thành trang sử không thể mờ phai của chính cuộc đời họ.

Sau mấy phút trấn tĩnh, chị Hội đã kể lại cho tôi một cách khá rành rẽ: "ngày 24-12-1972 khi chúng tôi bốc dỡ hàng ở ga Lưu Xá, máy bay giặc Mỹ vẫn bay đi, bay lại. Biết là có thể hy sinh nhưng đường như không ai quan tâm mà chỉ nghĩ đến chuyện phải bốc hàng thật nhanh. Làm từ sáng đến trưa mỗi người chỉ húp một ít cháo loãng, có người còn chưa kịp ăn đã làm việc ngay. Chập tối, lượng hàng hoá đã được giải toả khá nhiều. Đến 19 giờ, theo lệnh ban đầu là phải rút quân về tập kết tại Trường Đại học Cơ điện, nhưng hàng lúc ấy vẫn còn nên chúng tôi quyết định về nghỉ ăn cơm ở gần đó rồi làm tiếp. Nhưng chưa kịp ăn cơm tối thì máy bay B52 Mỹ ồ ạt kéo tới. Sau tiếng hô mọi người vào hầm trú ẩn của đội phó Nguyễn Thế Cường vang lên, tôi nghe thấy những tiếng nổ chát chúa, dính tai nhức óc, rồi sau đó không còn hay biết gì nữa. Khi tỉnh lại tôi thấy mình nằm trên mặt đất lổn nhổn, quần áo rách bươm, toàn thân tê buốt, khắp người ứa máu. Tôi lại ngất đi. Tỉnh lại lần thứ hai, tôi dần dần thức tỉnh ra ngoài để tìm đường trở về đơn vị. Do đầu óc choáng váng, mê hoảng nên mặc dù cách đơn vị có sáu cây số mà tận gần sáng tôi mới tới nơi. Ngay sau đó tôi được chuyển gấp tới bệnh viện..."

Thực ra câu chuyện chị Lương Thị Hội vừa kể giờ đây không còn quá xa lạ với những người làm báo. Nó đã được nhiều đội viên của Đại đội 915, những người trực tiếp và không trực tiếp có mặt trong sự kiện ấy mô tả lại. Nó đã trở thành những hình ảnh lăm lăm của những TNXP thuộc Đội 91 nói chung và Đại đội 915 nói riêng. Nhưng bên cạnh những hình ảnh hào hùng ấy, ít ai biết nó còn mang chút ít dư vị xót xa của thời hậu chiến.

Hình như mọi "dịch dắc" được bắt đầu từ chuyện khi đội phó Nguyễn Thế Cường chiếu rọi ý nguyện của tất cả đội viên, không rút quân theo kế hoạch mà ở lại tiếp

tục làm việc, vì lúc ấy hàng còn tồn đọng khá nhiều.

Sau này, tuy chiến công và sự hy sinh anh dũng của 61 đoàn viên TNXP đại đội 915 đã được ghi nhận bằng việc truy tặng danh hiệu liệt sĩ, nhưng riêng đội phó Nguyễn Thế Cường bị coi là không chấp hành mệnh lệnh nên được công nhận danh hiệu chậm nhất. Thêm nữa, là sự im lặng kéo dài về thành tích cùng sự vinh danh xứng đáng đối với các cựu TNXP của đại đội 915.

Một trong những nhân chứng lịch sử - đồng đội của những liệt sĩ đã khuất, chị Nguyễn Thị Mận, quê xã Trung Thành, Phố Yên (Thái Nguyên), nguyên cán bộ tổ chức Đội TNXP 91, người từng tìm kiếm, nhận dạng, gom nhặt những mảnh thi thể của đồng đội trong cái đêm Noel ấy đã khẳng định: "Ngày ấy, bất cứ là ai trong lãnh đạo của Đại đội 91 xuống chỉ huy giám sát và cùng bốc dỡ hàng với các đoàn viên Đại đội 915, trước công việc bọn bé trong đại, cũng hành động như đồng chí Nguyễn Thế Cường. Tôi thật đau lòng khi anh Cường là người cuối cùng được công nhận liệt sĩ..."

Được biết, nếu như không có sự kiện đồng chí Hà Nhân Thăng, chủ tịch Hội Cựu Thanh niên Xung phong tỉnh Thái Nguyên đã cùng các đồng sự bỏ tiền túi và công sức lặn lội, gập gờ nhiều đội viên trong đại đội 915 để tìm tòi, tập hợp những tư liệu lịch sử rồi báo cáo lên đồng chí Nguyễn Bắc Sơn (hiện đang là Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông) khi ấy là Bí thư Tỉnh uỷ tỉnh Thái Nguyên, thì có lẽ cái sự tích hào hùng kia có thể vĩnh viễn lui vào quên lãng.

Đồng chí Nguyễn Bắc Sơn khi nhận được bản báo cáo nói trên, đã thốt lên: "Đọc báo cáo này, tôi thực sự giật mình". Giật mình, vì cái sự tích vô cùng oanh liệt ấy mà sao đến tận lúc này (2006) mới được đề nghị làm sáng rõ, vinh danh. Đồng chí Nguyễn Bắc Sơn đã nhiều lần khẳng định: "chiến công của Đại đội 915 là minh chứng điển hình về lòng quả cảm, hy sinh thân mình vì Tổ quốc, tiêu biểu cho phong trào TNXP cả nước. Sự hy sinh anh dũng của 61 cán bộ, đội viên ở mặt trận hậu phương xứng đáng được tôn vinh công trạng. Việc truy tặng danh hiệu Anh hùng LLVTND cho Đại đội 915 là hoàn toàn xứng đáng, ghi nhận chiến công anh dũng, vẻ vang của tập thể Đại đội, đồng thời góp phần giáo dục truyền thống các thế hệ thanh niên Việt Nam"

Ngày ấy, sau khi nhận được báo cáo, Bí thư Tỉnh uỷ Nguyễn Bắc Sơn đã nhanh chóng chỉ đạo các cơ quan chức năng gấp rút hoàn thiện mọi việc để có thể sớm vinh danh cho Đại đội 915 và những liệt sĩ đã anh dũng ngã xuống trong trận chiến ấy.

Sau đó không bao lâu, Đại đội TNXP

915 được phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVTND. Địa điểm lưu niệm các TNXP hy sinh tại Lưu Xá được xếp hạng Di tích lịch sử cấp Quốc gia. Ngày 10-7-2010, tỉnh Thái Nguyên tổ chức lễ khởi công tôn tạo, tu bổ khu di tích với quy mô trên diện tích 7ha, tổng mức đầu tư gần 100 tỷ đồng. Tiếp đó, vào Ngày 24-12-2010, UBND tỉnh Thái Nguyên đã long trọng tổ chức Lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho Đại đội 915 thuộc Đội TNXP 91 Bắc Thái do Phó Chủ tịch Quốc hội Ung Chu Lưu thừa ủy quyền của Chủ tịch nước trao tặng.

Trong mấy năm gần đây, địa điểm lưu niệm ấy đã lần lượt được các nguyên thủ quốc gia, các vị lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước đến thăm hương tưởng niệm. Các cơ quan, đoàn thể, các doanh nghiệp lớn, nhỏ cũng đã đến thăm và ủng hộ cả về tinh thần lẫn vật chất cho việc tôn tạo di tích hoặc xây dựng những ngôi nhà tình nghĩa, những món quà hàng năm...

Chiến tích ấy, tuy vinh danh hơi muộn, nhưng dù sao vẫn còn hơn là sự im lặng kéo dài bao năm qua.

Thế nhưng, hình như câu chuyện về đại đội TNXP 915 cho đến tận bây giờ vẫn chưa thể nguôi ngoai. Đêm đêm, trong mỗi nỗi niềm, trong những suy tư, trong từng giấc ngủ, chừng như tiếng bom hoà bình vẫn đang rền rĩ trong trái tim của những nữ đội viên năm xưa.

Đã có đôi ba bài báo viết về cái "niềm vui chưa trọn" ấy. Người ta vẫn thấy thấp thoáng đâu đây những hình ảnh của những nữ đội viên Đại đội 915 Bùi Thị Loan, Lương Thị Hội, Hoàng Thị Mới... còm cõi, khổ đau, chất chường vượt lên đói nghèo hoặc suốt bao năm nay không hề được hưởng bất cứ một đãi ngộ xứng đáng nào. Và trong gió thoảng, một số chị em TNXP vẫn thường truyền nhau câu chuyện một nữ đội viên do bức xúc đã tiêu cực đến nỗi úp tất cả giấy khen, bằng khen vào tường.

Và giờ đây, ngồi trước mặt tôi là chị Lương Thị Hội, một đội viên của Đại đội 915 hiện đang sống tại xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, một trong 7 người sống sót của trận bom tối 24-12-1972 lịch sử ấy. Dáng người gầy guộc, ánh mắt đã mờ hơi sương. Với giọng phảng phất buồn, chị kể lại cho tôi nghe về hành trình hai mươi năm lặn lội đi làm chế độ thương binh của mình. Với hai lần bị thương khá nặng, mặc dù sức khoẻ thật sự sa sút nhưng khi giám định không hiểu sao chị lại chỉ đạt 17%. Theo qui định chung phải 21% mới được cấp thẻ thương binh loại thấp nhất. Nhiều người bảo vì chị quá "thật thà" nên mới chịu thiệt, bởi thời gian ấy đã có những người thành tích và thương tật không bằng chị mà vẫn được cấp giấy chứng nhận thương binh.

Biết làm sao được, cái thật thà ấy chị đã được luyện rèn chính bởi tinh thần "vì nước quên thân" trong đội ngũ TNXP năm xưa. Ngày ấy, có một người vì thương cảm đã "hiến kế" cho chị là chỉ cần đưa cho ông ba triệu ông sẽ lo cho mọi chuyện. Sau bao đấu tranh, dằn vặt nhưng cuối cùng chị đã khước từ. Chị Hội cười trong nước mắt nói với tôi rằng, bây giờ chị cũng không còn quá nghĩ ngợi về chuyện đó nữa. Chị đã quen với mọi chuyện rồi. Chị bảo số chị còn hơn một đồng đội cũ là chị Bùi Thị Loan ở Chợ Đồn, Bắc Cạn, cũng là một trong 7 người sống sót của trận bom ngày 24-12-1972, đã có giấy chứng nhận thương binh mất 81% sức khoẻ mà sau đó bỗng nhiên lại bị cắt, giờ không biết cuộc sống vất vưởng ra sao.

Những câu chuyện bất công và bị phản xiết bao. Nhưng chắc cũng không ít người sẽ lập luận rằng đã là chính sách thì không ai có thể vượt qua. Đành rằng là vậy. Nhưng cũng xin thưa, cái chính sách công bằng và nhân đạo nhất phải là cái chính sách mang lại cho con người niềm vui chứ không phải nỗi oán hận. Cái chính sách ưu việt và trong trẻo nhất phải là cái chính sách làm cho con người hướng mặt phải của tấm chứng nhận huân chương ra phía cuộc đời chứ không phải là úp nó vào trong tường như có người đã quá tiêu cực, phải làm. Hơn nữa, qua bao năm tháng học tập và làm theo lời Bác mà lẽ nào ta lại quên một lời dạy ân tình của Bác: "Hề còn một người Việt Nam bị bóc lột, bị nghèo nàn, thì Đảng vẫn đau thương, cho đó là vì mình chưa làm tròn nhiệm vụ. Cho nên Đảng vừa phải lo tình công việc lớn như đối mới nền kinh tế và văn hóa lạc hậu của nước ta thành nền văn hóa tiên tiến, đồng thời luôn luôn quan tâm đến những công việc nhỏ như tương, cà mắm, muối cần thiết cho đời sống hàng ngày của nhân dân".

Nhưng mà thôi, đó là những chuyện muốn đời vẫn khó đem ra để luận bàn phải trái, đúng sai. Đó là những chuyện mà đến cả những vị lãnh đạo cấp cao, dù muốn cũng khó bề xoay sở. Tuy nhiên, một sự thật đáng buồn là những bất công, bất cập, những trái ngang kia vẫn đang đó đây hiện hữu ở ngay chính giữa cuộc đời này.

Nhưng dù sao, tôi cũng cảm thấy nhẹ lòng hơn khi trong phút từ biệt chị Hội để ra về tôi bỗng thấy trên đôi mắt nhân neo của chị một thoáng cười hồn nhiên, tươi tắn. Tôi biết, lâu nay chị đã tình nguyện bỏ lại tất cả mọi nỗi niềm khắc khoải ở phía sau.

Và tôi chợt hiểu, cái vẻ đẹp tinh thần của những cựu TNXP 915 năm xưa chính là việc biết tự lau khô nước mắt để đứng lên xây dựng cuộc đời. ■



NGUYỄN ĐỨC MẬU

Người ngồi trước mộ mình

Kính tặng ông Phan Hữu Đước - người cứu binh về quê sau 40 năm báo tử

Sau bốn mươi năm báo tử. Ông về...
Thấy ảnh mình trên bàn thờ
Thấy ảnh mình trên bia mộ
Người trong ảnh là ông thời trai trẻ
Phải ông: người trong ảnh ngày xưa...?

Ông trở về. Trước mộ cha, cúi mặt
Trước mộ mẹ, khấn thầm
Hình hài vẹo xiêu
Tuổi chiếu nắng tắt

Ngôi mộ ông đắp bằng nước mắt
Chiếc tiểu sành không hài cốt
Hương khói tỏ mờ mỗi đặn thanh minh

Trước bia đá, cỏ xanh
Người phế binh đại ngàn khuôn mặt
Ông nhắm nhủ bao người đã khuất
Trong một trận bom, trên một con thuyền nam chiến tranh
Bao người chết một ngày, chết không tìm thấy xác...

Ông là kẻ lẻ loi sống sót
Sau bốn mươi năm... ngồi trước mộ mình

LÊ QUANG SINH

Bên nghĩa trang liệt sĩ

Không đủ nhang cho riêng mỗi anh hùng
tôi bái vọng những linh hồn đã khuất

Những hàng bia thẳng tắp!
Những hàng bia điệp trùng!...

Trưa biên giới trời chang chang nắng
cỏ cháy khô trên tên tuổi tươi xanh!

Chiến tranh đi qua đã gần bốn chục năm
Gần bốn chục năm chị đi tìm chồng
rừng sâu,
núi thẳm!...
Hạnh phúc chẳng tay gang,
biệt ly dài đằng đặc!...

Trưa biên giới trời chang chang nắng
cỏ cháy khô trên tên tuổi tươi xanh!

Những đứa con tìm cha,
bốn chục năm, tóc trên đầu điểm bạc!
Cha nơi đâu?
Nơi đâu?!...

Những nắm mồ có tuổi, có tên...
Những nắm mồ không tuổi, không tên...
Những nắm mồ...
Chìm lấp!

Trưa biên giới trời chang chang nắng
cỏ cháy khô trên tên tuổi tươi xanh!

Người cha tiễn con đi đến tận chiến trường
Lời căn dặn là cuốn "Thép đã tôi..."
để tặng con cùng đồng đội!
Gần bốn chục năm sau cuốn sách ấy trở về
ông gục khóc trên tay người nhân nghĩa!

Trưa biên giới trời chang chang nắng
cỏ cháy khô trên tên tuổi tươi xanh!

Mẹ vẫn thường vin cột tre đầu cổng chiếu chiếu...
Ngóng chờ anh bằng heo hắt đời mình!
Hy vọng mười năm!
Hy vọng hai mươi năm!
Hy vọng bốn mươi năm!
Chiếc cột tre đầu ngõ đã hòa sênh.

Trưa biên giới trời chang chang nắng
cỏ cháy khô trên tên tuổi tươi xanh!...

MẠNH NGUYỄN

Lặng nhìn cây bồ kết

Ở ngã ba Đồng Lộc
mười năm mộ
mười cô gái xung phong tóc bết đất
mọc lên cây bồ kết
bóng trở dài...
thướt tha
Nắng trưa tròn hong khô
Sương sớm trong như ngọc
Xiêu xiêu chiếu...
Chim hót
bằng lăng tìm nhau đêm

Như trăng, như sao ú... òa... trên đất
như lá, như hoa bên nhau
Tóc chải hương bồ kết
rất xinh
Khúc khích
đọc thư tình
Thăm thẳm:
Chưa ai một lần hò hẹn
chưa một lần người yêu cài hoa lên mái tóc

Chúng tôi không khóc!
Những người đàn ông xếp hàng
phải lòng cây bồ kết
Lời thỉnh cầu...
xanh ngắt nghĩa trang...

* Chữ không nghiêng có trong thi phẩm Lời thỉnh cầu của Vương Trọng.

THÁI HẢI

Người đàn bà nhóm bếp

Thêm mùa đông
Ngón ngón đen gầy
Chiếc nồi đất lệch nghiêng bếp củi
Lửa reo che giọt buồn

đi giữa trời khuya sương rơi ướt áo*
Bốn chục năm ngồi hong mà áo chưa khô
Nhớ con đường thao thiết thời con gái
Sau loạt bom còn lại tiếng cười

Còn tiếng suối thật trong
Còn tiếng lay thật khẽ
Còn tiếng gọi Hương ơi
Còn tiếng nấc Thơm à

Thêm một mùa vắng tiếng khóc trẻ thơ
Da diết màu đất bên chiến hào lốt lá
Những nụ hôn vội vã đi qua
Phở phạc ngọn tóc ngòn ngòn đen gầy bên bờ tre
gốc mía

Bếp lửa hồng chiếc nồi đất lệch nghiêng...

* Lời bài hát: Có gái mở đường. Nhạc và lời Xuân Giao.

NGUYỄN THẮN

Sao mắt lá cứ rung rung

Ở nơi đây
Đã chôn chặt những tiếng cười
Chỉ ngan ngát khói hương
Dòng người đến...
Rời đi im lặng!

Ở nơi đây
Chỉ còn vọng lại
Tiếng nhì nhảnh mười em ngày xưa
Sau tan tằm bom đội...
Tiếng cười đùa vui
Gán ghép
Mai một lấy chồng...

Ở nơi đây
Giờ đã đủ mười người
Mười người vẹn nguyên đồng đội

Cây đã kín đời
Sao mắt lá cứ rung rung...

LÊ QUÝ DƯƠNG

Trắng - màu Quảng Trị

Tôi đã viết đôi lần về Quảng Trị chiến tranh
Đất đỏ, đất đen màu hổ bom, lửa cháy
Những dòng sông nhuộm máu
Oằn mình, nhức nhối, chảy xuôi...

Bốn mươi năm rồi!
Dòng sông - trong tôi - không trở lại
"Những đêm dài Thạch Hãn
Nhấp nhò đồng đội qua sông
Sang tôi bờ nam
Tìm gọi nhau thiếu vắng
Lặng lẽ về nơi tiếng súng gầm"

Bốn mươi năm? Đã bốn mươi năm!
Đủ cho mặt đất thay màu
Đôi chỗ, sông đổi dòng bồi lở
Hổ bom san lấp xây nhà
Gấu vục đất lên... lẫn cả xương người!

Quảng Trị, không còn màu chiến tranh
Đầu Quảng Trị xanh - đang xanh non tơ
Xin chờ vô tình
Với màu trắng - NGHĨA TRANG VÀ CÁT!

ĐINH ĐỨC CƯỜNG

Về Khe Sanh

Bốn mươi lăm năm quay lại Khe Sanh
Mảnh đất chết - đã hồi sinh...
Lẩn trong sương là bóng những người lính
Chộp hân trên lưng trời
Tiếng đạn bom gào thét
Trên các điểm cao!
Sân bay Tà Cơn tê liệt trong lửa
Bóng quân giải phóng...
Vượt hàng rào điện tử
Xông vào hang ổ địch
Bóng người chơi với ngã...
Những gương mặt mờ trong khói bom!...

Trời Khe Sanh bùng nắng
Bóng những người lính già đầu bạc trắng
Đứng trên điểm cao
Trong quân phục màu xanh gọi tên đồng đội...
Cò một người lính già cúi bốc đất Khe Sanh
Lẩn máu thịt con mình đem về thờ cúng
Bốn mươi lăm năm kỷ ức thời gian
Không xóa hết...!

NGUYỄN ĐÌNH XÁN

Ở sông Thạch Hãn

Đêm qua sông Thạch Hãn
Mười đi, một trở về;
Đáy sông như lòng mẹ
Ôm đàn con trăm quê!...

ĐOÀN VŨ

Ngày về

Ngày về
nặng quai chân mây!
Vành khăn
chít vội lên ngày chịu tang
Mưa chiều
lạnh không nghĩa trang?
Quý bên mộ mẹ...
nén nhang gục đầu.

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

DÒNG SÔNG THƠ ĐA DẠNG

PAUL LA FARGE* (Pháp)

EZRA POUN (1885-1972, nhà thơ Mỹ- ND) từng nói rằng: "Thơ là loại tin tức luôn luôn mới". Nhưng như nhà văn Pháp Felix Feneon thuở nào trong **Tiểu thuyết 3 dòng** khẳng định, bản thân một số tin tức cũng đã là thơ rồi. Đó là một dạng kỳ cục của tin tức, điều mà người Pháp gọi là "faits divers", "những sự kiện linh tinh" hay "chuyện tạp nhạp, chẳng đầu vào đâu", thường là những mẫu ngắn, khủng khiếp hoặc kỳ quái, từ án mạng, tự vẫn, tới đồ nhảm gara, bà già bị mô-tô húc...

Giống như chuyện ngổ lê đôi mách, hay ghi chép trong sổ tay cảnh sát, *faits divers* thường chỉ có mấy tí văn chương, nhưng vài thập kỷ đầu thế kỷ XX, hầu hết dân Pháp đều đọc nó. Những báo khổ nhỏ, rẻ tiền, hay thậm chí cả đất tiến, có đăng *faits divers*, thì chiếm đến 3/4 thị phần Paris, và ngốn đến 40% lượng giấy của toàn nước Pháp. Năm tháng trôi, có không ít các nhà văn dần trở nên ngắn gọn, súc tích nhờ tham gia viết thể loại này. Một trong những mẫu *faits divers* đã cho Stendhal ý tưởng của tiểu thuyết **Đỏ và Đen**, còn một mẫu khác giúp Marguerite Duras viết **Tinh nhân người Anh**. Các nghệ sĩ siêu thực đã in 13 kỳ *faits divers* trong seri đầu tiên của tạp chí **Siêu thực**, tất cả đều về chủ đề tự tử: một bà sồn sồn gieo mình xuống giếng sâu nhà hàng xóm, một cô gái trẻ phát hiện trong áo lót mình có chữ W, liến nhảy cầu sông Seine... Nhưng không ai coi *faits divers* là văn chương, hay muốn phả văn chương vào *faits divers* như nhà phê bình kiêm xuất bản gia Felix Feneon (1861-1944).

Ai đó có thể nghĩ Feneon là một nhà tiểu thuyết, nếu không có những tranh cãi khó hiểu trong lý lịch của ông. Là một công dân Pháp sinh ra ở Turin (Ý), đầu tiên ông thi công chức để phục vụ cho Phòng Chiến tranh (kiểu như Bộ Quốc phòng- ND). Ông vui mừng nhận thấy, sau những báo cáo ngắn, ông có thể viết được nhiều điều về các đồng đội. Nhưng đồng thời, Feneon lại là người rất phóng túng. Ông tự mình đảm nhận Tạp chí **Vô chính phủ** sau khi chủ bút của nó bỏ trốn. Rồi ông kết bạn với Emile Henry, người ném bom vào quán cà phê có cái tên rất gồ là "Bến cuối", giết chết 20 người lạ mặt. Bản thân Feneon cũng bị nghi ném lựu đạn vào một quán cà phê khác, và bị bắt khi cảnh sát tìm thấy thủy ngân và chất nổ trong văn phòng của ông (ông chống chế rằng đó là do cha ông nhặt được ngoài phố!).

Sau đó Feneon được tha bổng, nhưng mất việc. Ông cộng tác với một tạp chí văn chương ít lâu, rồi năm 1906 về báo **Buổi sáng**, một ấn phẩm bình dân. Ông phụ trách mục *faits divers*, tiếp tục viết những mẫu tin trái khoáy. Sáu tháng sau, ông bỏ tờ báo đi làm cho một phòng tranh nghệ thuật.

Những bài báo *faits divers* của Feneon, sau khi ông chết, được khai quật và in gộp vào thành **Tiểu thuyết 3 dòng**, có lẽ không hẳn đã là những tác phẩm văn chương quan trọng nhất của ông. Còn có bản minh họa Rimbaud, và bản dịch tiếng Pháp tiểu thuyết *Ulysses* nữa, nhưng chúng không sống được bao lâu. Vậy thì chúng ta hãy cùng xem:

Đã có một vụ nổ khí ga tại nhà ông Larrieux, thành phố Bordeaux. Ông bị dính thương. Mái tóc mẹ vợ ông bắt lửa. Trần nhà sập.

Những mẫu tin ngắn hai hay ba dòng này, toàn là những tai nạn, chết chóc, tội ác (hiếm khi cao thượng, đáng kính)... tóm lại, những mẫu hung tin, hóa ra lại có phẩm chất rất quan trọng của thơ, đó là độ nén và sự bùng nổ, mà tiểu thuyết hiếm khi đạt được. Dù chúng chỉ có cuộc sống ngắn ngủi, và cũng chẳng góp mấy tí vào việc soi rọi những góc khuất cuộc đời của người dân một thế kỷ trước, nhưng Feneon vẫn sung sướng ghi chép:

Quý bà Couderc, tỉnh Saint-Ouen, mấy lần bị cái



chốt cửa niu áo ngăn cản việc quyền sinh. Bực mình, bà lên hẳn nóc nhà lao mình xuống phố.

Và đây nữa:

Phu nhân Fournier, Đức ông Vouin, Đức ông Septeuil, đã lần lượt treo cổ chỉ vì họ mắc chứng suy nhược thần kinh, bệnh ung thư, và mất chỗ làm.

Ông còn chú ý đến các chi tiết gây phiền muộn:

Trên vai trái tử thi một đứa trẻ sơ sinh mới tìm thấy gần doanh trại tiểu đoàn pháo binh số 22, có một vết xăm: hình một khẩu pháo!

Cả những tai ương trái khoáy:

Con trai 5 tuổi của bà Roger, thị trấn Clichy, vô ý quệt diêm dưới váy mẹ. Tai họa thật không thể diễn tả nổi.

Có chút gì đó kiểu xã hội học tàn nhẫn trong những mẫu tin này, một chút dị đoan (chết vì điên, vì đồng bóng), một chút trần tục (vẩy axit vào mặt người yêu, tự tử bằng cách trẫm mình) hơn mức thường thấy. Rồi tính chất phi pháp (kẻ trộm cắt dây điện thoại để bán đồng nát), hay hỗn nhiên (hoa hậu đội vương miện về quê, đám đông reo hò làm bầy cừu hoảng loạn). Đôi khi bí ẩn, cũng lắm lúc buồn khờ tởm. Chúng linh tinh như bản thân cuộc sống. Sức lan tỏa của chúng nằm trong cách Feneon nhặt ra cái hạt nhân phi thường trình ra cho thiên hạ bàn.

Vào thời đó, không gì có thể khiến những người Pháp bình thường ngạc nhiên hơn Trung Quốc. Đó là lý do khiến một nhà thơ tên là Victor Segalen làm được một tập thơ văn xuôi với nhan đề **Stèles** (tạm dịch: Bia đời). Giống như Feneon, Segalen cũng có một tiểu sử trứ danh: Sinh ra ở Brest năm 1878, từng làm bác sĩ hải quân ở Tahiti, rồi từng buôn tranh của bà quả phụ danh họa Gauguin và dự định viết một cuốn tiểu thuyết về sự suy tàn của tộc người Maori. Ông trở về Pháp năm 1904, hoàn thành tác phẩm, cưới vợ, sinh con trai, hợp tác với nhạc sĩ Debussy trong 2 dự án chẳng đi đến đâu, để rồi ở tuổi 30, ông thấy cuộc đời thật quá vô nghĩa. "Ở Pháp", ông viết, "với những dự án đã xong, tôi còn biết làm gì hơn nếu không phải là văn chương!". Ý tưởng sôi sục đến nỗi, ông lên đường sang ngay Trung Quốc.

Segalen sống ở đất nước phương Đông này từ 1909 đến hết năm 1914, sau đó lập lại trong 2 năm 1917-1918. Ông đọc văn học Trung Quốc cổ điển, đi du ngoạn khắp nơi, chứng kiến buổi suy tàn của Hoàng đế Trung Hoa cuối cùng, và chữa bệnh cho con trai Tổng thống Tôn Trung Sơn. Ông khai quật một ngôi mộ cổ và dự định trưng bày ở Bắc Kinh, nhưng các quan chức địa phương không ủng hộ. Ông chết năm 1919 trong một cánh rừng ở Anh, dưới một hình thức kỳ quặc: một chân bâng bô, tay cầm cuốn *Hamlet* đang mở, đồng hồ dừng đúng 12 giờ trưa. Báo chí đưa tin cái chết của ông đúng theo kiểu *faits divers*: "Tự tử chẳng?".

Stèles của Segalen xuất hiện lần đầu năm 1912. Nó cũng gây được sự tò mò đáng kể. In trên giấy thủ công một mặt, bìa gỗ long não có đóng dấu đỏ, nó tự chứng tỏ chẳng ra Pháp cũng không hẳn Trung Quốc. Mỗi bài

thơ, hay "tấm bia", lại kèm một bản khắc chữ Hán, mà trừ khi bạn từng học tiếng Trung Quốc, bạn sẽ chẳng hiểu nghĩa của chúng là gì.

Bài thơ **Lời khuyên cho một lữ khách lương thiện** chỉ gồm mấy dòng:

Hãy chọn kỹ nơi trú ngụ. Đừng tin cái đức hạnh của một đức hạnh sống dai: hãy nhắm nháp nó với chút gia vị mạnh, cay xè và nóng bỏng và chua chát và thậm chí cả nhạt nhẽo.

Được vậy, không dừng cũng chẳng sẩy chân, không chết treo cũng chẳng ngổ lý, không được thưởng cũng chẳng bị phạt, bạn sẽ không bị sa lầy vào vũng hoan lạc muôn đời, bạn hỡi.

Mà sẽ được đắm mình trong cơn cuộn xoáy của dòng sông vĩ đại, dòng Đa dạng.

Lời khuyên này mang hơi hướng nghịch lý của trí khôn phương Đông, và cũng gợi nhớ cả Baudelaire (Văn hào Pháp, người từng tặng khách qua đường Paris nhiều lời khuyên tương tự trong tập thơ văn xuôi **Hãy say sưa**), nhưng ý đồ của Segalen không phải giễu nhại, cũng chẳng phiêu linh. Chữ "Đa dạng" chính là chìa khóa. Tác giả muốn nói rằng, "Mọi thứ cho đến nay cứ tưởng là lai căng, lạ lẫm, không mong chờ, đáng ngạc nhiên, kỳ bí, đắm say, siêu nhân, hùng vĩ, hay thậm chí linh thiêng... tất cả đều chỉ là những mảnh nhỏ của khái niệm *Tha nhân*". Không hiểu Segalen nghĩ gì về thể loại văn vật này, nhưng **Stèles**, tác phẩm đề cập đến cả tình yêu lẫn chiến tranh, cả chúa trời lẫn những vị anh hùng, rồi bạn bè, lữ khách, kẻ phản bội... thực sự là cuốn *faits divers* mà không cần đến các yếu tố giật gân. Nó không hề nhằm khám phá một cõi ảo xa xôi nào, mà chỉ để biểu thị cái run rẩy, cái lảo đảo, cái bật phát *tha nhân* của chính con người.

Stèles được dịch ra nhiều thứ tiếng và phổ biến khắp thế giới. Như một công trình thông quán, nó thực sự đã là một khúc khải hoàn. Nếu phải đoán chút gì, thì có thể nói thế này: **Stèles** không làm say những người không muốn đắm chìm vào những cơn say sưa của một học giả.

Timothy Billing và Christopher Bush, hai dịch giả thành công nhất khi dịch **Stèles** sang tiếng Anh, đã kỳ công truy tầm ý nghĩa của các bản khắc chữ Hán trong sách của Segalen. Và rồi các ông đã dịch được một trong những "tấm bia" đó ra hình thức vô vị thế này:

Người thợ khắc không phải một chứng nhân. Phiến đá không có trách nhiệm phải giải thích. Chúng ta không là người bảo lãnh.

Nói cách khác, cái vẻ bề ngoài cứ xuất hiện với mọi chi tiết sống động, còn cái nội tâm hiện lên thế nào thì tùy từng chủ thể cảm nhận. Giống như Feneon từng biểu thị, tin tức, nếu biết lột bỏ cái bối cảnh mù mịt một cách có nghề, chúng cũng có thể biến thành thơ. Nhưng ngược lại, nếu thơ ca bị truy tầm nguồn cội một cách ráo riết, các biểu tượng bị vạch vôi một cách tàn nhẫn, chúng sẽ có khuynh hướng biến thành một loại khác của tin tức, không hơn không kém.■

LÃ THANH TÙNG

Lược dịch từ Poetryfoundation.org

* Tác giả là nhà văn mới nổi đầu thế kỷ XXI với hai tiểu thuyết được Thời báo New York bình bầu là "Sách đáng đọc" trong năm 2001: **Người nghệ sĩ mất tích**, và **Hausmann hay Khác biệt**. Ông nhận được phần thưởng Guggenheim năm 2002, Giải thưởng Hư cấu Bard năm 2005 cho những đóng góp ấn tượng nói trên.

Sau này, tiểu thuyết thứ ba của ông, **Những yếu tố của Mùa Đông**, nhà xuất bản Sách McSweeney ấn hành cuối năm 2005, cũng được nhiều độc giả và nhà phê bình đánh giá cao.

Hiện Paul La Farge đang góp sức cho một dự án hàng không ở Mỹ.

ÔNG Nguyễn Văn Tư hỏi tôi có nghiêm chỉnh không. Liệu tôi có thực sự muốn kể lại câu chuyện của ông, một người Việt Nam sống ở cái xứ xinh thôn quê đồng bằng sông Cửu Long này? Đã gần nửa thế kỷ qua rồi, kể từ khi những người du kích quyết ném sức mạnh quân sự Mỹ vào quên lãng - ấy là cuộc tấn công Tết 1968 - giờ đây chúng tôi mới đến ngồi trong căn nhà mộc mạc xây bằng gỗ và lá khô với nền đất ẩm của ông, nói về hai dấu hiệu của một sức mạnh: sự ngu dốt và thiếu trách nhiệm giải trình.

Khi lũ gà xón xác chạy trốn những bước chân tôi, tôi có cảm giác se sắt rằng, trong những tháng ngày tới đây, lại sẽ có thêm rất nhiều người dân Siria, Iraq và Afghanistan muốn kể những câu chuyện tương tự. Rồi cả những kỷ ức tương tự của các cựu binh Mỹ nữa. Kỷ ức về những cuộc ném bom và pháo kích. Những cơn ác mộng về sự hiện diện của "Người Mỹ" tới khá nhiều nơi ngoài biên giới Hoa Kỳ.

"Ông có thật muốn xuất bản chuyện này?", ông Tư hỏi lại. "Ông có dám nói cho cả thế giới biết về những mất mát mà dân Việt Nam chúng tôi phải chịu ở đây không?". Tôi cam đoan với ông già hơn 65 mà vẫn rắn gỏi ấy rằng, đó chính là lý do để tôi đến Việt Nam 3 lần trong 3 năm. Tôi nói rằng, ông kể gì tôi cũng xin công bố hết, từ thực đơn pháo kích, sự dội bom liên miên, rồi sự ẩn nấp ngoài đồng của người dân vì nhà cửa bị đưa vào tầm ngắm, về những phụ nữ và trẻ em bị giết vì bom đạn, về những trận đói do quân đội Mỹ và đồng minh Nam Việt Nam tịch thu lúa gạo để chặn đường tiếp tế cho Việt Cộng...

Sau khi nghe những bản thảo của ông, tôi thấp thỏm chờ đợi câu chuyện về nỗi cam go lớn nhất ông từng trải qua trong khoảng thời gian mà ở đây ai cũng gọi là chiến tranh chống Mỹ. Tôi để nghị ông kể về anh ông, một nông dân cục mịch bị lính Nam Việt Nam bắn chết hồi đầu cuộc chiến, khi người Mỹ mới chỉ đóng vai trò đơn giản là những "cố vấn". Hay về cha ông, người chết ngay sau khi chiến tranh kết thúc, trong lúc đang làm vườn, khi một quả M-79 đường kính 40 mm còn sót lại dưới đất sâu phát nổ. Hay là về cái buổi chiều năm 1971, khi ông nghe tiếng đạn rú trên đầu, rồi kêu lên "Pháo! Pháo!" để báo cho gia đình chạy ra hầm tránh. Họ đã an toàn, nhưng ông thì không. Quả đạn 105 mm rơi sát cạnh ông đã gạt mất của ông gần hết chân phải.

Nhưng ông không đặt tên cho những đau thương này.

"Thời chiến, bực mình nhất là chẳng dám làm gì", ông nói. "Đừng rồi, thiếu tự do".

Một ước nguyện đơn giản

Ở một nơi khác cũng thuộc đồng bằng sông Cửu Long, ông Phạm Văn Cháp, một

HAI NGƯỜI, HAI CHÂN VÀ QUÁ NHIỀU ĐAU ĐỐN

NICK TURSE * (Nhà báo Mỹ)



Ông Nguyễn Văn Tư

người 57 tuổi cô độc, tóc đen tua tủa, cũng kể một câu chuyện tương tự. Gia đình ông làm nghề nông, nhưng ruộng đất của họ thường bị bỏ hoang vì chính sách hậu cần Mỹ. "Trong khoảng 10 năm, vùng này chỉ toàn bom với đạn, hai đến ba lần mỗi ngày", ông nhớ lại, khi ngồi trước sân một ngôi nhà thấp lùn nằm giữa các lán gia súc trong một vùng châu thổ tĩnh mịch. "Biết bao nhiêu nhà cửa, cây cối bị tàn phá. Vô vàn hố bom quanh đây".

Tháng 1-1973, tháng đầu tiên của năm cuối cùng quân Mỹ còn hiện diện ở Việt Nam, ông Cháp nghe tiếng đạn pháo nổ khắp nơi liền chạy ra chỗ nấp. Nhưng quá muộn mất rồi. Một quả đạn 105 mm rơi cách chỗ ông đứng 4 m, những mảnh đạn sắc như dao cạo găm khắp hai chân ông. Khi tỉnh dậy trong bệnh viện, một chân ông đã cụt đến tận đùi. Sau 40 ngày điều trị, ông được đưa về nhà nhưng vẫn không được lắp chân giả đến tận cuối những năm 1990.

Cái chân giả mới của ông đến nay đã được 13 tuổi, nhưng còn lâu mới gần được như những sản phẩm sợi các bon pha titan nhẹ bồng, được thiết kế hiện đại trên máy tính, của các cựu chiến binh Mỹ. Chân giả của ông bằng gỗ, hết như một cái chân bàn nhưng có guốc bên dưới. "Ấy vậy nhưng

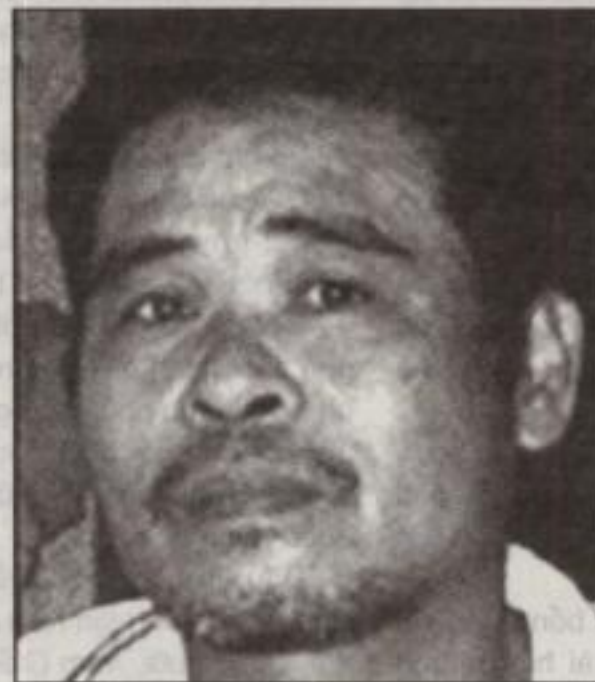
nếu không có nó, tôi chẳng làm ăn được gì", ông thủ nhận.

Khi tôi hỏi ông còn điều gì muốn nói, hay muốn nhắn nhủ với nước Mỹ, thì ông trả lời rất nhanh. Không đòi tiền đền bù nỗi đau, chẳng than vãn cuộc sống tàn phế, không oán thù gì cái điều mà chính nhiều người Mỹ đã phải phần nộ, như chính Tổng thống George Bush cũng phải thừa nhận: "Có một số con lừa vô cảm". Thậm chí ông cũng chẳng cần ai phải xấu hổ. Điều duy nhất ông muốn, mà cũng hoàn toàn dễ hiểu, là một cái chân mới, không hơn!

Ngụ dốt nghĩa là không biết xin lỗi

Tôi hỏi ông Nguyễn Văn Tư điều tương tự. Hóa ra ông có đôi lời muốn nói: "Người Mỹ đã gây ra nhiều đau thương và mất mát cho dân Việt Nam hồi chiến tranh. Vậy giờ đây người Mỹ có chút nào ăn năn không?". Tôi muốn nói một chữ "Có". Nhưng thay vào đó, tôi bảo ông rằng, hầu hết người Mỹ hiện đang rất lơ mơ về nỗi đau của người Việt Nam, rồi tôi thắm nghĩ, khi liếc thấy đồng khoai chiếm nhỏ chất trên sân nhà ông, về sự lãnh đạm lan rộng khắp nước Mỹ, trước những thương dân Iraq, Afghanistan đang bị giết, bị thương, hay màn trời chiếu đất.

Thậm chí nhiều người Việt Nam không hề bị say xát hay mất người thân thì cũng vẫn còn lưu giữ được những kỷ ức về cuộc



Ông Phạm Văn Cháp

chiến tranh ác liệt và gian khổ đó. Mùi khói bom dường như đến tận bây giờ vẫn còn ngửi thấy. Một bà già kể rõ cho tôi hình dung cách ngôi nhà của bà bị tung lên trong quầng bom. Nhiều người dân nhớ như in hình ảnh vườn tược, làng xóm bị san phẳng, rồi những điều khủng khiếp của chất làm rụng lá nữa.

Có cụ bà run rẩy khi tôi bước vào nhà xin phỏng vấn. Từ hồi hết chiến tranh, cụ không nhìn thấy thêm một người da trắng nào nữa. Có thể thấy rõ, kỷ ức chiến tranh đã làm cụ suy nhược đến mức nào. Một người khác cảm thấy run sợ khi nghe bảo có mấy ông Mỹ tìm về làng, cụ này sợ lại bị bắt đi như con trai cụ 45 năm về trước. Nhiều người còn nhớ cảnh những trung đội rằn ri lùng sục nhà cửa, phá hủy tài sản, giết hại gà lợn trâu bò. Đối với nhiều người dân Việt Nam, tiếng Anh đáng nhớ nhất là hai chữ "vi xì", nghĩa là Việt Cộng, mà quân Mỹ thường kêu to. Họ thuộc lòng tên những model vũ khí sừng đạn Hoa Kỳ, nào M16, nào HU-1A, rồi OV-10... hết như ngày nay dân Mỹ thuộc tên các ngôi sao thể thao hay điện ảnh.

Tôi ước mình có thể nói với ông Tư rằng, hầu hết người Mỹ biết về nỗi đau của đất nước này, và họ cũng buồn khổ lắm. Ước gì tôi có thể cam đoan dân Mỹ cũng suy tư, ăn năn sau những gì họ làm tại Việt Nam, rằng họ rất muốn xin lỗi và giúp hàn gắn dân tộc này. Nhưng tôi đã im lặng, vì sợ mình sẽ nói dối.

Thật may, ông đã không truy vấn tôi như tôi đã truy vấn ông suốt cả giờ đồng hồ. Ông cũng chẳng quan tâm xem vì sao dân Mỹ lại bàng quan hay cách bức đến vậy với những nỗi đau của các cộng đồng khác. Thay vào đó, ông thủng thẳng một cách rành rọt:

Tôi muốn nói 2 điều. Một, hậu quả chiến tranh là nhiều và dai dẳng lắm, người Việt Nam vất vả về nó lắm. Chính phủ Mỹ nên làm gì đó để tỏ ra có trách nhiệm trước những sự đã làm. Hai, những gì tôi nói hôm nay nên đăng lên báo.

Tôi ngồi đó mà tự biết trong lòng rằng, cơ hội để có điều thứ nhất hiện bằng 0. Chính phủ Mỹ sẽ không làm gì, và người dân Mỹ thì cũng không biết. Nhưng còn điều thứ hai, tôi bảo xin chia sẻ với ước vọng của ông, tôi sẽ cố hết sức.

Nguyễn Văn Tư nắm tay tôi cảm ơn khi buổi phỏng vấn kết thúc. Câu chuyện của ông là một phần của câu chuyện còn bị che khuất, chứ không phải bị cấm, với đa số dân Mỹ. Vâng, câu chuyện này bị viết bằng máu ở Việt Nam, Lào, và Campuchia suốt những năm 60, 70, và hiện đang được viết ở Afghanistan, Iraq. Đó là một câu chuyện mà những tình tiết mới cứ mỗi ngày lại được quân đội Mỹ thêm vào, nhằm đến bao dân thường, bao ngõ phố, bao khung cửa, bao số phận nhân loại.

Đã gần 50 năm rồi mà những lời như của ông Tư, ông Cháp, làm sao vẫn khó đến được với quảng đại người dân Mỹ đến vậy? Có lẽ số người Mỹ cảm thấy áy náy hối hận về nó còn ít hơn nữa. Nhưng ai phải chịu trách nhiệm về tình trạng này nhỉ? Và rồi thì ai sẽ mang cho ông Cháp một cái chân mới?■

MINH THÔNG

(lược dịch từ Atimes.com)

* Tác giả là Biên tập viên liên kết, đồng thời phụ trách nhóm nghiên cứu của trang báo mạng Tomdispatch.com. Cuốn sách đầu tiên của ông: **Phức tạp, một phát hiện về tổ hợp liên kết quân sự Mỹ**, tung ra đời nhờ chương trình điều tra Đế chế Mỹ, do Nhà sách Metropolitan tiến hành 3.2008.

CẦU SIÊU CHO MỘT ĐÁM CƯỚI

MYNA WALLIN (CANADA)

Hãy tiến lên bằng điều bạn biết:
Hạnh phúc, chứ còn gì. Đó luôn là
lời thỉnh cầu mạnh mẽ của tôi.
Tôi có thể phòng diện
đốt cháy một gã đàn ông
cho gã cứng đờ.
Tôi biết, tôi đã thấy cảnh đó
nhiều lần.
Khẩu vị của tôi
hơi mãnh liệt đấy-
Tôi nghĩ lửa nhảy ra
từ đồng tử của tôi.
Tôi có một nốt ruồi nhỏ
bên trái khòe môi, môi cong dỗi
và nó hút lấy
những trấu trọt ánh nhìn.
Cười tôi chứ, búp bê?
Về vấn đề của gã chế ngự tôi hết rồi.
Tôi sẽ kiêng ăn vật

và kiêng cả chuyện buồn đưa lên.
Nhưng tôi không mặc cả đâu,
và sự khát thèm vật chất nơi tôi-
giống con quay đu đưa quanh rốn lờm
bất chấp mọi định lý trên đời.
Sự khát thèm tiện nghi nơi tôi,
cuối cùng, vượt quá nỗi khát thèm tôi của gã.
Nên tất nhiên, chẳng ai trong chúng tôi
đạt được điều mình mong muốn cả.

Myna Wallin là một nữ nhà thơ, biên tập viên và phụ trách mục **Khí nói lời khác** của sóng phát thanh CKLN, tần 88,1 FM, Canada. Tập trường ca đầu tiên của bà **Nghìn mảnh trần tục**, được Nhà xuất bản Tightrope ấn hành năm 2006. Bà cũng là đồng tác giả của chương trình **Nghệ thuật cùng đọc thơ** tổ chức thường niên tại Hội chợ sách Toronto. Gần đây, bà là biên tập viên thơ của Nhà xuất bản Tightrope, và đã đồng đầu được cho hai tác giả: Susan Swan với tập **Điều Casanova nói cùng tôi**, và Sylvia Plath với tập **Ariel: Bản phục hồi** đang được công chúng Canada đánh giá cao.

ĐÀM NGỌC XUYẾN

(dịch từ blog.tightropebooks.com)

MỖI TUẦN GẶP MỘT NHÀ VĂN



Nhà văn Tô Hoài tên khai sinh là Nguyễn Sen. Sinh năm 1920. Quê quán: thôn Cát Động, thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, Hà Nội. Tốt nghiệp trường Nguyễn Ái Quốc. Từng là Tổng thư ký, Bí thư Đảng đoàn Hội Nhà văn Việt Nam, Chủ tịch Văn nghệ Hà Nội. Nay là Chủ tịch danh dự Hội Văn học - Nghệ thuật Hà Nội.

Xuất bản và in lại nhiều lần hơn 150 đầu sách cho đối tượng bạn đọc người lớn và thiếu nhi. Tác phẩm tiêu biểu: *Đế mèn phiêu lưu ký* (1941) tái bản nhiều lần và dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới.

Giải Nhất tiểu thuyết Hội Văn nghệ Việt Nam (Truyện Tây Bắc, 1956). Giải A Hội Văn nghệ Hà Nội (tiểu thuyết *Quê nhà*, 1967). Giải thưởng Hoa Sen Hội Nhà văn Á - Phi (tiểu thuyết *Miền Tây*, 1970). Giải thưởng Thăng Long UBND Hà Nội (tập hồi ký *Chuyện cũ Hà Nội*, 1980). Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật đợt I, 1996.

THEO CHÂN TÔ HOÀI

PHONG LÊ

PHẢI nói là ông chủ Tân Dân Vũ Đình Long đã có "đôi mắt xanh" rất nghề nghiệp để phát hiện và đặt sự tin cậy Tô Hoài trong và sau *Con đế mèn* (1940). Sáng tạo một "nhân vật" Đế mèn trong thế giới các sinh vật nhỏ bé giữa thiên nhiên, ở tuổi ngoài 20, Tô Hoài bỗng bộc lộ một tài năng đột xuất về nhiều mặt. Đó là khả năng hóa thân vào sự sống của vật và đồng thời đưa lại cho thế giới vật sự sống của người. Sự chung sống, sự hòa trộn, sự chuyển hóa của hai thế giới đã giúp cho bạn đọc cảm giác mở rộng, nhân đôi các giới hạn sống trong một xã hội tù túng, ngột ngạt. Đế mèn trước hết phải là thuộc họ nhà đế, nhưng Đế mèn cũng là bạn đọc, là tôi, là anh, là thế giới người. Quả biết bao là vui thích, là sống động của cả một thế giới nhân vật, gồm cả *nhân* và *vật*, đã được mở rộng đến tối ưu các biên độ sống, dấu tất cả chỉ diễn ra trong một khu vườn nhà hoặc một cánh đồng làng ven đô có tên Nghĩa Đô, vùng Bưởi, quê ngoại cũng là quê sinh, và quê ở của tác giả. Cái khu vườn vẫn chỉ nhỏ bé và thân thuộc thế, nhưng lại xiết bao to rộng và khoáng đạt có thể chứa biết bao là cuộc rong chơi, du lịch cho đế, nó cũng chính là ước mơ của người, của thế giới người.

Ở tuổi 20, ngòi bút Tô Hoài thật đã xiết bao linh hoạt. Quan sát kỹ lưỡng và tinh tế. Ngôn ngữ tự nhiên mà giàu có. Thiên nhiên khoáng đạt mà thơ mộng. Nhân vật có dáng riêng, giọng riêng và đều sắc nét.

Tuổi ngoài 20 vẫn còn chưa nguôi cái bồng bột, sôi nổi trong các hoạt động của hội, đoàn ái hữu những năm Mặt trận Bình dân mà Tô Hoài tham gia ở một vùng quê có nghề thủ công. Cây bút Tô Hoài đã đưa được vào truyện khát vọng của một tuổi trẻ ham hoạt động và mong một cuộc sống thanh bình trong một thế giới đại đồng. Những chung đụng và trải nghiệm của đế mèn quả đã được miêu tả một cách hồn nhiên theo thế giới tự nhiên, nhưng là một tự nhiên nhuộm ý thức về nhân quần, về xã hội. Mà xã hội, nó là chuyện của con người, của thế giới người...

Sau *Đế mèn*... Tô Hoài tiếp tục đưa chúng ta vào thế giới loài vật, như trong *O chuột* và *Chuột thành phố*... Và cùng với thế giới loài vật, đó là thế giới người - những người thân, kẻ sơ của tác giả ở một làng quê ven đô, có tên Nghĩa Đô, kể với Kẻ Chợ, gần với Kẻ Chợ, bởi những chuyến tàu điện leng keng và chậm rãi đưa con người vào sự rộn rịp, ồn ào của phố phường. Một làng quê luôn có sự thâm nhập của sự sống thành thị nhưng vẫn còn xa cách và biệt lập với thành thị, vào một thời Tây sang, đưa xã hội ta chuyển vào guồng quay của chế độ thuộc địa.

Cảnh và người một vùng quê sống bằng nghề canh củi hiện lên thật linh hoạt trong các trang văn Tô Hoài. Không hiếm những trang vui và ấm áp. Tháng giêng hai hội hè. "Mùa vui chơi". Những đêm chèo hát. Những mối tình trai gái của đám thợ củi khi nghề còn đang thịnh và cuộc sống còn đang vui. Những hẹn hò yêu đương...

Tình yêu và niềm vui tuổi trẻ nơi một cái làng quê có nghề thợ củi thường sống đôi trong truyện Tô Hoài để tạo

nên một dư vị lãng mạn nhẹ nhàng. Nhưng rồi niềm vui ấy cũng dần dần phai pha vì cuộc sống đầy những lo toan và khó khăn thời cuộc ngày một đè nặng. Những cuộc tình không mấy khi đến đích, và nguyên cớ chính thường là do sự chen ngang của một toan tính và vụ lợi. Mọi thể nguyên dù sắt son đến mấy rồi cũng theo gió bay. Cặp nhân tình chia tay, nhưng "không ai nghĩ đến chuyện đi đâu. Vào Sài Gòn đường xa vắng lắm. Đi tu phải cạo tóc đầu mà cũng khổ lắm. Những lời cả quyết kia hai người đã quên" (*Lựa*).

Cái nhìn tinh tế, hóm hỉnh, lắt léo như bông đùa, nghịch ngợm rất thích hợp với Tô Hoài ở sự miêu tả này. Sau hơn một nửa thế kỷ cách mạng rồi chiến tranh, trở lại với thời bình với những lo toan cho sự sống cần lao, mới thấy lại giá trị của cái nhìn và miêu tả này ở Tô Hoài. Không lên giọng. Không cao đàm, khoát luận. Thậm chí không muốn có bất cứ sự can thiệp nào của một ý chí chủ quan nhằm xác định một "chủ đề" tư tưởng, truyện của Tô Hoài cứ tự nhiên mà thủ thỉ cái tiếng nói hồn nhiên của bản thân sự sống.

Hồi ký *Cổ đại* kể một chuyến hành hương ra thành phố của chính tác giả, trong vai Cu Bưởi. Ấy là một cái nhìn về thành phố ngộ nghĩnh mà sắc nét qua cách nhìn trẻ thơ. Một cái nhìn đượm buồn. Quả là, với Tô Hoài, không đi đâu, và ở bất cứ lứa tuổi nào mà thoát được cái buồn "định mệnh" ấy.

Dấu ấn phong tục vẫn là nét nổi trội trong văn Tô Hoài qua tập truyện *Nhà nghèo* và các tiểu thuyết *Giăng thế*, *Quê người*, *Xóm Giếng*... Thế nhưng sau cái bề mặt phong tục gần như không đổi ấy là một dòng sống tuôn chảy ở phía sâu - nó là sự phơi pha, sự tàn lụi của những số phận, những kiếp người. Ở đây, gốc rễ của mọi bán hàn, quần bách là do sự suy thoái chung của nền kinh tế thuộc địa. Là chuyện hàng Tây, hàng Tàu bóp chết hàng ta; đưa tới hàng họ ế ẩm, người làm hết việc, thất nghiệp. Rồi nghèo đói. Thảm cảnh nghèo đói ủa vào mọi nhà, rồi loang ra cả làng, cả vùng không trừ ai. Không việc làm, không có cái ăn rồi sinh ra trộm cắp. Rồi phải bán đất, bán nhà. Rồi phải bỏ làng mà đi. Cả một vùng quê tiêu điều rồi tàn tạ. Và tàn tạ rất nhanh. Tổng thể bức tranh *Quê người* là một sự tàn tạ và sụp đổ như chính cái xà ngang của ngôi nhà ọp ẹp bị gục đổ ở cuối truyện...

Cách mạng tháng Tám, cũng như Nguyễn Hồng trong hai tập *Địa ngục* và *Lò lửa*, Tô Hoài có ngay truyện vừa *Võ linh* đăng liền 3 kỳ báo *Tiên phong* (tháng 9-1946). Đó là chuyện ở vùng ven thị xã Sơn Tây trong ngày Nhật đảo chính Pháp, ngày "vô tình" gây xôn xao cho cả một vùng quê gần như đang im lìm trong tàn lụi và chờ đợi một cái gì không rõ. "Vô tình" trong con mắt người dân là một cuộc loạn đả, xáo trộn, chẳng biết ai thắng ai thua, mà chỉ biết đây là cơ hội hiếm hoi cho những ai thích tò mò và mong hoi của. Bởi "cái tình lý trước mặt bùng bùng, xôn xao, ngổn ngang, rơi vãi của nả"... Dưới mắt Tô Hoài, đám nhân vật trong *Võ linh* vẫn

là một đám quần chúng vừa tò mò, hăm hở, vừa nháo nhác, sợ sệt đi tìm sự sống trong cái chết mà họ không sao hiểu được.

Câu chuyện được Tô Hoài viết sau Cách mạng tháng Tám nhưng mạch đời *Võ linh* cũng vẫn là sự tiếp nối của *Cổ đại*, *Giăng thế*, *Quê người*... Dấu sao, sự đổi đời của dân tộc sớm muộn rồi cũng làm thay đổi cảm quan nghệ thuật Tô Hoài. Nhà văn gốc Hà Nội, quen thuộc và quanh quẩn nơi một vùng quê ngoại thành, rồi sẽ khởi động một cuộc đi lớn, một hành trình dài theo kháng chiến và theo đất nước, để thuộc vào đội ngũ hàng đầu nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau 1945. Những cuộc đi, rồi sẽ trở thành niềm vui thích, sự đam mê của ông. Để, như sau này ta sẽ thấy, ông là một trong số ít người đi rất nhiều và rất khỏe. Để, vừa đi vừa viết; không có cuộc đi nào mà ông không có cái viết; đi rồi viết và viết rồi đi; viết trong và sau khi đi; viết xong lại viết tiếp; và cứ thế không lúc nào ngưng nghỉ, cho đến tuổi 60, 70, rồi 80...

Là phóng viên báo *Cửu quốc* của Tổng bộ Việt Minh, Tô Hoài có mặt ở Vĩnh Yên, Việt Trì - nơi chính quyền cách mạng phải đối phó với các mưu đồ chống phá của Quốc dân đảng. Rồi vào mặt trận phía Nam, đến Nha Trang, lên Tây Nguyên. Từ đó mà có *Nhớ quê*, *Lên Củng Sơn*... Đầu kháng chiến, Tô Hoài trở lại mặt trận chung quanh Hà Nội. Giữa 1947, Tô Hoài lên Việt Bắc... Từ đây bắt đầu một dòng chảy mới và lớn trong nguồn văn Tô Hoài, để có *Núi Cửu quốc*, *Ngược sông Thao*, *Chính phủ tạm vay*, *Xuống làng*...

Từ 1952, trở về Hội văn nghệ Việt Nam, theo bộ đội vào giải phóng Tây Bắc, Tô Hoài đi sâu vào các khu du kích của các dân tộc Mường, Dao, Thái trắng ở Bản Thái và Ngọn Lao thuộc châu Phù Yên, rồi qua khu du kích 99 sang Trạm Tấu, lên Tú Lệ, lên châu Than Uyên, châu Quỳnh Nhai, qua châu Tuần Giáo, vào châu Điện Biên. Rồi lại từ các khu du kích dân tộc H'mông xuống những vùng mới giải phóng, các làng dân tộc Thái trên cả bốn cánh đồng phi nhiều của Tây Bắc.

Đây là cái vốn lớn để Tô Hoài viết *Truyện Tây Bắc* (1953), và *Miền Tây* (1968); hai đỉnh cao, đoạt hai giải thưởng lớn trong sự nghiệp sáng tác của nhà văn.

Vậy là một chu trình sống mới - cách mạng và kháng chiến đã vào văn Tô Hoài, sau cái thế giới nhân vật đã quá quen thuộc với ông ở làng quê Nghĩa Đô. Vậy là, đã đến với ông không chỉ là các khoảng rộng mà còn là những tầm cao của đất nước và con người; để cùng với nó, bạn đọc dần dần nhận ra một Tô Hoài mới. Mới, không phải chỉ ở đề tài, mà còn ở trong bút pháp, giọng điệu. Sự chia sẻ, sự đồng cảm, những rung rưng xúc động và những niềm vui tin đã làm ấm lên nhiều trang văn Tô Hoài, thay cho cái nhìn ngộ nghĩnh, khinh bạc và đượm buồn trước 1945.

Đề tài vùng cao Tô Hoài vẫn còn tiếp tục sau *Miền Tây*, với *Tuổi trẻ Hoàng Văn Thụ* (1971), rồi *Họ Giàng ở Phìn Sa* (1984), *Nhớ Mai Châu* (1988). Rõ ràng nhà văn vẫn theo đuổi nó với một kiên nhẫn và hứng thú không nản mỏi, trong khi nhiều cây bút người Kinh khác như

Nguyễn Ngọc, Ma Văn Kháng, Phương Vũ... đã bỏ cuộc, và nhiều cây bút người dân tộc lớp lớp đã trưởng thành. Dường như vẫn khắc khoải trong ông niềm mong muốn giải đáp những bí ẩn nào đó nơi mảnh đất biên cương xa xôi mà vẫn gắn rất sâu với cộng đồng dân tộc. Tính đến *Nhớ Mai Châu*, cuốn sách trở lại chất liệu xứ Mường thời kỳ đầu cách mạng, trong giành giật, xâu xé giữa Pháp – Nhật và Tàu Tưởng để biến mảnh đất này thành căn cứ địa phản động xuyên Á, Tô Hoài đã có chẵn 40 năm chung thủy với một đề tài. Thế nhưng, vào cuối những năm 80, và đầu những năm 90, Tô Hoài đã bước vào tuổi 70 “xưa nay hiếm”, cái tuổi buộc ông phải tính toán, để chuyển dần cảm hứng viết sang một mạch nguồn khác – mạch của hồi ức, chân dung và kỷ niệm, cũng là những miền sống thân thuộc - đó là Hà Nội trong cả hai chiều: quá khứ, hiện tại và một ít nhe nhảm tương lai của nó.

Khó mà nói trong các nguồn mạch làm nên dòng sông chữ nghĩa nơi văn Tô Hoài mạch nào là chìm, mạch nào là nổi. Có chìm và có nổi, nhưng nổi hoặc chìm vẫn đều dồi dào trữ lượng và mang sự sống riêng, sự sống Tô Hoài. Có sự sống dường như ông đã phải nỗ lực để nắm bắt nó, như sự sống ở vùng cao. Có sự sống lại tự nhiên mà đến, tự nhiên mà có, dường như không cần đến một nỗ lực nào, như từ nguồn nước chảy ra là nước. Tôi muốn nói đến một mảng đề tài Hà Nội – ngoại ô, quê ông; cũng trong bối cảnh đó là sự sống động của những kỷ niệm, những chân dung, những phần đời, sôi nổi hoặc tẻ nhạt, nghiêm trang hoặc ngộ nghĩnh, hạnh thông hoặc trắc trở của tác giả.

Trong một bài trả lời phỏng vấn của Tô Hoài đăng trên *Kiến thức ngày nay* năm 1992 do Lương Xuân Đoàn và Lê Xuân Sơn thực hiện có đoạn: “Tôi thật mừng được bạn đọc tinh tế nhận ra như thế. Bởi vì, tuy viết lâu năm, viết nhiều, cho đến bây giờ đề tài chủ yếu vẫn là viết về người ngoại thành Hà Nội. ở trong làng, xung quanh cứ tự nhiên mà vào mình, mà mình đã lớn lên, đã sống và hoạt động trong đó. Còn kỷ niệm nào sâu sắc hơn những sự việc mà chính mình từng trải”. Tôi chú ý thời điểm 1992 của bài phỏng vấn khi Tô Hoài đã ở tuổi ngoài 70. ấy là tuổi đã quá đủ, quá thừa cho việc nhận rõ về mình. Từ tuổi 72 với *Cát bụi chân ai*, in năm 1992, cho đến tuổi 79 với *Chiều chiều*, in năm 1999 – ấy là sự trở về trọn vẹn của Tô Hoài với những miền thân thuộc. Hai cuốn sách cách nhau 7 năm, gần như là sự tiếp tục và xen cài nhau trên từng mảng hồi ức và kỷ niệm của nhà văn; tức là những kỷ niệm gắn với nghề nghiệp, gắn với các đồng nghiệp (ngoài nghề viết, Tô Hoài còn bao nhiêu nghề khác), gắn với bối cảnh Hà Nội trên hai chiều không gian, thời gian được mở ra khá rộng theo đường đời và công việc của Tô Hoài.

Đọc *Cát bụi chân ai*, rồi đọc *Chiều chiều*, người đọc luôn luôn được cuốn hút bởi những gì mới mẻ, không trùng lặp, không nhạt nhẽo, không kém sút trong cái kho kỷ niệm của nhà văn. Chẳng cao giọng, cũng chẳng cần phải ra bộ khiêm nhường, Tô Hoài cứ tự nhiên mà kể về những gì mình từng biết, từng trải. Trên cái kho ít thấy dấu hiệu vơi cạn đó, Tô Hoài cứ nhấn nhá dặt dẹo bạn đọc cùng đi với mình, đến những gì lạ mà quen, hoặc quen mà lạ. Và chính với khả năng hoán đổi vị thế ấy mà làm nên sức hút của văn hồi ức Tô Hoài. Lại chứ, chuyện ca sĩ Trần Khánh – nghệ sĩ nội thành, công chức lưu dụng⁽¹⁾, người hát cực hay mà chưa học hát bao giờ, lại lặn lội vì “lý lịch”, lên sân diễn, hai đứa con ngồi chầu hầu phía trước, rồi rít hươ tay đánh nhịp theo bố... Cũng chẳng kém lạ, Nguyễn Hồng với món nem đặc biệt làm bằng rau đàn bà đẻ, sốt sắng đãi Tô Hoài, bởi “cái thằng xoi được bọ hung thì nó còn từ cái gì”. Cũng Nguyễn Hồng với hành trình Nhã Nam – Hà Nội trên yên chiếc xe đạp thiếu nhi Liên Xô không phanh, màu xanh rờ cùng bộ râu xum xuê một cách khác thường ở tuổi 50, bởi *manh-xơ-lam* (dao cạo râu) là thứ hàng lúc này còn rất hiếm. Về Nguyễn Tuấn với cái “tái bút” trong bức thư gửi Tô Hoài nói chuyện ông đốt mà làm bận rộn cho những người làm công việc “theo dõi”... Lại thế, nhưng mà quen trong khi hậu văn nghệ một thời. Quen trong tính cách những nhân vật “nổi tiếng”, những nhân vật thường được người đời quan tâm và dè dặt nên bao giai thoại.

Tôi đọc *Cát bụi chân ai*, rồi đọc *Chiều chiều*, với

hứng thú không giảm, nếu không nói là còn tăng. Ấy cũng là sự lạ trong cái chu trình nói chung của nghiệp văn. Chẳng phải là cá biệt việc những tập hai, tập ba sút hẳn đi trong sức viết, khiến cho những bộ sách nhiều tập, vào bất cứ thời gian nào ở ta, cũng đều gây ngỡ vực. Còn với Tô Hoài, đọc xong *Chiều chiều* tôi vẫn cảm thấy ông còn trường vốn để viết. Còn bao khoảng sống mà ông chưa viết, hoặc chưa viết kỹ. Để rồi sau *Chiều chiều* là *Cái áo tể*, là *Giấc mộng ông thợ diu...* Không kể *Ba người khác*, phải sau hơn 10 năm mới có thể in ra. Tất cả đều cho ta sống tiếp những cuộc đời thường, những mảnh đời thường mà thiếu nó, khó mà hình dung được với sự rõ nét và thú vị đến thế về những ngày sống của ta và những người quanh ta trong cái thế kỷ XX đầy những sự kiện sôi động này. Nhiều năm trước đây, nghe ông nói ông đang chuẩn bị một cuốn tiểu thuyết mới về thời bao cấp mà bộ nhớ thì gần như đã đầy ắp ắp, chỉ cần có sức khỏe để ngồi vào bàn, cái sức khỏe trời cho ở tuổi ngoài tám lăm, rồi chín mươi và ngoài chín mươi... và để gây hứng thú cho việc viết, ông đang đọc lại *Đông kịhôtê*, và thấy phục sát đất cái ông nhà văn Tây Ban Nha vĩ đại này.

Ở quãng giữa *Cát bụi chân ai* và *Chiều chiều* này Tô Hoài còn cho in hai tập *Chuyện cũ Hà Nội* (1998) ngót 600 trang, kể 106 chuyện liên quan đến Hà Nội xưa và nay. Nhiều chuyện nghe cái tên đã thấy ham đọc, và quả là cầm đến sách tôi không thể ngưng đọc. Ở nhiều chuyện cứ vừa đọc vừa cười tùm tùm một mình. ấy là những

ngủi của Tô Hoài: về những cuốn sách không bán được; những cuốn nhà xuất bản đã nhận in rồi bỗng trả lại bản thảo vì không đủ số lượng để phát hành; về những bản thảo phải xé lẻ đăng báo trước, đến khi gom lại cho in vẫn không hết ý kiến vào ra... “Đoạn trường ai có qua cầu mới hay” – là người viết kiên tâm với nghề, Tô Hoài phải có một bản lĩnh chịu đựng; và hẳn ông thường cũng phải chịu đựng như thế kể từ tuổi ngoài hai mươi, hàng tháng đến ông chủ Tân Dân nhận hợp đồng khoán viết từng kỳ, cho đến tuổi tám mươi, rồi ngoài tám mươi, với những bản thảo đã được chuẩn bị rất kỹ mà vẫn cứ phải chờ đợi trong những năm tận cùng thế kỷ, mà chưa thể in ra, hoặc không thể tái bản. Hiếu cặn kể mọi vui buồn, vinh nhục của nghề, để nếu có niềm vui khi được chờ đón, xưng tụng thì cũng phải biết chấp nhận cái buồn của sự thờ ơ, ế ẩm. Không kể có lúc còn bị tai tiếng, hoặc những nặng nề của phản xét...

Trước 1945, chỉ trong khoảng thời gian trên 30 năm, đời sống văn chương là sự tiếp nối của nhiều thế hệ viết, nhiều kiểu người viết khác nhau, kể từ Phan Bội Châu đến Tân Đà, Trần Tuấn Khải, Hồ Biểu Chánh, Hoàng Ngọc Phách...; để từ sau Hoàng Ngọc Phách mà đến Tự lực văn đoàn. Tự lực văn đoàn rực rỡ đến thế cũng chỉ ở ngôi trong dăm năm, rồi nhường chỗ cho các kiện tướng của trào lưu hiện thực: Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Hồng... Lại dăm năm



Nhà văn Tô Hoài (hàng ngồi, người thứ tư từ phải qua) tại cuộc gặp mặt văn nghệ sĩ mừng Quốc khánh 2-9-2011 ở 51 Trần Hưng Đạo - Hà Nội

chuyện cũ Hà Nội có gốc gác từ xa xưa, gần nhất là từ đầu thế kỷ: *Phố Mới, Băm sáu phố phường, Phố nghề, Phố và làng, Chợ, Kề Chợ...* Rồi *Tàu điện, Xem phim, Cúp tóc, Hát á đào, Cái xe đạp...* Hoặc chuyện cũ và mới: *Nem Sài Gòn, Chả cá, Bía, Bánh cuốn, Rau thơm, Cơm đầu ghế, Cháo, Phở...*

Xem *Chuyện cũ Hà Nội* càng thấy cái kho chuyện trong trí nhớ của Tô Hoài thật đầy, có lẽ còn hơn cái kho ở Nguyễn Công Hoan trong *Nhớ gì ghi nấy*.

Đề tài Hà Nội trong một quá khứ sâu hơn cũng là câu chuyện Tô Hoài theo đuổi lâu dài. Từ *Mười năm* mà ngược lên *Người ven thành, Câu chuyện bên bờ Đầm Sen của miếu Đống Cổ*, rồi *Kẻ cướp bến Bưởi...* Không phải nói đến sự dụng công của Tô Hoài trong tra cứu các thư tịch để cho cuộc sống đạt được khuôn mặt lịch sử mà không tùy tiện, bịa đặt. Không phải nói niềm ham say tìm kiếm sự gắn nối giữa cái chung và cái riêng để đạt được một hoà sắc độc đáo về cái chất “người ven thành”... Thế nhưng người lao động kỳ khu và kiên nhẫn đó, người lao động không ngừng và không mỏi đó đã được đón nhận như thế nào qua thời gian, vẫn có lúc là câu hỏi khiến tôi băng khuâng. Ấy là khi có ai đó mỗi lúc gặp, hoặc được nghe nhắc đến Tô Hoài, thì chỉ cần nói gọn một cái tên: ông Đế mèn, hoặc tác giả *Đế mèn*... Vậy chỉ có *Đế mèn* là đáng nhớ, hoặc đáng kể thôi ư, nơi một người viết có trên 150 đầu sách, với bao là giải thưởng lớn nhỏ? Nguyễn Văn Bổng có lần kể tâm sự bùi

tiếp, sau lưng lấy của những tên tuổi trên mà xuất hiện Nam Cao, Tô Hoài... Tô Hoài, đứng bên Nam Cao với một diện mạo riêng, đủ sức làm nên một cuộc chạy tiếp sức cho đến 1945. Rồi, cũng vẫn Tô Hoài, thật sự dẻo dai trong ngót bảy mươi năm tiếp theo, tính từ sau 1945 cho đến ngoài năm 2000, rồi vượt khỏi đại lễ 1000 năm Thăng Long – Hà Nội. Cuộc đi này mới thật là dài, những 12 lần hơn trước 1945. Nó không còn là cuộc chạy thi, mà là cuộc đi đường trường, có lúc gấp gáp, có lúc nhấn nhá qua rất nhiều chặng, cùng với năm, sáu thế hệ người viết nối tiếp, và với thế giới nhân vật khó nói hết sự đông đúc của nó trong không gian và thời gian. Hơn chín mươi năm tuổi đời, hơn bảy mươi năm tuổi nghề – tính cả trước và sau 1945, một hành trình thật là dài trong tương ứng với đời người, cho đến khi tôi viết bài này, với trước mặt, những tựa sách vừa in, cùng bao là tựa sách đã và sẽ còn tái bản, kể từ *Đế mèn phiêu lưu ký*, viết cách đây ngót 75 năm, tôi thấy Tô Hoài vẫn đang trong một hiện diện tròn đầy như chưa hề ngưng nghỉ. Chưa hề bỏ cuộc, càng không lúc nào thua cuộc, Tô Hoài vẫn là người cùng thời với bao thế hệ người viết và người đọc, từ nửa đầu thế kỷ trước cho đến hết thập niên đầu thế kỷ này.

(1) Những khái niệm hàm ý tiêu cực, để chỉ những người không tham gia kháng chiến, hoặc là công chức cũ được giữ lại.

TỜ mờ sáng, quán thắng cố còn chưa đỏ lửa thì Hoạt đã nghe thấy tiếng hí của một con ngựa lạ ngay gần chuồng ngựa nhà mình. Hoạt bấm vợ ba cái vợ mới tỉnh giấc. Như hiểu sự tình, vợ Hoạt lại hắng giọng mấy cái gọi lão Sếnh. Lão Sếnh là người giúp việc vặt trong nhà vừa là ông chủ nổi thắng cố, vừa là người chuyên giết mổ gia súc. Tuổi đã ngoài sáu mươi mà ông vẫn tinh tường, dẻo dai lắm.

Trời đông đã vào Chạp, rét nhúc xương. Lão Sếnh lục đục chui ra khỏi chỗ nằm. Mà cứ gọi luôn là ổ rơm cho bình dân. Nhà Hoạt, ngoài một cái giường to cho hai vợ chồng ra, còn một cái chõng tre cũ nữa. Nhưng lão Sếnh không ưa cái giống chõng tre cho lắm. Vì dù mới hay cũ thì nó cũng kéo kẹt, rên rầm cả đêm như thể bị người ta đè gãy lưng đến nơi rồi ấy. Nghe như ngày tháng rã ra, như đêm chùng xuống, mãi chờ tới sáng, sốt ruột. Lão Sếnh phải nhin cái chõng tre như già nhin trẻ vùi quạ trước mặt khách ấy. Tức anh ách khi không dám cựa mình, vì ngay lập tức bị cáo tội. Khi lão Sếnh nằm im giả chết thì bọn mỗi một thừa thắng phá phách. Tiếng rảng của một mài vào, cửa vào tre nứa khô keng nghe càng rộn tai hơn. Tốt nhất ổ rơm, vừa êm, vừa ấm, sướng bằng ông hoàng, đỡ chán nệm nào sánh được.

Mà có trần trọc, thao thức cũng chả ảnh hưởng đến ai. Tiếng rơm rợn rạo, êm tai và thân thiết dễ chịu biết chừng nào. Xa cái mùi thơm dịu dịu của rơm nếp vàng còn khó ngủ ấy chứ. Quán thì bé, một cái giường của vợ chồng Hoạt biết rên rĩ đã là quá lắm rồi.

Lão Sếnh kéo vạt áo chằm ngay ngắn, đẩy cửa liếp, bước ra sân, đi về phía chuồng ngựa. Trăng buổi sáng như trái đào cuối mùa bồ mỏng để lơ lửng trên cái đĩa men xanh chẳng đầy điếm. Mặt đất còn ngái ngủ. Tiếng vó ngựa khua lộp khộp đánh thức một vùng đất khiến lão Sếnh nghiệm ra rằng, bình minh có từ mặt đất, có từ hoạt động của vạn vật và con người. Bình minh của bầu trời là thứ ánh sáng ban phát và muộn màng. Chẳng thế mà mặt trời bao giờ cũng dậy sau lửa.

Hoạt đứng ngay sau lão Sếnh, khịt khịt mũi để ra dấu cho sự có mặt chậm trễ đầy tính toán. Giọng lão Sếnh khấp khểnh:

- Là một thằng Tía đực. Hai tạ thịt có dư.

Hoạt hỏi, rít qua kẽ răng:

- Đã cho vào chuồng chưa?

Lão Sếnh cười hắt ra:

- Đâu vào đấy cả. Nó mê tít con vàng nhà mình.

Đúng là đồ đại gái!

Hoạt ra tận chuồng nhìn cho rõ cái thứ bóng lộc ngon lành bỗng dừng ở đâu lại mò đến cửa nhà mình. Hai con ngựa, một đực một cái quấn lấy nhau như thể hẹn hò từ kiếp nào.

Lão Sếnh vào ổ rồi vẫn thấy tim mình đập mạnh. Dù xứ sở này được coi là xứ sở của ngựa, ra gặp ngựa, vào chạm ngựa, ra nường, ra ruộng, đến chợ, vào bàn nhậu, những ngựa là ngựa, mà lão chẳng khỏi xốn xang. Thằng Tía là một con tuấn mã đẹp đẽ khác thường. Nó không phải là ngựa bản này, phố chợ này. Nhìn là biết ngay. Đến tiếng hí của nó cũng mạnh mẽ, bản lĩnh, đến tiếng vó của nó gõ vào đất cũng rộn ràng khác lạ. Đôi mắt sáng quắc, bộ bờm mượt mà và màu lông tía đậm quyến quý. Ngay cả cái hàm thiếc mà chủ gắn cho nó cũng là thứ kim loại có giá trị. Có thể từ những phiên chợ trước thằng Tía đã được chủ đưa đến chợ này giao dịch và nó đã làm quen với con Vàng. Rồi từ sự bất cần của chủ mới, nó trốn về đây, mang theo cả thùng và hàm thiếc. Trước khi băng rừng vượt núi về chốn cũ, nó ghé thăm "cố nhân" chăng? Nếu quả như lão Sếnh phán đoán thì con Vàng cũng là con ngựa cái thật có diễm phúc. Con Vàng cũng là con ngựa đẹp được Hoạt mua về từ một bản nhỏ heo hút giáp biên giới. Bộ lông con Vàng có thể sánh với màu của mặt ong, của nhụy hoa. Cũng đài các, thanh tao với cái mõm thon thả, cái mũi trắng mịn màng và hai cặp giò yếu điệu. Đặc biệt là đôi mắt, lão Sếnh chưa từng gặp con ngựa cái nào có đôi mắt hiền lành và "có lời" như mắt con Vàng. Cả tiếng hí của nó cũng hiền đến tội nghiệp. Lão Sếnh chưa bao giờ thấy nó tỏ ra giận giữ cả khi các đầu nậu vây quanh bàn tán. Nó là con ngựa nuôi làm nái cũng được, công thổ cũng được, chưa kể nếu mổ lấy thịt, thịt nó ắt ngon.

Nhưng, đẹp rồi cũng chết. Thằng Tía quyến quý là "khách sộp" thì càng phải chết trước, chết nhanh. Chỉ có

ba nhát búa vào giữa cái trán thông minh của nó là đủ chao đảo, gục ngã. Sau ba nhát búa của lão Sếnh là đến cái màn chọc tiết điều luyện của thằng Hoạt. Cái sự giãy giụa đau đớn cũng chỉ diễn ra chóng vánh thôi. Rồi đến sự lột da, lọc xương, phân loại thịt. Ba phần giao cho mỗi hàng chợ huyện, phần còn lại vào chảo thắng cố. Còn được giây phút nào bên bạn tình thì cố mà làm tròn trách nhiệm. Cái của quý của thằng Tía sẽ được ngâm chìm trong rượu và bán cho các quý ông bồi bổ với giá vài trăm nghìn. Thằng Tía lực lượng thế, của nó thì khỏi phải nói...

Hoạt lảng lảng, hồi hộp trên giường. Cái giường rộng thế mà phần dành cho Hoạt khiêm tốn quá, chỉ chừng phần tư. Vợ nằm im thì Hoạt cũng mới có cái chỗ nằm khiêm tốn ấy. Ắ mà đang tay, xoạc chân thì vừa hết, thân hình ả sẽ phủ kín cái giường luôn. Hoạt thấp bé, nhỏ thó bên cạnh cô vợ phì nộn, nhìn hơi lệch con mắt. Nhưng hề ai mà ngựa lười là Hoạt đóp lại ngay: "Con ong bằng nào? Quả bầu bằng nào?". Dần dà, thiên hạ

SONG

MÃ

Truyện ngắn của TÔNG NGỌC HÂN

phố núi cũng quen với cái cảnh con ong quả bầu. "Con ong" giảo hoạt, căn cơ, tính toán, chăm chỉ bao nhiêu thì "Quả bầu" thườn thượt, lười biếng bấy nhiêu. Vợ Hoạt ngáp một cái, mặt trời lập tức tròn bóng, ả rời cái muôi múc thắng cố là xoa xoa chân, lên giường. ả ngáp cái thứ hai là mặt trời lặn, ả đập đập hai bàn chân vào nhau là lại lên giường. Việc quán xá, dọn dẹp, hai thằng đàn ông, một chủ, một tớ, một trẻ, một già cang đáng, lo liệu hết. ả ngủ trước con gà và chỉ dậy khi gà dẫn nhau đi nường, đi ruộng hết. Chả thế, thằng Tía hí nghiêng một góc chợ thì Hoạt cũng phải bấm vào đùi non ả ba cái ả mới tỉnh đấy thôi.

Mà Hoạt không bồi hồi sao được. Xưa nay, nhỏ như con dúi, con ếch. Hoạt đều phải bỏ tiền ra mua cả. Đã ai cho không ai cái gì bao giờ. Bỗng dưng của lù lù một đồng chui vào tận nhà mình, sung sướng ngọt ngào cả người lên ấy chứ. Nó được giá lắm, giá chót vót đấy. Nhưng có mà ngu thì mới bàn đến chuyện bán nó. Lên chợ, người ta bàn tán, mất hay. Lỡ chủ nó thấy thì rắc rối. Tất nhiên là phải chuộc rồi, nhưng chuộc thì được bao nhiêu? Cái giá chuộc thì không được tự do mang ra mà đấu, chẳng may mà gặp người quen thì có khi còn vài triệu cũng nên. Tốt nhất là thịt.... Da lột rồi thì thịt nào chả là thịt. Người ta đến chợ tìm ngựa, nhận ngựa, chứ đồ ai dám nhận thịt, nhận thắng cố là ngựa của mình.

Vợ Hoạt ngủ nổi một giấc nữa từ sau mấy cái véo của chồng nên không biết được Hoạt tính toán, suy nghĩ những gì.

Ấy thế mà bà con dân tộc đồ xô về cái quán thắng cố của Hoạt lại không hẳn đã vì sự giỏi chế biến của lão Sếnh hay tài chào mời của Hoạt đâu nhé. Vợ Hoạt chỉ cần một tay chống hông, một tay cầm cái muôi bằng gang to dùng lắc mông vài cái là khách khứa đã khoái rồi. Cái mông to nhưng là cái mông vợ người khác, cái muôi to mới là vấn đề. Đúng thế, vợ Hoạt luôn vục sâu, múc đầy và rót tràn. Mua bao nhiêu cũng múc đầy tràn hết. Tiến nhiều thì nhiều cái, tiến ít thì nhiều nước, còn được khuyến mãi câu nịnh "Khôn ăn nước, đại mỗ cái" ngược đời, sướng cười tít mắt nữa cơ.

Mà đúng thế thật, cái nước thắng cố mới là thứ gây nghiện, mới là cái lí do dẫn rượu vào cỏi say. Nước thắng cố đen xanh sền sệt, vừa cay nồng, vừa béo ngậy, vừa ngăm đắng, vừa bùi bùi ngọt. Nó là sự kết hợp của hơn chục loại gia vị lấy ra từ vùng núi này, nơi nổi tiếng với màu trắng tinh khôi hoa mận, hoa mơ và quyến luyến dập diu phiên chợ ngựa mỗi tuần. Vì thế, chỉ ăn vài lần là nghiện. Đàn ông Mông vùng này đến chợ phiên mà không ghé quán thắng cố thì có cái gì đó thiếu thiếu, không trọn vẹn đàn ông.

Lão Sếnh bảo Hoạt:

- Trong các giống bốn chân, con ngựa tình nghĩa nhất, thế nên thịt nó, tiết nó cũng đậm đà. Thắng cố với tôi là món khoái nhất. Tôi là gã Mông chính hiệu rồi.

Chả biết lão Sếnh có khoái thật không, nhưng Hoạt phục cái tài của lão. Tiến ở chợ, chậm chậm, lờ dờ theo chân thằng men chênh choáng chui vào túi vợ chồng Hoạt mỗi chợ mỗi nhiều. Bán trâu, bán ngựa, tiến nhiều, rượu, thắng cố là đương nhiên rồi. Lão bán than, thằng bán măng, con bán gừng, bán rau cũng nghiện thắng cố. Một tháng bốn phiên thắng cố chợ ngựa, bán ngay tại quán chợ, la liệt người, nghiêng ngửa say. Một tháng bốn phiên chợ xa, chợ trâu, cái chảo được khiêng đi. Những ngày còn lại, vợ Hoạt nghỉ, cái chảo nghỉ. Chỉ có Hoạt vẫn quay cuồng kiếm tiền và lão Sếnh như Thiên Lôi vác búa Tầm Sét bị cuốn tít mù vào cái guồng quay lời lãi của Hoạt.

Trâu, bò, ngựa, dê nhà nào ốm đau, ngã gãy chân, què cẳng, thậm chí chết bệnh gọi đến Hoạt là "đắt" hết, cấm có từ bao giờ. Hoạt nói với những kẻ chân dất, gió sương thế này:

- Mua làm phúc, giúp đỡ anh em lúc khó khăn thôi chứ lờ lãi gì, nếu không ưng bụng thì mổ ra mà ăn dần vậy.

Bổ ai mà dám phanh cả con trâu, con ngựa ra mà ăn dần? Bán, vừa được tiếng, lại vớt vát được đồng nào tốt đồng ấy. Què quặt, ốm đau, vào tay Hoạt và lão Sếnh, vẫn ăn lãi ròng. Chứ trông đợi gì ở cái thứ bóng bẩy, mã mượt, khỏe khoắn như con Vàng kia. Đạo này rét quá, bệnh nhiều, lão Sếnh làm không hết việc. Chỉ là lột da, xẻ thịt thôi, chứ cần gì đến búa với những con vật ngác ngoài ấy. Vì thế mãi chưa đến lượt con Vàng.

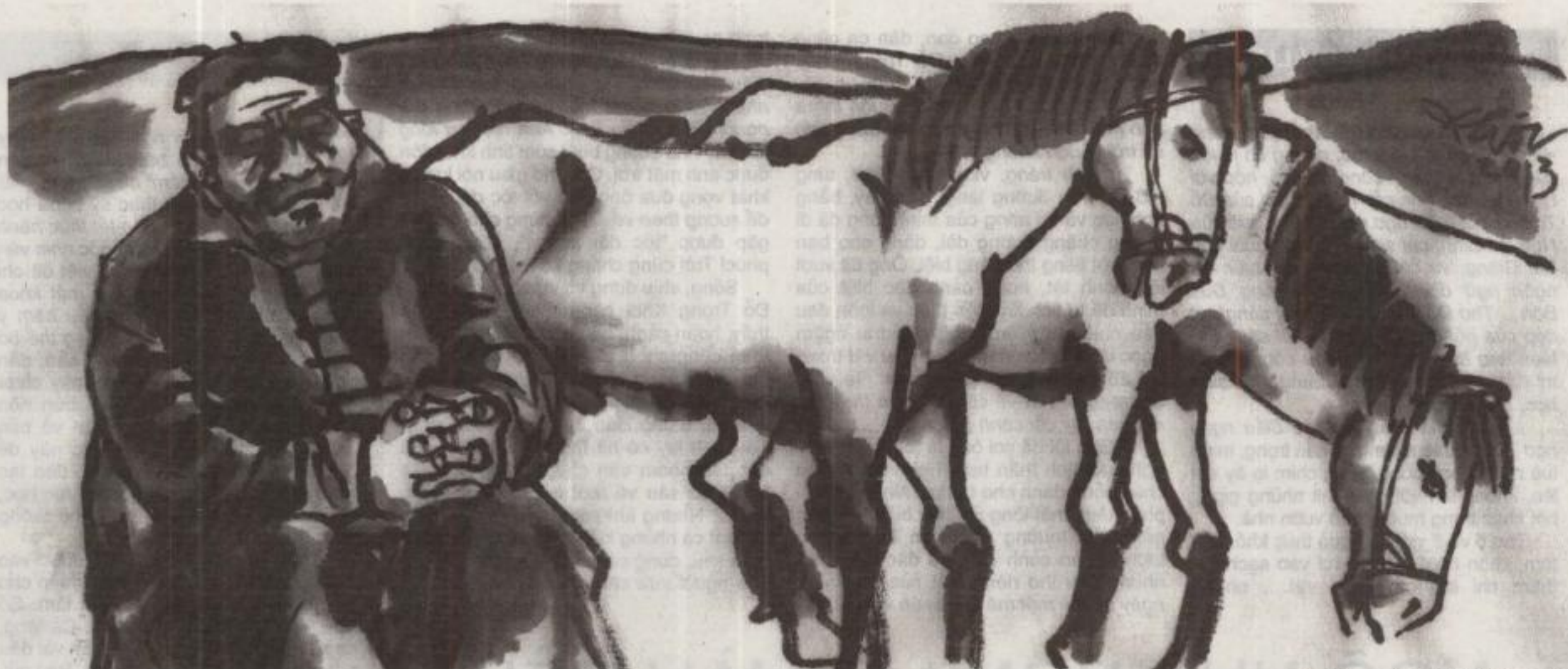
Tiếng hí tình tứ của cặp tuấn mã làm lão Sếnh thức sớm hơn thường lệ. Từ khi nom thấy thằng Tía, lão Sếnh thấy chán cái nghề giết mổ. Thì cũng sắp đến lúc già từ cái nghề bạc bẽo này về công cháu rồi. Thằng Hoạt chẳng phải là người Mông. Nhưng cái loại Kinh mất gốc, mất rễ ấy mới ăm ương khó chịu. Hoạt nhận lão Sếnh là đồng hương chỉ vì cái tiếng "khà" giòn tan mỗi khi cạn một cốc rượu đầy bằng một hơi điều luyện. Đồng hương là cái gì đó vừa thiêng liêng, gần gũi, nhưng lại phảng phất chút gì đó nhạt nhẽo, giả tạo. Thì đấy, khi say, thằng Hoạt gục vào vai lão mà nức nở "chẳng biết quê hương bản quán ở chỗ nào", lúc tỉnh thì thơn thớt:

- Lương tôi trả ông bằng lương hai đứa giáo viên cầm bản. Đầu chúng nó đầy chữ, còn ông, một chữ bẻ đôi cũng không có, nói vậy để biết tôi ưu ái ông.

Lão Sếnh cũng thấy mặt dày lên, mọc lông ngựa ngáy sau câu nói của Hoạt. Nhưng máu chảy trong ngực lão không phải là máu của gã đàn ông có tự trọng, thể diện cao ngất trời. Nếu không lão đã chẳng ở được với Hoạt cả chục năm ròng.

Nhìn con ngựa cái nằm ngoan ngoan, tin tưởng bên chân con ngựa đực mà lão buốt lòng nhớ đến cảnh đầm ấm vợ con. Chúng ân ái đã thỏa, chúng đang nghĩ đến lúc được tự do bên nhau ở một chân trời nào đó chăng?

Nhưng nội nhật hôm sau là thằng Tía hết đời. Bổng lộc bao nhiêu thằng Hoạt hưởng hết. Lão chỉ kiếm chút sái là cái bình rượu "pin" thôi. Lão cũng chả uống, bán bég lấy tiền giặt lưng cho kỹ. Vợ lão già rồi, lão cũng đến tuổi nghỉ ngơi, cổ vục dậy cái đó làm gì cho mệt. Thằng Hoạt không biết uống thức gì mà khỏe gồm, con vợ nó lúc nào cũng tươi hơn hẳn ra. Vợ vừa lười, vừa dần mà thằng Hoạt cấm có ca thán, nhiech móc bao giờ. Chúng nó hợp nhau đến nỗi chả có kẻ hở nào cho thiên hạ chêm chọc. Lão Sếnh cũng chả thèm chêm chọc. Lão chỉ thắc mắc là đứa nào không biết đẻ. Tại thằng Hoạt còm nhom, hay tại con vợ béo tròn lấp lổ của nó? Lão cứ ngờ ngợ nghĩ đến cái việc lão và thằng Hoạt làm mỗi ngày có lẽ nào ảnh hưởng tới đường con cái của vợ



Minh họa của NGÔ XUÂN KHÔI

chống nó. Dẫu lão vẫn nói, chỉ có thằng Tía với con Vàng kia là đẹp đôi. Thì cũng chả đẹp đôi bằng vợ chồng Hoạt. Cả đôi cứ mở miệng là nói làm ơn, làm phúc như thể kiếp này sinh ra để làm phúc. Vợ chồng Hoạt hợp nhau, cần nhau như thằng cổ cần có rượu mới thành say, thành nghiện. Có đêm, cái giường gãy thang, giáng cả hai vợ chồng xuống đất. Lão Sến phải nhắc cái giường ra để giải cứu cho ông chủ suýt ngạt thở vì cái đuôi của vợ, mà Hoạt vẫn cười lách khích được. Tính ra cái giường của vợ chồng Hoạt phải cạy, phải dậm thang đến mấy bận rồi.

Lão Sến cố tình không cựa quậy, mà Hoạt vẫn biết là lão thức. Hoạt nói vóng qua phen liếp:

- Làm thằng Tía luôn sáng nay đi. Mai chợ đông người, lắm kẻ soi mói! Lão Sến bần chùn:

- Chúng nó đang say nhau lắm, cho cô cậu yêu nhau thêm một ngày nữa cũng chả sao, vội gì chứ.

Hoạt đáp luôn:

- Vẽ vời, yêu đương gì! Cứ làm như người không bằng.

Lão Sến miễn cưỡng:

- Làm thì làm, đằng nào chả làm.

Hoạt thoăn thoắt mài dao. Vợ Hoạt vừa ngoác mồm ra ngáp vừa chuẩn bị xô chậu. Lão Sến vác cái búa ra chuồng ngựa, vừa ngó nghiêng vừa dậm chiêu. Hành hình con đực trước mặt con cái là việc làm khốn nạn, bỉ ổi nhất đấy, thế mà vẫn phải làm. Lão Sến mở cửa chuồng, dắt thằng Tía ra bãi đất trống nham nhở dấu chân trâu, ngựa, buộc chặt nó vào cái cột "hành hình" bằng gỗ tốt chôn sâu dưới đất, chỉ nhô lên gần một mét.

Tiếng phá phách của con Vàng trong chuồng làm lão Sến rợn rạo trong lòng, như thế có ai đó mang rơm khô vào dạ lão mà vô. Con Vàng hí lên thảm thiết như chính nó sắp bị chọc tiết. Thằng Tía lồng lộn điên cuồng nhìn về phía con Vàng một cách tuyệt vọng. Lão Sến cầm quả búa gần bảy cân lên mà thấy tay run run. Lão cầm quả búa đi vào sân, đưa cho Hoạt và bảo:

- Chém lại cái cán, cho chắc ăn.

Hoạt đưa con dao nhọn cho lão, cười đầy ẩn ý:

- Xem đã sắc chưa? Có phải mài lại không?

Lão Sến cầm con dao đi ra chỗ cái cột hành hình, thừa cơ thằng Hoạt không để ý, lão đưa lưỡi dao sắc bén, cứa nhẹ vào sợi dây thừng ở chỗ cuốn quanh cái cột.

Hoạt cầm búa đi trước, vợ mang chậu ra sau. Hoạt đổi búa cho lão Sến lấy con dao nhọn. Thằng Tía thấy cảnh ấy, không cam tâm chết, nó chồm lên giằng giạt. Sợi dây thừng đứt phụt. Thằng Tía chạy về phía con Vàng. Con Vàng hí liên hồi như thể giục bạn tình chạy đi.

Hoạt hét lão Sến:

- Mở cửa chuồng ra!

Lão Sến dùng đinh gạt cái chốt gỗ, phanh cánh cửa ra, nhưng thằng Tía không đại dột chui vào như sáng hôm trước. Nó đứng ngoài, hí một tiếng dài tri ân rồi co vó phi vút vào bình minh đang le lói sáng.

Hoạt ngồi phệt xuống cỏ chửi thề. Vợ Hoạt thông thả hiển kế:

- Thế nào nó chả quay về gặp con Vàng mà lo.

Hoạt gắt vợ:

- Nó chả ngu như đàn bà nhà cô đâu.

Lão Sến thở dài gượng gạo, bỏ vào nhà.

Con Vàng bỏ cỏ cả bốn ngày rồi, nom nó tiểu tụy rồ. Hoạt bảo lão Sến thịt nó, có mỗi dưới thành phố gọi. Cái giống này, ngấm ra tình nghĩa hơn cả con người. Cái độ thằng Hoạt bị trâu húc lòi ruột rồi phải nằm bệnh viện cả tháng, con vợ nó cấm bỏ bữa nào. Mà bỏ cơm là đại dột, có giải quyết được gì đâu.

Vợ Hoạt vốn là đứa con gái lờ thi, nhưng cứ vô tâm để mọi sự cho ông bố giàu có sắp đặt. Thế là ông chủ cửa hàng kinh doanh tạp hóa lớn nhất nhì phố huyện này đã tác hợp cho con gái mình với Hoạt. Người ta bảo Hoạt là chuột sa chĩnh gạo kể cũng chả đúng. Hoạt chả ngồi không mà ăn bao giờ. Vì sau khi được bố vợ cho cả trăm triệu làm lưng vốn, cho cả đất mặt đường, Hoạt vẫn ở quán chợ tạm bợ và hủi hụi kiếm tiền. Nhà thì cho thuê, tiền cũng cho thuê nốt, lấy lãi.

Cái cơ duyên gặp gỡ giữa lão Sến và Hoạt cũng là do thằng cổ mạng lại. Một lão già chuyên dắt trâu ngựa, đóng hàng thuê cho các thương lái, gặp một gã chuyên giết mổ, buôn bán gia súc. Sau có vài bát rượu là thành anh em, thành đồng hương. Lão Sến bàn với Hoạt việc mở quán thắng cổ. Hoạt hỏi lão Sến về thắng cổ, lão Sến chỉ cười nhạt: "Ăn nhiều nên biết làm thôi".

Sau khi "hợp tác" với lão Sến, Hoạt đi từ cái ngạc nhiên này tới ngạc nhiên khác. Lão Sến tuy thất học mà lại tài cán khác người.

Sau mỗi lần giết mổ ngựa lấy thịt ngon đem giao. Số xương, thịt còn lại cộng với nội tạng, cho hết vào chảo thắng cổ. Thắng cổ nhà Hoạt vừa rẻ vừa ngon lại thêm "đong đầy mủ tràn" nên đông khách là phải.

Sáng hẳn. Con Vàng bị lão Sến dắt ra cọc "hành hình" trên nền đất trống mà nó không buồn cưỡng lại. Đôi mắt hiền lành của nó rầu rĩ nhìn cái chậu nhôm kê vàng vết máu, thì thoảng lại nhìn con dao trong tay Hoạt. Cuối cùng, nó quay về phía mặt trời mọc, gờ vó, tung bồm, hí một tiếng dài náo nùng.

Hoạt tiến lại gần cái cọc, kiểm tra lại sợi dây thừng, sau đó hát hăm bảo lão Sến:

- Làm đi!

Lão Sến cố nuốt khan cái gì đó vương vãi trong cổ họng, tiến lại gần cái cọc. Lão quả quyết vung búa lên. Nhưng, tiếng hí quen thuộc ngay sau lưng lão, ngay

phía trước cuộc hành hình, khiến lão hồi hộp dừng lại. Cả ba người đều ngoái lại. Thằng Tía đã quay về thật.

Hoạt giơ tay bảo lão Sến:

- Khoan đã! Cởi con Vàng ra, dắt nó vào chuồng.

Lão Sến răm rắp làm theo.

Con Vàng ở trong chuồng với những cái văng bằng gỗ sa mu chắc nịch. Thằng Tía đứng cách chuồng mấy mét, suốt ruột khua vó xuống đất.

Lão Sến vào nhà, ngồi phệt xuống ổ rơm. Thằng Hoạt vào theo, mở cái hòm gỗ, lấy ra một bọc tiền. Hoạt ném bọc tiền xuống ổ rơm và nói rành mạch, chả vương vấn gì:

- Tôi cho lão nghỉ từ hôm nay đấy. Hứa sẽ gửi lão cái của quý thằng Tía để ngâm rượu.

Lão Sến cầm tiền, đứng dậy thu xếp mấy manh quần áo còn lành lặn cho vào túi chàm bước ra sân. Lão nghĩ thằng Hoạt đã nhờ lão làm hồng việc đây mà. Về thì về... Lão Sến tập tễnh bước đi. Tiếng con Vàng lại hí lên. Thằng Tía lúc lúc theo chân lão Sến. Hoạt thấy thế vội vàng quát lớn:

- Dừng lại! Dừng lại ngay!

Lão Sến chả rõ Hoạt quát người hay quát ngựa nên càng bước nhanh.

Hoạt quát to hơn:

- Tôi bảo ông dừng lại! Ông dẫn nó đi đâu?

Lão Sến ngoan cố bước, lòng dằng dặc tự ái. Lão mà thêm tham cái thứ của phù vân ấy sao.

Hoạt tức tối chạy vào nhà, thò tay xuống gầm giường lôi ra khẩu súng săn. Hoạt chạy theo thằng Tía, nhằm chân nó nhả đạn.

- Pàng! Pàng! Pàng!

Thằng Tía nhảy chồm lên hí vang cả buổi bình minh rồi lao vút đi. Lão Sến quần quai đau đớn. Máu từ chân lão phun ra thành vệt. Lão ngã vật xuống.

Hoạt chạy đến sóc lão Sến lên mếu máo, hoảng hốt hỏi:

- Có làm sao không?

Rồi Hoạt cuống quýt gọi vợ mang xe, mang ngựa ra để đưa lão đi bệnh viện. Lão Sến cười nhạt, nói lão phào:

- Không chết được đâu! Cũng phải nếm mùi đau đớn cho biết chứ!

Con Vàng được dắt ra. Nó quỳ hai chân trước xuống để Hoạt đỡ lão Sến lên. Nhưng vì bỏ cỏ mấy ngày nên nó rệu rã quy xuống. Hoạt cuống quýt khởi động con "min" già, mãi sau cái xe cũng chịu nổ máy và xả khói đen kịt. Nghe tiếng xe nổ như tiếng súng, con Vàng chợt thức tỉnh điều gì nên nó từ từ gượng dậy rồi chạy đi. Thằng Hoạt vớ súng định chạy theo con Vàng, nhưng nhìn lão Sến đang giãy giụa dưới đất không đành lòng. Hoạt dục mắt ra đến một phút, sút ruột nhìn con Vàng chạy về phía con đường còn in dấu chân thằng Tía. ■

TÁC PHẨM VÀ DƯ LUẬN

Đỗ Trọng Khơi đã thử sức trong nhiều thể loại thơ, nhưng có lẽ lúc bắt đầu thành công hơn cả, hợp với tạng của ông hơn cả. Thơ lục bát của Đỗ Trọng Khơi ít cái ngơ ngẩn, chán quê của Nguyễn Bính, cái siêu hình, ma quái của Bùi Giáng, và cái giọng du ca, biền ảo ngôn ngữ đời thường của Đồng Đức Bốn... Thơ Đỗ Trọng Khơi nhai sáng nét đẹp của nỗi đau thân phận với cách thể hiện ung dung, tự tại, nhiều câu thơ ma mị đến u huyền ngộ như mang nhịp sinh học, hơi thở của ông.

...vườn nhà chim ngổ đủ điều ngày ngơ (Tựa). Khiêm cung và cẩn trọng, mình tuệ nhưng bay bổng, tiếng chim lạ ấy cất lên, không lẫn với chiu chít những giọng hót khác trong vườn thuở vườn nhà.

Thơ 6 và 8 viết hay quả thực khó, chú tâm, khôn hoạt quá dễ rơi vào sạch sẽ, thậm chí lấu cá, khôn vật..., nhưng

Cách nói của cao dao, dân ca cũng thường thấy trong thơ Đỗ Trọng Khơi: học cây dù rách hay lành/ đùm ôm lấy cội lấy cành mà tươi (Làng); Buồn thì ra ngó mái đình/ mưa rây bao hạt trắng tinh cả trời (Buồn không mưa).

Từ Ánh trăng, viết năm 1988, từng "vỡ ra" trên đường làng, đến nay, bằng nghị lực và tài năng của mình, ông đã đi những chặng đường dài, dành cho bạn đọc một tiếng thơ riêng biệt. Ông đã vượt lên bệnh tật, hoàn cảnh đặc biệt của mình để tự tích lũy kiến thức và luôn đau đầu chiêm nghiệm, như con trai ngâm ngọc lặng lẽ, lớn dần thành bầu vật trong cái ao quê lặng lẽ, quen thuộc: Ta về ở ẩn trong ta (Ta về cội ta); cầm thu chới vực bàn tay cội cành (Cầm thu)...

Từ lâu tôi đã coi ông là tấm gương về nghị lực, tinh thần ham học và tình yêu cháy bỏng dành cho thơ ca. Những lúc bị phân tâm, mất lòng tin, hay bị quan chán nản... tôi thường nghĩ đến ông, tưởng tượng hoàn cảnh ông, và đặc biệt, nhớ những câu thơ riêng biệt của ông nữa: ngày rơi mê một mê tới/ ừ ừ khi đất thổi

trình nguyên trong khổ thơ này: Lòng tôi đã lấm phong rêu/ sao thu còn cũng nói điều non xanh/ sao chiều chẳng đổ ánh nhanh/ sao người mất cứ long lanh thế người (Phổ chiếu thu). Ánh mắt cứ long lanh ấy như sương buổi sớm tinh khôi đón được ánh mặt trời. Câu thơ giàu nội lực và khát vọng đưa ông đến với tóc dài ai thả để sương theo về... Tôi mừng cho ông đã gặp được "tóc dài ai thả", được hạnh phúc! Trời cũng chẳng bắt ai khổ quá!

Sống, chịu đựng và vươn dậy viết như Đỗ Trọng Khơi càng minh chứng cho thấy, hoàn cảnh, cao hơn là số phận bản thân cũng chỉ là cái cớ cho thi sỹ sáng tạo chứ không phải là phương tiện hay mục đích để giải thoát. Đỗ Trọng Khơi vốn am tường kiến thức văn hóa Đông-Tây, tích lũy có hệ thống và phong phú các tác phẩm văn chương kim cổ, đặc biệt hiểu sâu về triết học cổ đại Trung Hoa... Nhưng khi sáng tạo, ông thường đẩy tất cả những kiến thức và từng trải về phía sau, dùng cách diễn đạt trang trọng của người xưa cho những nội dung non

NGÕ NHÀ NON LẠI MÀU RÊU

(Đọc tập thơ Quê của Đỗ Trọng Khơi, Nxb Quân đội Nhân dân, 2013)

MAI VĂN PHẤN

buồng thả, hờ hững lại hay lẫn vào nhạt suông, sáo rỗng... Vậy mà nhà thơ Đỗ Trọng Khơi vẫn "cầm lấy cây sào", "cái quạt"... đi trên "sợi dây mảnh" căng giữa hai đầu "Sầu" và "Tâm" từ xưa xưa.

Đỗ Trọng Khơi đã hành trình dưới trời rộng, cổ sao tránh được cái bóng của những đại thụ 6 và 8 như Nguyễn Du, Nguyễn Bính, Bùi Giáng..., những thành công gần đây của Đồng Đức Bốn, Nguyễn Duy..., lại không được trượt chân ngã xuống vực sâu của nhảm nhí, tầm thường... Nhìn Đỗ Trọng Khơi trên sợi dây lục bát mỏng manh kia, chắc ai cũng có lúc thót tim, rồi đến nay phải tán thưởng chặng đường điêu nghệ của ông; những bước đi nhuốm mờ mặt đất tiếng con chim chiếu (Thời gian); trong ánh sáng mờ hồ mà trinh bạch của nắng đứng trong chiếc áo là mờ sương (Chiều); hay theo gót chân mẹ phủ ngập lối ngõ với gậy tre mẹ chống bênh bóng ngõ quê (Ngõ quê).

Thơ ông có lúc bằng lặng, mơ hồ mà tinh tế như một bức tranh lụa. Hình ảnh vắng trắng trong câu thơ sau hiện ra mờ ảo dưới nét thanh thoát, tài hoa của ông: mảnh trắng mỏng mảnh xanh gầy/ phần treo đầu ngõ, phần bay cuối làng (Nét trắng thu); Giọng chim về một nẻo sương/ dải trắng thấp một nét buồn tình mơ (Góc ngày thu). Thường khi ông giữ cho mình một tâm thế hướng nội lặng lẽ, tuy cô đơn, nhưng luôn tự tin đến được đích: Bây giờ đất gió lòng không/ gió ai, đây của mệnh mỏng chỗ nào? (Ở thế gian). Hay như muốn săn đuổi đến tận cùng sự mỏng lung, mơ hồ: Đêm qua bóng ngả đầy người/ người thì xoá bóng về nơi tuyệt cùng (Bóng); Bầu trời còn gọi khoảng không/ trong không có khoảng rỗng không tuyệt vời (Thi tin).

Ông cũng là người giàu có "chữ", thể hiện trong những câu thơ trau chuốt với trò chơi chữ bất ngờ kiểu dân gian: trong bao là một ta ngồi/ một ta chơi với một người là ta (Ta về cội ta); cũng tự nhiên ngắt dòng, tạo hiệu ứng đột ngột như cách "thay đổi hơi thở" trong thi pháp "hiệu ứng cánh bướm" của thơ Tân-hình-thức: Một ngôi đất lạ, nửa và/ hai ngôi đất lạ, nửa và...ba ngôi (Tôi là).

Có câu thơ nhuộm màu sắc "siêu thực": gặp ngày ở đỉnh đụn cây rực vàng (Mai đồng). Chữ "ngày thơ" trong bài Nhớ thương đã làm bạn đọc bất ngờ, thú vị: nhớ người của chốn lòng sầu/ trời-thi thăm đến phai màu ngày thơ.



trời xanh xao (Chơi đêm); Hữu tình thoát lại vô tình/ ta thành chim đất nín thình giữa trời (Cầm xúc thời gian). Hay, Tôi nào đã biết gì gi/ người đi, chân cũng theo đi phố phường (Đêm). "Đôi chân" trong câu thơ ấy trước hết là tưởng tượng của ông về những chuyến du hành trên mặt đất, là khát vọng lớn lao nhất mà Đỗ Trọng Khơi chỉ có thể thực hiện được trong thơ ca. Nhiều bài thơ, câu thơ ông viết ra để tự biết cái "gì gì" làm ta ứa nước mắt và càng cảm phục nghị lực và tài năng của ông hơn: từ lâu tôi thả tôi trôi mịt mùng (Là về trăm năm); Đêm qua bóng ngả đầy người/ người thì xoá bóng về nơi tuyệt cùng (Bóng); heo may ngậm mảnh trắng vàng rong chơi.../ nắng nồng theo lối hùn ve lìa ngàn (Thu sang); Tôi tự chèo lái tôi đi/ đi cho hết cội không gì mới thôi (Cõi không gì).

Điều tôi cảm phục nhất khi đọc thơ Đỗ Trọng Khơi là ít thấy cái bi phần nảy sinh từ hoàn cảnh thực tại, mà nét ung dung, tự tại của kẻ sỹ phương Đông thường được hiển lộ với vẻ trầm tĩnh, tự tin. Điều đó đã làm nên phong vị và cốt cách thơ Đỗ Trọng Khơi: Tôi hư ảnh, tôi xương da/ tôi khăn áo mỏng như là trần gian/ cầm câu yêu xuống Địa đàng/ hỏi thăm, đây lối về làng tôi chăng? (Địa đàng vườn ấy...); Tôi đi về phía xa xăm/ Vàng, xa xa lắm, mù tâm tuyết mù (Giờ đây).

Những bài thơ tình thường hiếm thấy trong thơ Đỗ Trọng Khơi, nhưng tôi chợt gặp được cảm xúc mạnh mẽ, tinh khiết,

tươi đầy kinh ngạc: Lòng trời như li như lau/ lòng người thoát đã bợn màu ái ân (Trong gió may lộng).

Cách ông quan sát và diễn giải những chuyển động xung quanh rất tinh tế và mẫn tiệp: Không gian y một cảnh chùa/ ngày lên thật mỏng, chuồng khua lại rền... (Góc ngày thu). Và, Những bức tường đứng thẳng hàng/ và ăn nhẹ nhẹ nhàng nhàng bóng nhau (Những bức tường) là câu thơ hồn nhiên và rất lạ của ông. "Những bức tường" - vật vô tri vô giác, nhưng biết đứng "thẳng hàng", và chúng ăn "nhẹ nhàng nhàng" (mượn cách nói của dân gian) những cái "bóng nhau", đã làm cho lý trí của người đọc như lui về phía sau, nhường chỗ cho một khoảng không vô thức, trong suốt, đậm màu tâm linh chế ngự. "Những bức tường" ở đây bỗng như sừng sững, vững chắc, trở thành xương cốt gắn bó những thân phận người, che chắn những phận đời trong cái làng quê bé nhỏ mà giàu lòng nhân ái của ông. Đỗ Trọng Khơi thường ít có những câu thơ hiện đại, nhưng khá minh triết khi quan sát và lý giải sự việc. Những câu thơ, như không em Hà Nội nặng tôi.../ liễu trăm tuổi chặt tập yêu/ lấy xanh tơ bầy tiếng kêu sâm cầm... (Một chiếu Hà Nội), hay Vóc thành phố nhỏ và hiền/ và duyên dáng và dịu êm như là (Một thu) là cách nói thời @, cũng hiếm thấy trong tập thơ Đỗ Trọng Khơi.

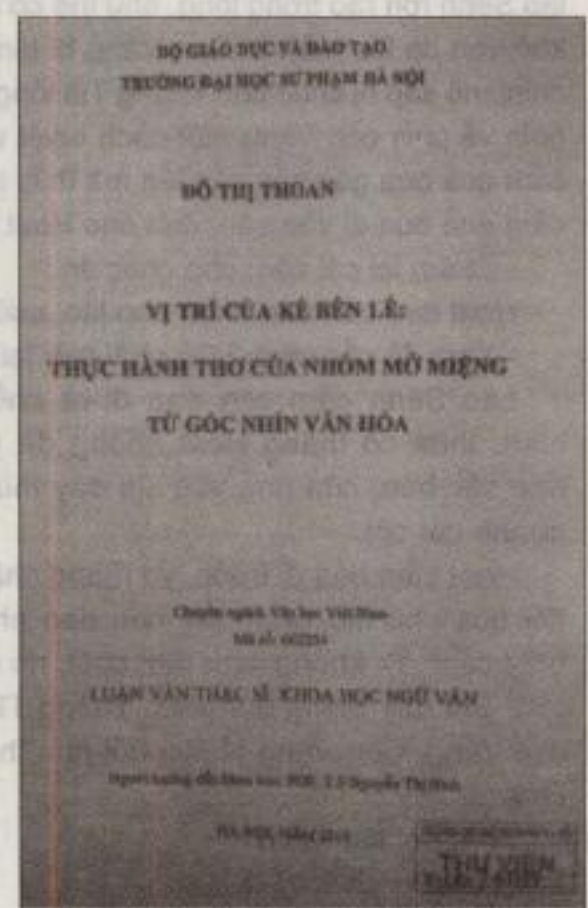
Quê, chính là nơi Đỗ Trọng Khơi đã Vai mang đầy ánh trăng mà không thấy nặng/ Mắt chứa đầy ánh trăng mà không thấy chời trong Ánh trăng cùng với Hy vọng, là hai bài thơ của ông từng đoạt giải Nhì cuộc thi thơ tuần báo Văn nghệ (1989-1990). Ánh trăng đã gây ngỡ ngàng cho bạn đọc lúc ấy và tới tận bây giờ, bởi cảm xúc tươi ròn rờn rợn cùng vẻ đẹp tinh huyền của nó. Sau đó tôi cũng như nhiều bạn đọc chờ đợi nhà thơ Đỗ Trọng Khơi tiếp tục thi triển cách viết này, và đã có lúc, chúng tôi sốt ruột vì cách đi ngập ngừng, như cổ tình tập cổ của ông...

Trong không gian ngõ nhà non lại màu rêu/ vườn nhà chim ngổ đủ điều ngày ngơ (Tựa), ta thấy Quê, là đích đến của nhà thơ Đỗ Trọng Khơi. Ông ra đi từ Quê, đi xa..., thật xa... rồi lại trở về Quê, làm phục sinh nét đẹp cổ xưa của thôn làng Việt vùng châu thổ sông Hồng, để chúng trở nên huyền hoặc hơn xưa, mới lạ hơn xưa. Đó chính là nơi ông xuất phát, vượt lên khó khăn, số phận, vượt qua cái dân dã, quen thuộc để trở thành nhà thơ tài hoa có bản sắc riêng.■

T RÊN báo Văn nghệ số 28 (ngày 13/7/2013) có bài "Một luận văn mơ hồ và sai lầm" của Ban LL- PB viết về bản luận văn thạc sỹ khoa học ngữ văn "Vị trí của kẻ bên lề: thực hành thơ của nhóm Mỏ Miệng từ góc nhìn văn hóa" của Đỗ Thị Thoan. Bài viết đã chỉ ra những "mơ hồ, sai lạc về mặt khoa học" và những "ẩn chứa nhiều hàm ý khác về chính trị - xã hội không thể bỏ qua" với những phân tích sắc sảo, dẫn chứng cụ thể. Người viết bài này chưa được đọc cuốn luận văn nói trên nên không bản luận được gì thêm về bản luận văn, chỉ muốn nhân việc này để được trao đổi đôi điều về việc đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ chuyên ngành Văn học, những học vị cao nhất trong hệ thống giáo dục đào tạo nước nhà.

Ngày xưa, khi con cái đỗ được vào Đại học đã là "ghê gớm" lắm, khiến cho bố mẹ hãnh diện, tự hào lắm lắm. Số người được vào đại học rất ít. Cả làng, cả xã may ra mới đếm được trên vài đầu ngón tay đã là đất hiếu học rồi. Bây giờ, đại học được phổ cập. Ít năm trở lại đây, các trường đại học mới được thành lập rõ lên nhiều như nấm sau mưa. Nhiều trường Đại học cho nên cái bằng Đại học ít nhiều cũng "giảm giá" theo. Học chán, ra trường, cầm tấm bằng trong tay cứ nhẹ như tờ giấy loại. Đi xin việc mãi không được. Việc làm ít, cử nhân lại lấm. Thế là phải đi học tiếp để cho hơn cái lũ đại học đại trà mới có cơ may xin việc. Vậy nên, theo xu thế chung, đào tạo đại học nhiều thì đào tạo sau đại học cũng tăng.

Sự học không bao giờ là thừa. Nhưng cái sự học ở ta cũng muốn hình vạn trạng, nhất là ở bậc sau đại học. Các cơ sở đào tạo thì luôn muốn được mở rộng đào tạo. Tuyển sinh được nhiều đồng nghĩa với việc có nhiều tiền, nên xin được càng nhiều chỉ tiêu càng tốt. Chất lượng đào tạo không cao, không được chú trọng. Thế nên mới có những cuốn luận văn thạc sỹ kiểu như "Vị trí của kẻ bên lề...". Là người cũng đã may mắn được ngồi qua hết trường họ đến lớp kia, làm hết luận văn thạc sỹ đến luận án tiến sỹ, người viết bài này đã từng chứng kiến lắm chuyện bi hài xoay quanh chuyện học hành và chuyện làm luận văn, luận án. Chẳng cần đi đâu xa cả, cứ vào thư viện của các cơ sở đào tạo, tìm danh mục các cuốn luận văn, luận án (chuyên ngành văn học, vì người viết bài này hoạt động trong lĩnh vực văn học, không am hiểu nhiều các chuyên ngành khác) được bảo vệ thành công trong vòng mười năm trở lại đây, chắc chắn sẽ thấy được sự lặp lại, nhảm chán và cả buồn cười ở các đề tài luận văn, luận án, đặc biệt là ở chuyên ngành Văn học Việt Nam. Các



DIỄN ĐÀN LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH VĂN HỌC

TỪ “MỘT LUẬN VĂN
MƠ HỒ VÀ SÀI LÂM”,
NGHĨ VỀ ĐÀO TẠO

tác gia nổi tiếng của văn học Việt Nam đã được “cày đi xới lại” quá nhiều rồi, nên mỗi khi nhận hướng dẫn luận văn, cái khó khăn nhất đối với người hướng dẫn và với học viên là việc chọn đề tài. Làm đề tài gì để không trùng lặp với ai (một năm, nước nhà có biết bao nhiêu người bảo vệ luận văn, luận án văn học)? Làm đề tài gì để cho có ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn? Khó chứ! Cho nên, cứ chọn được đề tài nào “độc đáo, mới lạ” là đã cầm bằng “chiến thắng” rồi. Tôi đọc cuốn luận văn thạc sĩ của cô bạn có đề tài “Dòng sông trong thơ Mới”, đọc hết văn chẳng biết trong Thơ Mới thì dòng sông có khác gì so với dòng sông của... thơ cũ, chỉ thấy trích rất nhiều câu thơ về... sông. Lại nữa, một cô bạn làm luận án tiến sĩ hẳn hoi, về phương pháp giảng dạy truyện ngắn sau 1975 theo hướng đối mới trong chương trình Ngữ văn trung học phổ thông (tinh thần thế, tôi không nhớ từng chữ trong tên đề tài). Tôi hỏi: chương trình Ngữ văn của trung học phổ thông có bao nhiêu truyện ngắn sau 1975? Bạn trả lời: có 1 truyện của Nguyễn Minh Châu. Tôi hỏi tiếp: Thế sao không lấy tên đề tài là phương pháp dạy 1 cái truyện ấy, lại phải dài dòng là “truyện ngắn sau 1975”? Bạn chỉ cười. Tôi hiểu, lấy tên như thế cho nó “xứng tầm” với luận án tiến sĩ, chứ chả nhẽ một luận án hàng hai trăm trang lại chỉ bàn về cách dạy có mỗi truyện ngắn hay sao?

Vấn quay trở lại chuyện làm luận văn, luận án. Luận văn sẽ được bảo vệ trước một hội đồng do cơ sở đào tạo thành lập gồm có các nhà khoa học có uy tín, trình độ. Nhưng trước khi ngồi chấm điểm trong buổi bảo vệ ấy, thì từng thành viên trong Hội đồng đã phải dành thời gian đọc, nghiên cứu trước cuốn luận văn, luận án đó, để đưa ra những câu hỏi phản biện. Và người bảo vệ, ngoài việc trình bày nội dung công trình nghiên cứu của mình, sẽ phải trả lời các câu hỏi phản biện của Hội đồng. Lý thuyết đầy đủ là như thế, nhưng nói một cách công bằng, chất lượng của các luận văn, luận án hiện nay đang được thả nổi (mặc dù xét trên phương diện các quy chế, quy định thì được quản lý

rất chặt chẽ). Thả nổi ngay từ khâu chọn đề tài, đến khâu thực hiện. Có vị giáo sư khi nhận cuốn luận án tiến sĩ để đọc phản biện đã... thở hắt ra chỉ vào một chỗ chứng gần chục cuốn luận án khác đang nằm lù lù trên bàn (cuốn nào cũng ngót nghét 200 trang) mà rên rĩ: “Trong vòng một tuần mà gần kia cuốn phải đọc để ngồi hội đồng...”. Như thế, chỉ nguyên nhớ được tên đề tài, tên tác giả cũng đã là một cố gắng, đọc sâu làm sao được để mà phản biện. Cho nên, trong nhiều cuộc bảo vệ luận văn, luận án (đặc biệt là luận văn thạc sĩ), các thành viên hội đồng ngồi với một thái độ rất thờ ơ. Có buổi bảo vệ luận văn thạc sĩ, một hội đồng trong một buổi sáng phải chấm đến 7 người bảo vệ, mỗi học viên có chừng 15 phút trình bày nội dung chính của luận văn thì thử hỏi cả hội đồng sẽ chất vấn, sẽ phản biện thế nào để nhét được cả 7 người trong vịn một buổi sáng (mà phần khai mạc lúc 8h sáng đã rườm rà mất chừng 30 phút)? Học viên cao học khóa trước rí tai khóa sau, rằng trong luận văn viết gì thì viết, nhưng cuốn tóm tắt luận văn (chỉ được phép tối đa 24 trang khổ nhỏ bằng 1/2 khổ A4) thì phải trình bày cho sáng sủa, văn phong cho “chuẩn”, và phần mục lục, thư mục tham khảo của luận văn cũng thế, phải “thật chuẩn” vào. Vì các thầy bận lắm, hơi đầu gối đọc hết luận văn. Các thầy chủ yếu là xem tóm tắt, xem qua mục lục, thư mục. Mấy cái râu ria ấy mà có sai sót gì thì chết tôi. Cho nên, những luận văn luận án được bảo vệ đa phần là đạt điểm “siêu đẹp”. Không thấy nói cuốn luận văn “Vị trí của kẻ bên lề...” đạt bao nhiêu điểm, nhưng tôi tin nếu không tuyệt đối cũng gần gần như thế.

Học ào ào, nghiên cứu ào ào, bảo vệ ào ào, chấm điểm, đánh giá ào ào... Bao nhiêu cái ào ào như thế thì ắt hẳn sẽ cho ra đời nhiều thứ ào ào khác, mà khi cần “giương mục kính” lên soi xét thì sẽ gặp nhiều cái thất kinh lắm! Biết trách ai bây giờ?

NGUYỄN THỊ VIỆT NGÀ
Phó Chủ tịch Hội VHNT Hải Dương,
Tổng biên tập tạp chí Văn nghệ
Hải Dương
66 Quang Trung, TP Hải Dương

LUẬN văn thạc sĩ “Vị trí của kẻ bên lề: Thực hành thơ của nhóm Mỏ Miệng - Từ góc nhìn văn hóa” của Đỗ Thị Thoan (Nhã Thuyên) dưới sự hướng dẫn của PGS- Ts Nguyễn Thị Bình, Trưởng bộ môn Văn học Việt Nam hiện đại, Khoa Ngữ Văn, Đại học Sư phạm Hà Nội đã được bảo vệ thành công năm 2010. Sau đấy luận văn này được Nhã Thuyên tách ra làm nhiều phần đăng tải trên website “damau.org” dưới cái tên “*Những tiếng nói ngầm*”.

Sau khi đọc và nghiên cứu kỹ các bài viết trên các báo viết và báo mạng gần đây, cũng như toàn bộ các phần trong “*Những tiếng nói ngầm*” của Nhã Thuyên,

bên lề” thay thế những cái mà họ gọi là “chính thống”; lấy “ngoại vi” để “giải trung tâm”; lấy tự do chửi bới tục tĩu và chống đối để “giải chế độ cộng sản”; lấy giấu nhại tác phẩm “*Đường Kách mệnh*” của Chủ tịch Hồ Chí Minh để “giải thiêng” tư tưởng của Người,... Hơn thế họ còn đòi xóa sạch lịch sử hào hùng và oanh liệt của cả dân tộc ta trong quá trình dựng nước và giữ nước để cho chính họ và cả dân tộc ta có được cuộc sống như ngày hôm nay. Không còn nghi ngờ gì nữa, Nhã Thuyên đã lấy danh nghĩa “*phản biện*” thơ ca và khoa học để kêu gọi phản kháng, chống đối chế độ chính trị do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

KHÔNG ĐƯỢC
NHÂN DANH “PHẢN BIỆN”
ĐỂ KÊU GỌI PHẢN KHÁNG!

ĐỖ NGỌC YÊN

tôi chỉ thấy sục sôi một bầu không khí kích động sự nổi loạn, phản kháng và chống đối mà tác giả luận văn đã công khai ủng hộ, bênh vực và đồng lõa với nhóm người trong “*Mỏ miệng*”, tự cho mình là một người trong cuộc “*tham dự*” vào trào lưu phản kháng này.

Nhân danh thơ ca và khoa học, dù trực tiếp hay gián tiếp, những người mà Nhã Thuyên quan tâm như là đối tượng chính yếu để quan sát và cắt vấn đều lớn tiếng kêu gọi “*giải trung tâm*”, “*giải chính thống*”, “*giải ý thức hệ*”, “*giải chế độ cộng sản*” và “*giải thiêng*” cả tư tưởng Hồ Chí Minh. Họ riết róng đòi “*tự do ngôn luận*”, “*dân chủ*” kiểu phương Tây, vì cho rằng những quy tắc, quy phạm, chủ trương đường lối của Đảng, sự quản lý và điều hành của Nhà nước là chướng ngại vật làm cản trở “*tự do sáng tạo*” của nhà thơ và của thơ ca Việt Nam hiện đại.

Nhã Thuyên và những người cùng chí hướng đòi lấy ý thức hệ của “*chủ nghĩa Dada*” và hệ mỹ học hậu hiện đại của phương Tây thay ý thức hệ Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; đòi lấy “*những kẻ*

Nấp dưới mỹ ngữ “*từ góc nhìn văn hóa*”, Nhã Thuyên đã mê hoặc được cả những người hướng dẫn, những người phản biện, Hội đồng chấm luận văn, Tổ Văn học Việt Nam hiện đại, Khoa Ngữ Văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, một trung tâm đào tạo giáo viên lớn và có uy tín nhất nước với bề dày truyền thống hơn nửa thế kỷ qua, niềm tự hào của nền Giáo dục Việt Nam, trong đó có nhiều vị PGS- Ts đang là cán bộ giảng dạy văn học tại đây và các khoa, trường, viện nghiên cứu khác. Làm sao các vị ấy lại cho phép bảo vệ một luận văn như thế này và có thể hạ bút cho điểm tuyệt đối (10/10) bản luận văn kêu gọi phản kháng, chống lại Đảng và Nhà nước ta, xúc phạm đến Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị cha già kính yêu của cả dân tộc? Điều này khiến nhiều người thật sự bức xúc và bất bình! Thiết nghĩ Khoa Ngữ Văn và trường Đại học Sư phạm Hà Nội cùng Bộ chủ quản cần phải làm rõ vấn đề này và trả lời trước công luận.

Tôi sẽ quay trở về vấn đề này cận kề và đầy đủ hơn, trong một thời gian thích hợp.■

ĐỪNG CHẠM ĐẾN CHỖN LINH THIÊNG

LÒ CAO NHUM

TÔI bị ốm, ra viện rồi, các cụ và con cháu vẫn còn lo tôi chưa khỏe. Vì các cụ quan niệm rằng, ốm là do cái vía giết mình bỏ đi lưu lạc lang thang đầu đó, nên phải nhờ thầy mo gọi vía về với thân thể. Ở đầu đại khoa học phát triển cao như bây giờ, điều đó nghe ấu trĩ quá. Thế mà tôi vẫn tin, vẫn nghe theo các cụ, vì lẽ đơn giản là tôi trân trọng niềm tin của các cụ, một niềm tin di truyền từ hàng ngàn, hàng vạn năm đến nay. Ngắm cho cùng, niềm tin ấy cũng chỉ vì nhau, yêu thương nhau theo cách của dân gian. Đây là một góc linh thiêng trong tâm khảm mỗi người chúng ta. Nó trường tồn bởi mục đích nhân văn cao cả.

Song hành cùng đời người là những niềm tin vào tôn giáo, không hình thức này thì hình thức kia. Dân tộc nào chả vậy. Trên thế giới biết cơ man nào là nơi cầu tự, từ hốc cây, mái đá hoang sơ đến các kiến trúc tinh xảo đồ sộ nhà thờ, đình đền, miếu mạo. Tôi cho đây là một niềm tin vĩ đại của loài người, nó đã được phát sinh từ

buổi bình minh của lịch sử. Niềm tin ấy sinh ra tự nhiên, tự nhiên tồn tại và hiển nhiên tồn tại một không gian linh thiêng. Đây là văn hóa trong muôn vàn văn hóa loài người kiến tạo, là bản sắc các sắc tộc của loài người chứ sao. Ấy thế mà vẫn có kẻ lạc loài đang tâm nhổ bỏ nó thì thật là ngông cuồng và hoang tưởng hết chỗ nói.

Gần đây, theo dõi trên các phương tiện thông tin truyền thông và một số trang mạng, tôi không khỏi bức xúc trước một “hiện tượng” đi ngược lại niềm tin, phỉ báng vào niềm tin và chốn linh thiêng của các dân tộc Việt Nam chúng ta. Thật không thể hiểu nổi họ sống như thế nào nữa, khi không cần đến gốc gác tổ tông, không cần đến tình yêu thương đùm bọc. Họ sinh ra, được cha mẹ nuôi dưỡng lớn lên, bị bỏ rơi đã quay lại nói xoi xít vào mặt người để ra mình, rằng: mặt mẹ “*nư cái xác chết thối*”, “*được lời lên từ vũng bùn đầy mùi xú uế*”... Hồi trên trái đất này còn ai bất hiếu hơn thế nữa. Ấy vậy mà, cũng theo tin trên các báo, những tác

phẩm thơ như thế của nhóm “*Mỏ miệng*” lại được chọn làm “đối tượng” nghiên cứu của một học viên cao học của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, một cô máy cái của nền giáo dục Việt Nam và được người này ca ngợi hết lời trước sự cổ vũ của “người lớn” (là những nhà hướng dẫn và phản biện cho công trình)? Cô nữ sinh kia có thể còn “trẻ người non dạ” mà nghĩ xằng, viết xằng, nhưng những “người lớn”, những giáo sư, tiến sĩ mủi cao áo dài từng bao năm hưởng lộc từ chính cái nền văn hóa này thì sao lại dung dưỡng một lối nghĩ, lối viết như vậy?

Ồ quê tôi, có câu răn truyền đời rằng, đừng đụng đến chốn linh thiêng mà mang tội diệt vong, không bị đời này thì đời con, cháu, chắt sẽ lãnh chịu. Lời răn được đúc rút ra từ những kinh nghiệm máu thịt của ông cha. Những kẻ ngông cuồng hoang tưởng, phản phúc, phản văn hóa dân tộc, thóa mạ chốn linh thiêng của các dân tộc Việt Nam ta, âu cũng khó tránh khỏi sự trừng phạt.■

ĐỌC SÁCH

NHỮNG NGƯỜI SỐNG VÌ VĂN CHƯƠNG NGHỆ THUẬT

(Độc Nhà văn độc hành độc bộ của Vũ Từ Trang, Nxb Phụ Nữ, 2013)

VŨ NHO

QUA những trang sách này của Vũ Từ Trang, thấy những hoàn cảnh riêng tư, những nỗi niềm sâu kín của một thế hệ nhà văn, nhà thơ, nhưng quan trọng hơn, thấy một thời khó khăn, gian khổ, nghèo túng về vật chất, mà tình người thật trong trẻo, ấm áp và thánh thiện.

Ba mươi người, ba mươi số phận, ba mươi tên tuổi, địa vị xã hội khác nhau. Người là nhà thơ nhà văn nổi tiếng hay ít nhất cũng có tên tuổi trên văn đàn, người là nhà giáo nhân dân dạy ở trường đại học danh tiếng, người là nhà điêu khắc, họa sĩ có thành tựu, nhưng có người chỉ là một người thợ sửa mô-rát, người "thằng thớt thợ", người "phân mồng cánh cò", hay chỉ là một người phụ nữ cô đơn chơi với bóng mình, hoặc giản dị hơn, chỉ là thím Phụng, người nữ học viên trường nhạc họa âm thẩm hi sinh cho chồng, con, "viết thơ để tự an ủi riêng mình".

Đây là "căn hộ" của một cặp vợ chồng yêu mến văn chương: "căn phòng có mấy mét vuông, nơi trú ngụ của hai con người. Không tủ, không giường phản. Một cái giá giường trải bệt xuống nền nhà. Một tấm vỏ chăn cũ màu cỏ úa đã bạc phủ lên làm ga thay chiếu. Một bếp dầu cháy lụp bụp. Trên bếp dầu là xoong mì sợi đang chín dở cùng mấy miếng cà chua đỏ ối. Đây là bữa ăn buổi chiều quá tốt đối với chúng tôi hồi đó" (trang 178). Đây là không gian sáng tạo của người thằng thớt thợ: "Đây là gian nhà lợp tôn nóng hầm hập, hơi nổi trên sân thượng của gian nhà tắm hơi hám. Giữa không gian đặc quánh mùi ba-tê, mùi tương ớt, mùi bánh mì chua chưa bán hết, tôi không hình dung ra không gian thì ca của anh tồn tại chỗ nào. Rót một tô chén nước chè nhạt, anh vội đọc thơ cho tôi nghe" (trang 244). Một căn hộ khác của người phụ nữ làm thơ đất Cảng: "Nhà cửa quá lụp xụp. Đã thế lại đi qua khu nghĩa trang lớn nhón mổ má tôi om. Trong gian nhà chật chội với ánh sáng của ngọn đèn đỏ lờm, tôi nom chị như một bà công nhân nghèo lấm lũi. Một thoáng ngạc nhiên là con người xộc xệch,



tất tuổi ấy, sao lại viết được những vần thơ trong trẻo và da diết đến vậy ở bài thơ *Nói với con* vừa in trên *Văn nghệ Quân đội*, mà chúng tôi từng bàn tán? Khi chị loay hoay ngăn ngại vì không biết mời chúng tôi ngồi đâu, thì con gái chị nhanh tay xé cho mỗi chúng tôi một mảnh giấy bao xi măng trải trên nền đất ẩm ướt tam. Căn phòng chật hẹp và nóng bức. Chiếc quạt con cóc bé xíu chạy lờ đờ còng còng cái bầu không khí nóng thêm" (trang 274-275). Các nhà văn, nhà thơ khác cũng chung một cái nghèo như thế. Ngay cả nhà thơ, giảng viên trường đại học danh tiếng của đất nước mà cũng ở tạm trong cái tum của ngôi nhà tầng "hai thầy giáo, hai nhà thơ trẻ, đêm đêm vẫn tròng trọc ngồi quay lưng vào nhau, chong đèn đọc và viết thơ" (trang 309). Ăn ở chật chội, vật chất thiếu thốn, nhưng tất cả không thể cản trở lòng đam say văn chương nghệ thuật. Những người say mê văn chương tìm đến nhau, cảm thông, giúp

đỡ nhau, và luôn có nhu cầu trao đổi, lắng nghe và góp ý cho nhau, vui mừng vì những thành công của nhau. "Niềm say mê và vẻ đẹp của văn chương như đã kéo chúng tôi thoát khỏi nỗi vất vả, đời khổ của thực tế. Cái sang trọng của chữ nghĩa như thánh đường, chờ đợi những bước chân thấp thững của những anh em mới vào nghề viết lách. Những trang sách của bạn bè mới được in ra như những chân trời chói lọi" (trang 58). Một cảnh khác về sinh hoạt văn chương: "Chúng tôi ồn ào đọc thơ. Những vần thơ ừng ừng sừng sực, linh kinh xà beng, cuộc sống và chấp chới mây vầng mũ rơm vàng ươm... Cuộc chiến tranh chống Mỹ căng thẳng vừa kết thúc, những vần thơ hăm hập nhiệt tình và thật lòng" (trang 178). Một nhóm bạn thơ khác "Họ thường đọc thơ cho nhau nghe trong quán rượu nghèo dưới gầm cầu, hoặc quán chè chén vỉa hè, có khi ở ngay chân cột đèn đường phố" (trang 243).

Vũ Từ Trang thường chọn ra một chi tiết độc đáo của nhân vật mà anh dựng chân dung. Chẳng hạn, với nhà điêu khắc Lê Liên thì đã từng ngủ trên máy chém trong Hỏa lò khi làm tượng đài. Họa sĩ Bùi Quang Ngọc thì chân ướt chân ráo vào Sài Gòn nhưng không quan tâm đến phương tiện kiếm sống, mà chỉ quan tâm đến bức tranh quý: "Bùi Quang Ngọc liến về nhà bán với người vợ bán sạch đồ đạc, từ cái xe đạp, chiếc bàn là, cái phích nước nóng lạnh... Chiếc xe máy, phương tiện đi lại duy nhất của cả nhà cũng được bán trước tiên. Gom góp được món tiền nhỏ, anh đem đến nhà người chủ bức tranh kia" (trang 286). Bạn của nhà điêu khắc Lê Liên, họa sĩ Anh Vũ thì chiều bạn hết mức khi bạn đập tượng ngay trong nhà mình. "Không thỏa mãn với ánh sáng lom đom trong căn nhà, Anh Vũ bèn treo lên mái nhà, đồ tung rơm rạ, rui mè, để ánh sáng thiên nhiên ủa bữa... quanh pho tượng của người bạn" (trang 232). Giáo sư Nguyễn Kim Đính "Phong trần chẳng bận chút tình đa mang". Nghiêm Đa Văn thì trên bàn làm việc có ba máy chữ, mỗi cái máy đánh một thể loại: thơ,

văn, phê bình.

Điều quan trọng nhất làm nên sự thành công của tập sách, chính là tấm lòng, tình cảm của người viết. Anh có quan hệ mật thiết với những con người, những số phận khác nhau. Nhưng điều mà chúng tôi muốn nhắc đến là tác giả tập sách đã thân thiết, tôn trọng, quý mến các đối tượng của mình. Anh trọng họ về ý chí, về tình cảm, về sự say đắm, vô tư dâng hiến trái tim cho văn chương nghệ thuật.

Dù muốn hay không, trong thể loại chân dung văn học, không thể không nhắc đến sáng tác của người được khắc họa. Vũ Từ Trang không những không bỏ sót những bài thơ quan trọng, các tập thơ, văn đã in, mà ngay một câu thơ, một tứ thơ của đồng nghiệp anh cũng nhớ đưa vào bài viết. Tuy không sa vào phê bình, nhưng Vũ Từ Trang đã đem con mắt bình giá văn chương để viết về bề bạn đồng lứa hoặc vong niên. Chẳng hạn về nhóm văn chương Bắc Ninh: "Mà cũng lạ, cái thị trấn nhỏ bé nhỏ bé này có tới hơn chục người ham mê văn chương, chữ nghĩa, nghệ thuật. Ấy là Đỗ Chu xuất hiện rất sớm, với những trang viết trong trẻo, đắm say và có dấu hiệu của những tài năng ngày từ những ngày đầu tiên. Ấy là Anh Vũ đắm say, là Nguyễn Thanh Kim hồn hén, là Trần Anh Trang chín chu tới mức rời rạc" (trang 222).

Trong khi dựng lên chân dung của những người say mê văn chương, lấy thơ ca làm lẽ sống của đời mình, người viết cũng hé lộ chân dung của chính mình. Đó là một người làm ở một tờ báo ngành khiêm tốn. Đó là một người cũng đầy hoài vọng về viết lách. Người từng mua căn hộ "Điện tích đo chỉ li được năm mét vuông rưỡi"...

Những người có mặt trong tập sách là chứng nhân của một thời kì lịch sử. Số phận của họ gắn liền với số phận của đất nước, dân tộc. Những ai muốn tìm hiểu thơ ca của thời đó, không thể không tìm hiểu những con người ấy và những suy nghĩ, trăn trở, sáng tạo của họ. ■

CHÂN CHẤT VÀ ẮN TƯỢNG

(Độc Thành hoàng phiêu bạt của Nguyễn Thanh Cải, Nxb Văn học, 2012)

CAO NĂM

CẢM giác như truyện ngắn nào cũng bắt nguồn từ câu chuyện có thật ở một nhà người nông dân làng Rùa, làng Chum, hay làng Chuôm nào đó được tác giả lấy làm địa chỉ nhân vật, với những tên truyện thoáng nghe đã bằng khuôn hui hắt, như *Cây thị cuối cùng*, *Đám tang người thợ cấy*, *Ốc hòa làng Chuôm*, *Thành hoàng phiêu bạt*...

Người nông dân châu thổ sông Hồng, với những phong tục, tập quán và nếp sống nông thôn thời hiện đại bắt nhịp nhanh với cái mới, với cơ chế thị trường, không chịu ép mình sau lũy tre làng, mà vươn ra, trong huyện, ngoài tỉnh, ra nước ngoài. Nhưng dù thế, họ vẫn giữ được cốt cách người nông dân ăn ở nghĩa tình, đi đâu thì đi không quên quê hương bản quán. Nhân vật "tôi" trong truyện ngắn *Quê nhà* là một trường hợp như thế, học hết phổ thông, rồi cả hai vợ chồng đều làm việc ở phố, nhưng "tôi" không quên nhớ về quê, ở đây có ba cây nhãn trong vườn nhà ông nội, tuy thu nhập không đáng là bao, nhưng dường như cây nhãn có gì linh thiêng, nên bận thì bận cứ mỗi năm một lần con cháu nội ngoại gần xa lại hẹn nhau về quán tụ dưới gốc nhãn nhà ông nội như để ôn lại một thuở hàn vi. Truyện viết dung dị, nội tâm nhân vật dềnh xé, nhất là đoạn "tôi" về làng sau trận bão

lụt đồng nước trắng xóa, bỗng thấy ân hận vì bao lâu nay mới về làng, và cũng là bao lâu đi xa chưa làm được gì có ích góp phần cho làng quê bớt đi cảnh lụt lội thế này.

Truyện nào trong *Thành hoàng phiêu bạt* cũng đậm nghĩa tình quê hương, chan chứa lòng yêu thương giữa những người chung đầu mống trời, chung con ngõ nhỏ, sớm hôm tối lửa tắt đèn có nhau. Sách (*Nợ làng*) thì đồ đại học, nhưng ngoài lửa lợn nái, nhà anh không còn gì bán ra tiền cho anh đi Hà Nội học. Cái cần cầu là công cụ sinh nhai của Sách, bao nhiêu năm chỉ trông vào cái cần cầu lấy tiền theo học, giờ gác xó. Có ông lão bấy lâu phục tãi câu của Sách, tìm đến nhà nói là mua lại cần cầu, nhưng thực bụng muốn giúp Sách ít tiền đi học xa. Và không chỉ ông, cả làng Rùa nghèo túng cũng đều kể ít người nhiều lặng lẽ giúp Sách có lưng vốn đi đại học...

Các truyện ngắn *Nấn dòng sông Linh*, *Vòm nhỏ xóm bãi*, *Câu chuyện đầu năm*, *Đám tang người thợ cấy* lại đề cập tới vấn đề khá nóng ở nông thôn hiện nay là làm thế nào để vừa xây dựng được các công trình thay đổi bộ mặt nông thôn, vừa giữ được đất canh tác, rồi việc sử dụng đất làm nghĩa trang thế nào để không quá lãng phí...

Bên cạnh đó là một nông thôn với

những nghề truyền thống từng nổi tiếng một thời qua các truyện ngắn *Cây thị cuối cùng*, *Chuyện nhà lão Gang*, *Thành hoàng phiêu bạt*, *Ốc hòa làng Chuôm*... Ở những truyện ngắn này, bên cạnh việc đi sâu khắc họa tính cách nhân vật mang đậm nét nông dân thời hiện đại, không chỉ biết cách làm lụng một nắng hai sương mà còn khá sành sỏi khi giao tiếp với bên ngoài, với thị trường.

Đối mới và hội nhập trong cơ chế thị trường là một cơ hội cho nông nghiệp, nông thôn, nông dân nhưng nếu chỉ thấy mặt thuận mà không thấy mặt nghịch của cơ chế này thì rất dễ phải trả giá. Đây là điều trăn trở, day dứt nhiều ở các truyện *Chuyện nhà lão Gang*, *Cây thị cuối cùng*, *Ốc hòa làng Chuôm*, *Câu chuyện đầu năm*... Ở truyện *Cây thị cuối cùng* Nguyễn Thanh Cải khéo dẫn người đọc ngược thời gian từ ba, bốn đời trước của dòng họ Phạm Bá ở làng Quển để lần tìm "gia phả" cây thị, gần như một báu vật từng gắn với số phận của bao kiếp người dòng họ Phạm Bá. Còn với Phạm Bá Biền, cây thị là của quý, nên đang ở phố, nghe nói gỗ thị khắc con dấu tốt lắm, thế là Biền thuê xe tải về quê, chặt cây thị, cưa ra từng khúc xếp lên ô tô, chở ra thành phố bán cho người ta khắc dấu, chế bản in, hí hửng phen này vớ bạc triệu. Nhưng Biền



đi đến đâu gà bán gỗ thị cũng bị người ta khước từ, vì ngày nay đâu đâu cũng dùng con dấu đồng, in ốp-sét, chứ còn in ti-pô như ngày xưa nữa đâu mà dùng gỗ thị làm bản khắc. Truyện khá bi hài, làm người đọc không khỏi suy ngẫm về người nông dân trên con đường đổi mới và hội nhập.

Cách viết truyện ngắn của Nguyễn Thanh Cải dễ làm người đọc nhớ tới những câu chuyện kể của người nông dân giữa buổi làm đồng, ngắn gọn, dễ nắm bắt, với một giọng văn chân chất đôi khi pha chút hài hài, rất gần với lời ăn tiếng nói của người thôn quê. ■

NGHỆ THUẬT

KHI HỒN QUÊ PHIÊU DIÊU CÙNG CHẤT LIỆU

QUANG VIỆT

THỜI điểm giữa những năm 1980, ở nước ta, có thể là một thời điểm khó khăn đối với các họa sĩ trẻ. Khi mà sự tiếp nhận "cái mới" dường như đã chững lại, bởi nhiều lý do khác nhau. Lúc bấy giờ, người ta đang đặt cược nền nghệ thuật của dân tộc cho nhiều khuynh hướng vốn bị xem là "thuần túy ngoại lai", "hình thức chủ nghĩa", "thiếu tính thích nghi", thậm chí đối lập về "ý thức hệ". Song, ngay lập tức, người ta lại "chung hưởng" và "hoang mang" trước những "giá trị" đã ít nhiều vượt xa khỏi hệ quy chiếu cố hữu, đã mòn mỏi, trở lại của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa. Sự thật là, ngay cả *Múa cổ* của Nguyễn Tư Nghiêm, lúc đó, vẫn được xếp chung vào cùng "bó đũa" ấy. Và chuyện này, có thể nói, chỉ kết thúc hẳn sau khi Liên Xô tan rã... Khi hậu nhân văn đã thay đổi, và từ đó, trong nghệ thuật, tư sản hay phương Tây, "Kandinsky" hay "Pollock", "tượng hình" hay "phi tượng hình"... không còn là những húy kỵ. Những tên tranh như *Chuyến phân ra đồng*, *Nộp thóc vào kho*, *Tiêm phòng cho lợn*... đã được thay thế bằng *Những cánh chim thế kỷ*, *Quà tặng châu Á*, *Những đồ vật của con người*...

Sinh năm 1962, tốt nghiệp Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội 1984, Hội viên Hội Mỹ thuật Việt Nam, Lê Tuấn Anh là một trong số những họa sĩ "mới ra nghề" đã chịu tác động và hình thành nên tính cách của mình trong bối cảnh ấy. Huy chương đồng Triển lãm Mỹ thuật Toàn quốc 1995. Huy chương Bạc Triển lãm Mỹ thuật Toàn quốc 2000. Giải B Triển lãm Mỹ thuật Khu vực I Hội Mỹ thuật Việt Nam, 2000. Giải Khuyến khích Triển lãm Mỹ thuật Khu vực I Hội Mỹ thuật Việt Nam, 2001. Giải Khuyến khích Triển lãm



Tranh Lê Tuấn Anh.

Công nghiệp 2001... là những thành tựu mà anh đã đạt được

Đi từ những đề tài Phật giáo, qua sự kết hợp giữa biểu tượng và trang trí, từ những năm 2000, như Lê Tuấn Anh nói: "Tôi muốn quay trở lại với đồng quê, núi cao, làng chài, sinh hoạt nông thôn, các lễ hội truyền thống"... Và, hình thức nghệ thuật của Lê Tuấn Anh, quả nhiên, cũng đã được sinh ra và biến đổi theo trình tự ấy. Xem tranh của Lê Tuấn Anh, người ta không bị choáng ngợp bởi những cái "giật gân", "tàn kỳ", mà thấy được một sự tiếp nối hài hòa và trật tự từ truyền thống. Chúng là những bài thơ "dễ đọc", không trúc trắc, có vần điệu; xem xong rồi,

thậm chí "quên" đi rồi, mà vẫn còn nghe vọng tiếng ngân nga. "Tôi không thích sự sắp đặt - Lê Tuấn Anh nói - Tôi muốn thể hiện những gì đang hiển hiện trong đầu mình. Mỗi người đều có một cấu trúc giống với một tủ ngăn kéo. Mỗi khi chúng ta mở ra một ngăn, chúng ta sẽ tìm thấy một vài thứ thích hợp với mình. Sau nhiều năm làm việc, tôi cảm thấy thật tự do, không bị ràng buộc, tôi làm những gì mình thích".

Nghệ thuật hiện đại là cuộc đấu tranh và hòa giải giữa ngoại cảnh và nội tâm con người, giữa bên trong và bên ngoài, giữa các nền văn hóa, mà hình thức thì muôn đời, phải tự thân nó ra. Lâu nay,

trừu tượng là thời trang. Song, kỳ thực, bất kỳ tác phẩm hội họa nào đẹp, cho dù là tượng hình hay phi tượng hình, xưa nay, cũng đều được kết thúc ở một hiệu quả trừu tượng. Trong hội họa, về căn bản, người châu Âu quán triệt tư tưởng "trừu tượng" từ màu sắc. Người châu Á, sớm hơn, từ đường nét. Mặt khác, khi Van Gogh vẽ những nét trắng trên những bức tường nhà trắng trong tranh ông, thì đã báo hiệu cho một Malevitch, một Tàpies... Và kể từ đây, kết cấu của màu, của mặt tranh, không chỉ là một phương tiện biểu cảm, mà còn là một phương tiện trừu tượng hóa, và đôi khi, bản thân kết cấu đã trở thành đề tài thực sự của tác phẩm. Sự "linh hoạt hóa" bản tính vốn có của sơn dầu, bằng cách kết hợp sơn dầu với điệp, màu bột, giấy dó, qua những vết loang, vết nhăn, vết xước, vết rạn; màu và chất có khi phớt nhẹ như điểm mực, có khi lại đặc quánh, chắc như khảm, phô diễn được cả hình, cả nét, cả màu trong một bút pháp nửa thực nửa hư - hẳn đã tạo nên đặc sắc của tranh Lê Tuấn Anh...

Trong nền hội họa Việt Nam đương đại, một hướng đi, một hướng tìm tòi về chất liệu như thế, thật đáng để trân trọng và nghiên cứu. Với trường hợp như của Lê Tuấn Anh, sự đổi mới của hội họa Việt Nam vẫn tìm thấy tương lai của mình qua những diễn biến hiện đại để tiếp tục kéo dài một truyền thống sử thi và trữ tình thông qua cái bình dị.■

ĐỂ BẢO TỒN SƠN MÀI VIỆT NAM

HƯNG QUANG

DẮT TAY NHAU TRÊN "ĐƯỜNG SƠN MÀI"

TRIỂN lãm tranh sơn mài mang tên *Sơn ta* vừa khai mạc tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam. 52 tác phẩm để tài, phong cách đa dạng, là những kết quả sáng tạo và nhiệt tình nghề nghiệp của một số họa sĩ thấy và trò ngành sơn mài Trường ĐH Mỹ thuật công nghiệp - Hà Nội. Đó là các họa sĩ làm những công việc khác nhau, nhưng đều nỗ lực duy trì sáng tác bên cạnh những lo toan đời sống. Mặc dù trong hoàn cảnh hiện nay, dung hoà được hai công việc đó cũng như tổ chức triển lãm là cả một thách thức. Đầu tư sáng tác tranh sơn mài vốn rất tốn kém với các chất liệu đắt tiền như vóc, quỹ vàng, quỹ bạc, cộng với quy trình kỹ thuật phức tạp, phụ thuộc nhiều vào thời tiết và đòi hỏi tay nghề cao cùng sự kiên trì của họa sĩ. Họa sĩ Phí Văn Công cho biết, nhiều người xem tranh có thể rất thích, nhưng giá nguyên vật liệu khiến giá tranh sơn mài cao nên rất khó bán. Cũng vì vậy mà theo họa sĩ Hà Huy Mười, nhóm tác giả vừa mong kỷ niệm quá trình học tập tại trường, vừa muốn khích lệ những người muốn học ngành sơn mài và mong giới nghệ, công chúng quan tâm đến những tác phẩm sơn mài được làm một cách nghiêm túc.

Quyết tâm làm một sự kiện chuyên về tranh sơn mài, những tác phẩm mới và ứng ý nhất được tập hợp, chọn lựa, các họa sĩ mời người thấy rất gần bó với họ tham gia: Họa sĩ Phạm Chính Trung - Khoa sơn mài Trường ĐH mỹ thuật công nghiệp. Đồng thời, nhóm cũng mượn được từ gia đình một số tác phẩm của cố họa sĩ Nguyễn Kim Đồng (1922-2009) để trưng bày trong đợt này. Ông thuộc thế hệ các họa sĩ trường mỹ thuật Đông Dương, là Chủ nhiệm khoa sơn mài đầu tiên của trường và đã có nhiều đóng góp cho việc đào tạo các thế hệ họa sĩ sơn mài kế cận.

NIỀM TIN GIỮ THƯƠNG HIỆU VIỆT

Nhìn lại lịch sử phát triển và khẳng định thương hiệu tranh sơn mài Việt Nam qua các thế hệ họa sĩ trong nước, Chủ tịch Hội mỹ thuật Việt Nam Trần Khánh Chương liên hệ đến sự thịnh hành của sơn mài ở các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc hiện nay. Ông cho biết, từ một họa sĩ người Trung Quốc sang học ở Việt Nam về sơn mài, đến nay ở nước họ đã có hàng trăm họa sĩ và nhiều người Trung Quốc đi vào nghệ thuật này. Và năm 2007, Trung Quốc đã tổ chức triển lãm sơn mài quốc tế đầu tiên, định kỳ hai năm một lần.

Họa sĩ Trần Khánh Chương nhận xét: họ làm sơn mài kỹ càng, chi tiết vô cùng, và có tham vọng khẳng định thương hiệu sơn mài Trung Quốc. Chúng tôi rất hoan nghênh các họa sĩ Việt Nam bảo tồn chất liệu sơn mài truyền thống, đồng thời tích cực sáng tạo, phát triển ngôn ngữ hội họa của tranh sơn mài đương đại.

Liên quan đến vấn đề này, họa sĩ Phạm Chính Trung cũng nhấn mạnh: Muốn giữ gìn được sơn mài truyền thống, rất cần có trách nhiệm của các phương tiện thông tin đại chúng. Sơn mài Việt Nam được thế giới chú ý, để cao như một sáng tạo đặc trưng, một phần nhờ thông tin đại chúng. Nay cũng rất cần tuyên truyền để xã hội hiện đại biết về nó hơn và có sự phân biệt tranh sơn mài sử dụng chất liệu sơn ta truyền thống với các loại tranh gọi là sơn mài nhưng dùng loại sơn khác.

Và có lẽ, chính tác phẩm trong triển lãm dịp này đã giúp họa sĩ Phạm Chính Trung thấy tin tưởng hơn. Hội ngộ với các học trò - đồng nghiệp, họa sĩ chia sẻ, ông rất mừng vì sau vài năm ra trường, học trò vẫn kiên trì vẽ, giữ gìn chất liệu, kỹ thuật sơn mài truyền thống Việt Nam, đồng thời có những sáng tạo, phát triển riêng rất đáng trân trọng, nếu không, "sơn ta" ngày càng bị mai một trước trào lưu hội họa đương đại thế giới!■

GIA ĐÌNH HIỆN ĐẠI

Truyện ngắn của AN BÌNH MINH



Minh họa của ĐỖ DŨNG

N ỬA đêm thức giấc, Trí không sao ngủ lại được. Nếu như ngày xưa, thì anh sẽ khêu khêu vợ... Vợ sẽ cần nhàn vài câu ngái ngủ khê nong, rồi rồi cục cũng lục cục trở dậy, thích thì chiếu, không chấp. Để rồi ngay sau khi Trí hì hụi ăn sống, ăn xít "trả bài" xong thì giấc ngủ sẽ ập đến, không mụ mị, không ngộ nguây cho đến tận sáng bạch. Nhưng bây giờ thì khác. Tạnh khô, im như thóc. Mà cũng không phải bây giờ, đã có đến năm năm nay rồi, hai vợ chồng như lãnh cảm, không còn hứng thú. Thông điệp vợ Trí đưa ra là già rồi nó phải khác (chính anh cũng bảo thế mà), ham muốn tình dục sẽ giảm, thậm chí không còn, nên người ta sống bằng nghĩa, chứ ai lại cứ phải như thời trai trẻ.

Nhưng Trí lại nghĩ khác. Nhại theo cái câu nói của các cụ xưa thì nam nữ cứ phải "cọ cọ" mới thân. ừ thì già rồi, phải khác, nhưng không nhất thiết "cọ cọ" thì cũng phải bên nhau tâm tình. Tâm tình là báu vật của thượng đế trao riêng cho loài người. Tâm tình phải được chia sẻ để ngày một giàu có, phong phú hơn, nếu không nó giống như một thứ hàng hóa lưu kho, đến một lúc nào đó sẽ ầm ịch, mục rữa. Với riêng vợ chồng thì tâm tình phải được thường xuyên trao và nhận để tạo ra sự tâm đầu ý hợp. Không thể thì đời sống lứa đôi sẽ tẻ nhạt nguội lạnh dần. Lúc đầu chỉ là e ngại giữ ý, rồi đến mức "chán chảnh buồn nói", cuối cùng sẽ là ngại cả đụng chạm... Đến đây là xong rồi, cuộc sống vợ chồng chỉ còn nhờ ở sự hiện hữu mà thôi. Và những ngày ở cạnh nhau sẽ dài lê thê, lê thê.

Song khổ một nỗi là cái tuổi già ngày nay nó lại tới muộn hơn xưa. Ngày xưa, các cụ gần đến năm mươi là đã ngủ riêng. Qua năm mươi một chút là cụ ông đã chống gậy nghiêm trang, đi đứng bệ vệ, nói câu nào cũng như Thánh phán. Cụ bà cũng cỡ tuổi ấy là đã bồm bồm nhai trấu, quanh quẩn trong nhà thủ thủ dạy đàn cháu. Bây giờ thì khác, khác hẳn. Đàn ông tuổi sáu mươi không ai gọi bằng cụ. Các ông cơ bắp vẫn ngon lành, vẫn nói năng vang mạng, tí tớn bĩa bộp và thích nghe những lời ỡm ờ của mấy em phục vụ trẻ: "Nhà em hôm nay có món mới". Còn các bà thì khỏi nói, vẫn thời trang, dưỡng da Hàn Quốc, rủ nhau du lịch, lại học cả nhảy đầm, tập thể dục thẩm mỹ. Bởi thế "già phải khác" là khác gì đó, chứ cái sự gán gù, chia sẻ của vợ chồng ở tuổi này vẫn là một nhu cầu thiết yếu, hợp lý không nên bao biện, xao nhãng. Xao nhãng là có chuyện.

Trí hơn vợ tròn mười tuổi. Anh vừa về hưu đầu năm nay. Mỹ, vợ Trí còn năm năm nữa mới nghỉ. Khách quan mà nói thì Mỹ tuy ở tuổi năm mươi, nhưng vẫn còn được lắm. Nổi nhất cơ quan từ thời trẻ, cho đến nay chấp cả đáng, da và nét mặt của lớp U40, Mỹ vẫn đứng đầu bảng. Song, như đúng như lẽ thường tình, lâu ngày Trí không được "cọ cọ", cũng mất thân, mất hứng, chẳng thích gần. Mà tình cảm đậm đà của con người lại thường bắt nguồn từ những giao đãi, ứng xử rất đơn giản, đầu phải to tát như nâng khăn sửa túi mà đôi khi chỉ là từ bàn tay của người vợ chăm chút cho bữa ăn gia đình. Nhưng khốn nỗi bây giờ đó là chuyện lỗi thời, vì cơm ăn, nước uống và cả áo mặc (giặt là, treo vào tủ) đã có osin lo. Vợ chồng không ai phải phiền ai là tốt lắm rồi. Bởi thế, đã nhiều lần Trí tự hỏi có bao giờ vợ mình coi việc nấu một món nào đó thật ngon cho chồng và lấy đó làm niềm hạnh phúc không nhỉ? Nhưng rồi anh liền nhận ngay ra rằng mình đã đòi hỏi và ao ước một điều quá xa vời, quá xa xỉ. Không. Không những không bao giờ, mà Mỹ còn triết lý: Lao động là vinh quang, nhưng giải phóng sức lao động mới là vinh quang lớn lao hơn cả. Khoa học và sự tiến triển văn minh của loài người từ bao đời nay đã dành ưu tiên cho sự nghiệp đó. Vậy với

Mỹ, cô thà gắng hơn một tý để kiếm thêm tiền thuê osin giải phóng sức lao động đôi tay của mình khỏi chuyện tẻ gia nội trợ. Tất nhiên là đến đây thì Trí phải chịu, chả nên lấn sâu vào tranh luận để rồi nảy sinh xung đột một cách lãng nhách mà làm gì.

Vợ chồng Trí có mỗi mụn con gái lấy chồng mãi ngoài đô thị mới Phú Hưng. Gần như mọi việc trong nhà từ tiền bạc, thời gian chúng đều dành vào việc chăm con cái, chứ không như thời bố mẹ ngày xưa, để xong đưa con vào vào nhà trẻ, có giờ ăn, giờ ngủ, còn giờ đi ị thì chỉ việc buộc vào ghế bô, nhiều khi bị bỏ quên, bé ngủ gục trên ghế... Lớn lên một tý là cứ việc đi theo hệ thống giáo dục nhà nước, cho học gì thì học nấy, trảng đến rằm trăng tròn. Giờ đây khác, hai đứa cháu ngoại, một trai, một gái của vợ chồng Trí suốt ngày chúi đầu vào học. Hết học chữ lại học vẽ, học đàn, học ngoại ngữ, học kỹ năng sống ở các trường trong nước và quốc tế. Học căng thẳng nên chúng phải được nghỉ ngơi giải trí. Vì vậy thời gian còn lại ngoài sự học cũng phải sắp xếp có lớp lang, khi nào đi hồ bơi, khi nào đi du lịch, tắm biển, khi nào đi ăn nhà hàng... nói chung là kín mít. Việc ăn học, giải trí, sơ sơ một tháng ngón ngót hai chục triệu, chúng lo hết, không cần phải nhờ đến ông bà nội, ngoại chi viện.

Phải nói không kiêu căng là chúng giỏi, làm chủ được cả tiền bạc và thời gian. Thế nên ông bà cũng phải thương chúng mà hy sinh một chút quyền làm cha làm mẹ. Không phải chỉ là quyền dạy bảo, ra lệnh gì mà ngay cả đơn giản là quyền... nhớ cháu thì cũng phải nhìn nhin. Có nhớ thì nhớ, nhưng muốn gặp các cháu thì cũng phải hẹn trước để bố mẹ chúng sẽ xếp lịch chứ không thể "chen ngang" mà được.

Vậy là với tình cảnh ấy, vợ chồng Trí nghiêm nhiên trở thành vợ chồng son. Như người ta, vợ chồng son khi "bóng tà" là lúc có điều kiện ham nóng tình cảm, lúc có thể ung dung nhâm nhi những cái gì mà thời trẻ vì sinh nhai đã dành cho nhau một cách vội vã, qua quýt.

Thế nhưng, ngày nào cũng như ngày nào, cái nhịp sống cấp tập đã khiến vợ chồng Trí giống như một cái động cơ điện chạy hết công suất. Buổi sáng hai người cùng dậy, cùng tập thể dục. Trong lúc tập thì bất tiếng tí vi to để cùng nghe chương trình thời sự. Tiếp đó, vợ anh sẽ điện thoại cho osin dọn đi chợ mua đồ ăn cho một ngày. Thời gian còn lại thật eo hẹp, Mỹ vội vội vàng vàng đánh răng rửa mặt, nguyệt ngọc son phấn rồi sắp sửa túi xách, ấn vào cốp xe, rồ máy đi làm.

Ở nhà, lúc 8 giờ rưỡi, osin làm theo giờ sẽ đến dọn dẹp, lau nhà, bấm máy giặt, nấu cơm. Đứng 12 giờ trưa, khi con chó giống chihuahua cụt đuôi nhảy phốc từ salon chạy vụt ra cổng là lúc bà chủ của nó về. Như một cơn gió, vừa bước vào cửa Mỹ đã giục "ăn cơm, ăn cơm, anh!". Rồi liền đó, vừa rửa tay vừa ta thán, khi thì bực mình vì tay giám đốc gì mà nhu nhược, hoặc "cái con marketing học nước ngoài mà ngu như bò tót...". Liền đó, vừa ngồi xuống là Mỹ điện thoại lia chia, không kịp cả so đùa. Phần Trí, anh lẳng lẳng xối cơm, lẳng lẳng nghe mà không phải hỏi nguyên cớ, vì anh biết thừa vợ chỉ nói để xả stress chứ không mâu thuẫn, ác ý gì.

Thời gian tiếp theo cũng như được lập trình. Ăn cơm xong hai vợ chồng lên lầu mở tivi xem nốt mục Tài chính kinh doanh để theo dõi giá vàng, giá dolla, tình hình chuyển động của chứng khoán, bất động sản... rồi tranh thủ chớp mắt giấc trưa. Mâm bát để đấy đã có osin ăn sau dọn rửa. Xong việc, nó chỉ việc nói với lên lầu chào cô chủ rồi tự động mở cổng dật xe ra về. Đứng một giờ ba

LÂM BẢNG

Cây ngàn nào ru anh

Những sợi khói màu xanh
những sợi khói màu vàng
những sợi khói mang mang... hình dấu hỏi
trên hàng hàng bia mộ
vô danh...

Chỉ những ngôi sao...vành vạnh
trắng khung tên...
chỉ những nén hương cháy đỏ lặng thắm.

Tiếng các anh thăm thăm núi rừng
cây ngàn rậm rạp bước chân.

Ruột đất xỉn đen
cất lời đồng đội
các anh còn nằm lại
vàn vạn lồng ngực nhói đau.

Giò ngàn thổi về đâu
cây ngàn ngã về đâu
vết suối chảy về đâu
lời ru anh...nơi đâu ?

Trắng lòng bia... vành vạnh ngôi sao
hàng hàng bia, hàng hàng dấu hỏi
giò vẫn cất lời ru như thuở
khói hương rừng rức ngàn cây.

Các anh chưa về
sông núi, cỏ cây... thồn thức
vết vết khói hương mang mang... lời giải đáp ?
Cây ngàn nào hát khúc ru anh...

Sóng Hương đêm

Tặng người sông Hương

Sông Hương chậm chậm cây say sóng
Hoa cỏ lên môi nước ngược dòng
Em giận, lòng tôi thêm ẩn dật
Sóng về bên ấy có tôi không.

Oàm oạp nước xuôi đôi chèo mái
Em thả lòng mơ... với gió sương
Tôi thả lòng tôi... em uống cạn
Bờ bến chòng chành phút tha hương.

Lung linh một cõi chênh chao sông
Hồn phách dâng đầy phim ngắt gãy
Tinh lạc vút bay run là cỏ
Trời đêm rung rức phía ngàn mây.

Đò giang xuôi mái, chèo buông nước
Tôi hái đầy tay những ngọt ngào
Em uống say lòng, say hồn vía
Say cả lòng sông chất ngắt sao.

NGUYỄN THANH HẢI

Cho mẹ

Những bữa chiều không còn như ngày xưa
mẹ ngồi đó
lạnh tàn tro lửa
những câu chuyện hồn nhiên ngày xưa
bây giờ không còn râm ran nữa
gió chiều đông
giật xác xơ bụi mĩa sau hè ...

ngoài vườn mùa này chín rộ mùa me
trái rơi rụng không người buồn hái
mẹ xách giỏ nhặt nhạnh từng trái
bập bùng nổi nhờ đầy sân

đêm miền đông gió rét băng khuảng
mẹ chong đèn
rưng rưng mái rạ
đi ảnh của ba mờ quá
chiến tranh lâu rồi
mẹ vẫn còn đau đầu niềm đau

hương đêm tỏa ngọt ngào
ngoài trời
côn trùng ca buồn bã
tôi trở về mái rạ
mẹ sưng sờ ...
nổi nhờ bình yên !

Nửa đêm gió bắc

Cơn bắc về gõ cửa nửa đêm nay
ta thảng thốt giật mình: Cơn bắc cũ!
nghe ở quê xa mẹ dường như chưa ngủ
khóc khoải chong đèn gối đệm bắc
rưng rưng...

cơn bắc năm nào chạy dọc bia sân
xác xơ chân trần con trẻ
nhà nghèo mẹ tảo tần đếm đông từng lon hạt dẻ
hạt dẻ rừng ấp ủ ước mơ xanh...

cơn bắc năm nào xé toạc mái tranh
cỏ cây đường quê lá rụi
mẹ kết vùi sợi rơm làm con cúi
khỏi rạ đóng ngai ngái mùi thương

cơn bắc về ta xa quê hương
nghe dường như mẹ chưa tròn giấc ngủ
bỗng khất khao thêm cơn bắc cũ
khóc khoải chong đèn gối đệm bắc
rưng rưng...

NAM PHƯƠNG

Những khoảnh khắc
chợt thức

Bạn ở Tây về
Sách khẩu súng hơi chín cần
Vỗ vỗ báng khoe
- Còn một toanh đường đạn bay căng dết
Chợt chủ chìm sâu ở đâu không biết
Đôi bướm nhàn xuân, tiếng hót rất hiền
Lãnh cảm dừng dừng bạn đưa súng lên
Tạch – một tiếng
Xác chim rơi như lá
- Tổ thử súng, bạn cười hể hả
Bắn cho vui, khai súng phát ăn liền
Mặt lạnh như tiền bạn lại ngược súng lên
Đôi bướm xập xòe với nhụy
Sắp kết thúc mối tình chung thủy
Gạt súng ra
Tôi thét
- Thôi mày!

Đã đánh giấc mười năm súng nhỏ súng to
Bắn bao thằng giặc đổ
Trên chiến hào bom gào đạn nổ
Điểm nhiệm hương thẳng súng, bóp cò
Sao bây giờ
Run rẩy nhìn xác chim non phơi cỏ?

Dụng chân dung Lâm Quý

Lâm Quý
Đời
Rượu và thơ lập trình
Gã Sơn tràng đi sâu vào bụng núi
Núi mọc đá, đá mọc cây
Cây mọc lá mọc hoa, mọc lời yêu trai gái
Mọc câu thương đàn bà
Sức trai Cao Lan
Đổ đá lấy nước
Lật đất thành gao, ngô
Luồn dây gắm vòng quanh lưng buộc vợ
Đàn sợi giang sợi nửa làm đuợc con
Khi thơ - ngựa mặt lên trời
Khi rượu - cúi nhìn xuống đất
Thơ không đau mắt, rượu không vấp chân
Núi xa rừng gần
Chết đầy một gánh
Nhẹ tênh.

Ông đi tắt thời gian đi tắt không gian
Bỏ lại Quang Yên mang câu hát Xinh Ca vào đất
Tôi là kẻ hành khất
Ăn mày chén rượu, cuộc thơ
ở lưng chừng trời Lâm Quý ơi
Chân nhang ông cùng cho người còn ấm
Nén nhang tôi khấn cho ông lửa đỏ
Chiếu sa
Giò xoay.

mười, Mỹ vùng dậy, xấp xấp ngựa ngựa
đụng chỗ này một tý, va chỗ kia một tý.
Đôi khi hậu đậu, đánh rơi, đánh đổ cái gì
đó rồi uống một cốc nước lọc, khoác túi
xách xuống nhà, nổ máy ào ra cửa, đi
làm.

Còn lại một mình Trí ở nhà, không có
việc gì, nhưng rồi để không vô vị, không
bị mang tiếng chơi không, anh cũng tự
đưa mình vào lịch như đã được xếp sẵn.
Thoạt đầu là lục sách báo cũ ra đọc (có
bao nhiêu sách chưa đọc để dành đến
khi hưu), rồi tỷ mẩn dọn dẹp (thì cũng là
quét nhà ra rác thôi, chứ đâu phải là
công việc cần thiết). Đùng bốn rượu
chiếu, Trí xách vợt ra sân ủy ban phường
làm vài séc cầu lông, bàn luận đàm ba
chuyện nóng đại loại như, hai mươi sáu
tấn khoai tây Trung Quốc nhập vào Đà
Lạt, vừa bị phát hiện khi đang nhuộm
màu, hoặc cái đập thủy điện bị vỡ hôm
trước nay mới tòi ra không có cả bản gốc
thiết kế... Đùng sáu giờ, Trí tạm biệt mấy
ông bạn già về bấm nồi cơm điện, nấu
canh, hâm lại thức ăn mặn osin đã nấu
sẵn để dành cho bữa chiều. Vừa rập rập
công việc thì vợ cũng về đến cổng; lại vài

câu cần nhàn, chuyện cơ quan, chuyện
đối tác, lại vừa ăn vừa xem tivi, xong lại
lên lầu... Lại, vợ dán mắt vào ipat hoặc
gọi điện thoại; lại, chồng mở vì tính tìm
đọc thông tin trên mạng. Khoảng chín
giờ tối, Trí vào buồng ngủ bật kênh HD,
kiểm phim hành động nước ngoài. Gặp
phim hay thì hai vợ chồng cùng nằm
xem, cùng bình luận lên án hoặc bênh
vực cho nhân vật 007, 008 nào đó đẹp
trai đa tình, nhưng "chuyên môn" bội bạc.
Phim thường thường không có gì hấp
dẫn thì vợ tắt ipat, sặc pin điện thoại,
quay mặt vào tường ngủ trước. Vậy là
chấm dứt một ngày gặp nhau hiếm hoi,
tâm tình hiếm hoi, nói với nhau ba bốn
câu không đầu, không đuôi hiếm hoi...
để rồi sáng hôm sau, lại ngày mai bắt
đầu từ ngày hôm nay, lại bắt đầu, lặp lại
một quy trình y như hôm trước.

Và để rồi một ngày, chính cái cuộc
sống như máy, tẻ nhạt và bề bồng đã
kéo dài quá thời hạn nín nhịn ấy đã khiến
Trí bức mình, không kim được, buột
miệng:

- Này! Anh với em ấy mà... Chẳng
khác gì ly thân.

Mỹ nghe. Cô dời mắt khỏi chiếc ipat,
hướng ánh nhìn mông lung, chớp chớp
mắt thẩm định câu nói của chồng. Trí
bỗng thấy ân hận vì sự lỡ lời. Hình như
minh vừa tung một quả lựu đạn giữa
phòng ngủ và sắp nổ ra một cuộc tranh
luận nảy lửa. Nhưng có vẻ như Mỹ không
chấp. Với một giọng ôn tồn, dịu dàng, cô
hỏi:

- Sao lại như ly thân?
- Thì đấy...

Rồi để không sa vào tình trạng căng
thẳng, Trí giải mã câu nói của mình bằng
cách nhẹ nhàng thống kê diễn biến tẻ
nhạt một ngày như mọi ngày của vợ
chồng. Cuối cùng, với mong muốn làm
nhẹ tiếng nổ chất chứa của "quả lựu đạn"
vừa tung ra, anh dịu giọng:

- Hết như ly thân. Chỉ có điều không
căng thẳng, không bố mày mẹ tao thôi.
Nói như thế nào nhỉ? Phải rồi, một cuộc
ly thân êm dịu.

- Ôi dào, tưởng gì - Mỹ vỗ lể - Người
ta cũng thế cả chứ đâu phải chỉ nhà
minh. Anh xem vợ chồng thằng Hinh con
Hòa kia kìa. Có khác gì.

"Thằng Hinh con Hòa" là chỗ thân

tình với gia đình Trí. Cả hai vợ chồng còn
trẻ mà sớm thành đạt. Chồng quản lý
một chuỗi nhà hàng nổi tiếng đồng
khách ở thành phố. Vợ làm trưởng phòng
kinh tế ở một tờ báo lớn. Gia đình nó rất
oách, sống trong một villa sang trọng
rộng hơn 200 mét vuông ở đô thị mới,
nhà lại có hẳn hai osin. Hết như biên chế
vệ sĩ của tỷ phú Mỹ, có vệ sĩ tiếp cận
gần, vệ sĩ tiếp cận xa, osin của vợ chồng
nó được phân việc rõ ràng ở từng vị trí.
Osin 1, còn gọi là osin vòng trong có
nhiệm vụ dọn dẹp phòng ngủ vợ chồng,
con gái và nấu ăn. Osin 2, là osin vòng
ngoài, chuyên lo việc chợ búa, giặt rũ,
lau dọn nhà cửa.

Có người giúp việc khép kín, tiền thi
đồng như quân Nguyễn, vậy mà ngày
nào cũng như ngày nào, vợ chồng Hinh
Hòa cũng vẫn tất bật xấp xáp, ngựa
ngựa. Sáng, vợ lái xe ô tô đi làm, ăn
sáng, cả phê cả pháo cũng trên đường
đi, hoặc hội quán gần tòa soạn. Chồng
chờ con đi mẫu giáo rồi đến nhà hàng.

(Xem tiếp trang 22)

LIÊN HIỆP VÀ BỘ VHNTDL CẦN BẮT TAY HỢP TÁC

NSND ĐÌNH QUANG

(Tiếp theo trang 5)

Đứng về tổ chức của mình, Liên hiệp không phải thực sự là một tổ chức mạnh và có ảnh hưởng bởi vì họ không có quyền thực. Cái khó hiện nay là Liên hiệp tuy là tổ chức của các văn nghệ sĩ nhưng lại lệ thuộc vào Nhà nước, phụ thuộc, ít chủ động về tài chính. Ngay từ kinh phí hoạt động đến lương bổng của lãnh đạo, nhân viên Liên hiệp cũng phải dựa vào Nhà nước nên ít nhiều không có tính độc lập.

Đứng về mặt tính nghệ nghiệp, Liên hiệp quản lí, tập hợp văn nghệ sĩ cùng nhau trao đổi về nghề nghiệp, khuyến khích nhau sáng tạo, tổ chức sáng tác... Bên cạnh nó là Bộ Văn hoá thể thao và du lịch, cơ quan quản lí nhà nước cũng có hầu hết các thiết chế quản lí tương ứng với Liên hiệp như Hội mỹ thuật - Cục Mỹ thuật, Hội điện ảnh - Cục điện ảnh, Hội âm nhạc - Cục biểu diễn nghệ thuật... hay Hội Nhà văn - Cục xuất bản. Song hai bên lại không có sự hợp tác, thống nhất hay cùng bàn bạc sâu đưa ra những giải pháp, trao đổi những hoạt động một cách định kỳ về sân khấu, điện ảnh, mỹ thuật, âm nhạc... để hai bên có sự gắn bó, nhắm đến một cái đích phát triển nền văn hoá nghệ thuật dân tộc theo sự định hướng của Đảng, để có được sự ăn khớp giữa hai vế: tính văn nghệ sĩ và tính nhà nước. Nếu hai bên không có sự gắn bó thì khó tạo nên hoạt nên được hoạt động văn hoá nghệ thuật nhịp nhàng, phát triển. Bên cạnh đó, ngành văn học - nghệ thuật có nhiều tính đặc thù, cá biệt riêng đòi hỏi những người làm công tác quản lí nhà nước phải có năng lực, kinh nghiệm, hiểu biết về những chuẩn mực, cũng như gắn bó và hết lòng vì sự nghiệp phát triển văn hoá, nghệ thuật nước nhà.

Đứng trước tình hình văn nghệ thuật hiện nay có rất nhiều vấn đề, phức tạp. Các tác phẩm văn học nghệ thuật giải trí lẫn át các tác phẩm văn học nghệ thuật chính thống, nghiêm túc. Nếu nói văn học, nghệ thuật có chức năng nhận thức, thẩm mĩ, giáo dục, giải trí thì nay giải trí có xu hướng mạnh hơn, tức là đang có sự mất cân bằng. Trong khi đó, văn nghệ sĩ, cũng như công chúng chưa thấy Liên hiệp và Bộ tổ chức ngồi lại với nhau, trao đổi sâu sắc tình hình thực tế và biện pháp giải quyết như thế nào.

Theo lý luận phát triển xã hội thì văn hoá được coi là động lực, là đòn bẩy của sự phát triển. Song cho đến nay cả Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Liên hiệp đều chưa có vị thế, tiếng nói mạnh đối với tình hình thực tế chung của đất nước, chưa làm được chức năng lí tưởng của mình, để văn hoá trở thành động lực phát triển xã hội. Căn cứ vào đâu và làm thế nào để văn hoá là động lực là hai câu hỏi mà Liên hiệp và Bộ văn hoá cần hợp tác trả lời. Hiện nay, phát triển xã hội Việt Nam đang mất thăng bằng. Phát triển vật chất thì nhỉnh hơn nhưng văn hoá thì kém hơn. Về mặt kinh tế, nước ta bắt đầu bước vào cửa ngõ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhưng bởi một cách thật thà, đã là một nền văn hoá hiện đại chưa! Chính vì thế khiến người dân vừa có niềm vui vừa có băn khoăn. Vui vì thấy đời sống có khá hơn nhưng băn khoăn là xã hội nhiều nhượng quá. Trước tình hình kinh tế khủng hoảng, xã hội suy thoái, có hàng trăm cuộc họp, hội thảo được tổ chức rầm rộ để tìm những giải pháp cứu vãn, khôi phục nền kinh tế, nhưng làm sao cho nền văn hoá Việt Nam phát triển trong thời khủng hoảng thì không có biện pháp nào nổi bật được đưa ra.

Trong sự phát triển văn hoá lâu nay của Việt Nam, sự phát triển nội sinh yếu, thường bị các luồng văn hoá bên ngoài xâm nhập nhiều. Chúng ta lại bị tâm lý nước bé, thường lấy chuẩn mực của nước lớn làm thước đo, làm tiêu chuẩn mà ít chú trọng đến điều kiện và công chúng cụ thể của mình, cũng như dân chúng và công chúng phần lớn của mình (chiếm 70-80% dân số) là nông dân. Do đó muốn phát triển hay du nhập văn hoá cần căn cứ vào điều kiện, nhu cầu của nội tại với cái đích đầu tiên là cho công chúng Việt Nam. Khi công chúng mình yêu quý, biết tới nhiều thì mặc nhiên tác phẩm văn học nghệ thuật đó, hay di sản đó sẽ ra thế giới. Như cụ Nguyễn Du đâu có biết các trào lưu xu hướng văn học thế giới, nhưng tác phẩm của Cụ lại đưa văn học Việt Nam ra thế giới. Điều lí tưởng của người làm nghệ thuật, trước tiên là phải làm cho công chúng của mình, người đọc của mình thích thú, nâng cao nhận thức của họ là điều quan trọng nhất, còn nó là xu hướng nào, lí tưởng nào của thế giới thì là câu chuyện bàn sau. Và đối với nhà quản lí văn học nghệ thuật cũng phải nhìn thấy và công nhận những sáng tạo văn hoá, nghệ thuật nội sinh. Trong mấy chục năm phát triển gần đây, có nhiều hiện tượng văn học nghệ thuật bị phê phán rồi phải phục hồi lại như Thơ mới, Tự lực văn đoàn, Nhân văn Giai phẩm... Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, không xuất phát từ bản thân, từ nội sinh thì sẽ là sai lầm, và sai lầm thì lại phải sửa chữa.■

TRÁCH NHIỆM LỚN LAO

NSND TRÀ GIANG

(Tiếp theo trang 4)

Bộ phim đã giành được nhiều giải thưởng, trong đó có giải nữ diễn viên chính xuất sắc nhất. Tại đây tôi được gặp nhiều nghệ sĩ nổi tiếng thế giới, và nhiều nhà báo quốc tế. Họ hỏi tôi rằng, bằng vào sức mạnh nào mà các bạn Việt Nam quay được phim truyện vào đúng thời kỳ chiến tranh như vậy. Chúng tôi cũng nhìn lại và không biết làm thế nào mà đã vượt qua được các trở ngại và hoàn thành được bộ phim như vậy?! Có lẽ, một phần lớn là do sự yêu nghề, và yêu nghề là một nhẽ nhưng nếu không có tinh thần trách nhiệm cao của nghệ sĩ với cuộc sống thì anh em đoàn làm phim chúng tôi không thể thực hiện xong bộ phim này. Nhớ lại, để viết được kịch bản của *Vĩ tuyến 17 ngày và đêm*, NSND Hải Ninh, chú Hoàng Tích Chỉ đã đạp xe từ Hà Nội vào đến Vĩnh Linh (từ năm 1965 đến 1970) để lấy tư liệu nhân vật viết kịch bản. Rồi về Hà Nội hoàn thành rồi trở lại Vĩnh Linh. Đạp xe đi, đạp về từ năm 1965 đến 1970 mới hoàn thành kịch bản và tổ chức đoàn làm phim đi quay. Chỉ thông qua bộ phim này thôi, tôi thấy trách nhiệm của người nghệ sĩ rất lớn, và hoạt động của họ trong thời kỳ này đã đóng góp phần nào vào sự nghiệp thống nhất đất nước.

Nghệ thuật có mối liên hệ rất hay, và nghệ thuật điện ảnh có sự giao lưu nhanh nhạy. Thời đó, xem phim của nước ta, nhân dân thế giới hiểu được nhân dân Việt Nam đã chiến đấu anh dũng như thế nào, tinh thần yêu nước và đời sống người dân cụ thể ra sao. Tôi nhớ một nghệ sĩ nước ngoài đã nói với tôi rằng, xem tác phẩm nghệ thuật của một đất nước có thể hiểu được tính cách, văn hoá và sức sống của dân tộc đó.

Hiện nay, tuy không còn trong BCH của Liên hiệp, nhưng tôi cũng hiểu rằng, trách nhiệm và khó khăn của những người lãnh đạo Liên hiệp ngày càng lớn. Liên hiệp các Hội VHNT và các nghệ sĩ không chỉ bảo vệ đất nước mà còn phải hoà nhập với thế giới. Mái nhà chung, nơi những người anh em lớn tuổi, ít tuổi với những đặc điểm nghệ thuật ngành khác nhau, đã đoàn kết thương yêu nhau trong chiến tranh gian khổ, thì nay thời bình và hội nhập càng phải nâng cao trách nhiệm người nghệ sĩ hơn nữa giữ gìn và phát triển văn hoá nghệ thuật Việt Nam. Vai trò của Liên hiệp phải đưa được văn hoá nghệ thuật Việt Nam giao lưu, hoà nhập với các nước khác, khu vực và quốc tế. Phải đào tạo được đội ngũ những người làm công tác văn học nghệ thuật trẻ có tài có đức. Phải quan tâm đến những người làm công tác văn hoá - nghệ thuật cao tuổi. Việc này rất quan trọng, bởi vì thế hệ trẻ sẽ nhìn vào sự quan tâm này như một sự động viên để phấn đấu. Hiện nay điều kiện khó khăn, thách thức hơn trước và sự phát triển của VHNT hiện nay rất muôn màu, muôn vẻ nhưng nếu không có sự lãnh đạo sát sao của Liên hiệp sẽ có những điều như người ta đang phàn nàn, đó là văn hoá đang xuống cấp.■

GIA ĐÌNH HIỆN ĐẠI

(Tiếp theo trang 21)

Buổi trưa hai đứa không về nhà. Chồng là chủ mà cũng ăn cơm hộp như nhân viên, còn vợ thì đã có cantin cơ quan; không thì để giữ eo chỉ cần cốc sữa đậu nành và lát bánh mỳ mỏng như lưỡi mèo là ổn.

Cứ thế, hai đứa việc ai nấy lo. Chiều, bốn rưỡi, anh chồng tranh thủ về nhà đón con (việc này phải tự tay làm dứt khoát không giao cho osin, thời buổi phức tạp, cứ phải cảnh giác), đưa con về nhà tranh thủ tắm cho con, tranh thủ cho con ăn. Xong đâu đấy thì vợ cũng vừa về đến. Lúc này, con gái được giao cho osin 1, hai vợ chồng được vài phút rảnh rang ăn cơm cùng nhau. Ăn xong, anh chồng lại lao đến nhà hàng. Cửa hàng ăn uống, khách đa dạng, nhân viên tuyển đa phần từ nông thôn, việc đối xử với khách nhậu thường bị chi phối vì bia rượu... luôn cần phải có sự khéo léo, chăm chút của ông chủ, không thể bỏ cho người khác được. Còn chị vợ ở nhà, cũng chẳng an nhàn gì. Ru con ngủ xong, lại mở laptop theo dõi tiến độ lên trang của tòa soạn. Khuya, anh chồng trở về một phở thì vợ có khi đã ngủ, hoặc đang oang oang điện thoại tra hỏi phóng viên về bài viết kinh tế có đủ tài liệu không? Cái tin "nhảy cào" kia có đảm bảo chính xác không... Rồi thì cũng ngủ, cũng mệt phờ, chẳng ai động đến ai... Sáng dậy lại tiếp tục quy trình mới, "một ngày như mọi ngày".

Nhưng thằng Hinh vất vả vì nó vướng phải một trong ba điều may mắn nhưng bất hạnh mà người xưa đã chiêm nghiệm đối với người đàn ông là trẻ mà đã thành

đạt sớm, (hai điều kia là trung niên góa vợ và già không có con). Còn Trí, anh có vướng phải điều cấm kỵ nào đâu?

Dường như biết Trí đã đủ ế ẩm với tình cảnh của vợ chồng Hinh Hòa, Mỹ trở mình, quay lưng về phía chồng, kết luận:

- Cũng không chỉ vợ chồng nó đâu...

Nhiều nhà khác cũng như vậy à.

Nói rồi nàng "thằng", tiếng thờ đều đều, nhẹ nhàng như gió thoảng. Ừ, mà phải. Đầu chỉ có gia đình Hinh Hòa, còn biết bao nhà khác nữa. Vợ chồng chú Tuệ kia chẳng hạn.

Tuệ là em chú bác với Trí. Năm mươi bảy tuổi, "hết sao" (đại tá); vừa mới nghỉ một năm chờ sổ hưu theo chế độ thì đã có ông bạn cựu chiến binh làm giám đốc doanh nghiệp tư nhân may hàng xuất khẩu chiếu mồi. Xí nghiệp cần quản đốc, lại cần cả chủ tịch công đoàn, hai chức ấy không thể trao cho người ngoài, nhất là ở doanh nghiệp tư nhân. Quản đốc là để canh cho công nhân làm đúng với quy trình kỹ thuật, kỷ luật lao động. Chủ tịch công đoàn là giữ tinh hòa hiếu, làm dịu bầu không khí nóng có thể dẫn đến đình công, lãn công, đồng thời quảng bá chính sách của doanh nghiệp với các cấp, ngành quản lý lao động ở thành phố. Lương của hai chức này là mười triệu đồng không kể thường các loại, cộng thêm với lương hưu, Tuệ có xấp xỉ hai chục triệu đồng mỗi tháng. Vậy là chưa một phút nghỉ ngơi, ôn quang đời quân ngũ, Tuệ đã lại sáng sủa phóng honda ngót chục cây số đến công ty, nhận cái chức

mà anh cho rằng với sức vóc, khả năng của mình là làm chơi ăn thật.

Cũng đúng lúc ấy thì Nga vợ Tuệ về hưu. Năm mươi nhăm tuổi, nhưng Nga đã thành bà nội, bà ngoại được bốn năm rồi. Thời buổi tân tiến mà con trai, con gái của vợ chồng Nga Tuệ biết tính toán theo lối xưa, *làm sớm nghỉ sớm*. Tận dụng cái lợi thế "nhà có điều kiện", nên vừa tốt nghiệp đại học xong, chúng nàng nặc đòi lấy vợ, lấy chồng và trong ba năm cho ra liền bốn đứa nội ngoại. Vậy là vừa về hưu, Nga thành "giám đốc" nhà trẻ gia đình tư nhân với đầy đủ ý nghĩa, quần thảo với lũ cháu từ sáng sớm đến tối mịt, mệt phờ người, mệt phờ cả hơi sức đầu tâm tình, vui vẻ với ông của chúng, cũng tối mịt mới về.

Mà đâu phải chỉ như vậy. Nga làm "giám đốc" nhà trẻ không lương đã đành, có lúc bố mẹ chúng còn làm mặt dãn hắt, giận dữ vì "cái tội" bà đã lâu không gần con trẻ, nên không biết trông cháu mà chỉ biết chiều cháu, làm cháu hư. Con mình đã vậy, thì con dâu, con rể cũng làm oai, y như thủ trưởng. Có hôm đến đón cháu, chúng dặn con lễ phép khoanh tay chào bà, còn chúng thì lẳng lẳng ôm con, nựng con, quay đi nhong nhong ra về. Những lúc ấy, bà chỉ biết giấu sự bề bộn cười gượng nhìn theo, ghét một đứa, thương một đứa. Ghét cái con mẹ, thằng bố bạc bẻo, thương đứa cháu nhỏ non dại (và lo lắng vu vơ) ở với bố mẹ như thế không biết có nên người không. Nhưng rồi đâu lại vào đấy, đứng tần ngần một lúc, bà vào nhà ngủ một giấc là quên tít. Ngày mai bà lại mong ngóng, lại lật đặt chạy theo con chó khi nghe tiếng xe máy của chúng đem con đến, rồi lại âu yếm nựng "xương xương" cháu yêu, cháu quý của bà...

Sáng.

Sau một đêm ngủ nông, Trí có hơi mệt nhưng hai mắt vẫn ráo hoảnh. Anh với cái remote bấm kênh *Chào buổi sáng* của VTV. Lúc này, vợ anh đã gà vịt, nửa tỉnh, nửa thức. Mỹ bảo, sướng nhất là thiêu thiêu, nghe tiếng tivi xa xăm và nhớ nhớ, quên quên, lầu bầu phát lệnh: "Anh xuống tủ lạnh, lấy cho em bịch sữa không đường để ra ngoài cho nguội". Trong lúc Trí xuống nhà mở các cửa, dắt xe ra để sẵn ngoài sân thì Mỹ dậy đánh răng rửa mặt, tập thể dục, trang điểm qua loa, xong xuôi rồi cấp túi xuống nhà uống sữa, dắt xe, chào chồng đi làm.

Còn lại một mình, nhớ lại những tình cảnh và thực trạng được vợ dẫn ra, có bao gia đình khác cũng giống mình khiến anh bỗng giật mình... thế thì phải kể cả vợ chồng đứa con anh ở Phú Hưng cũng thế. Chúng phải làm, phải chăm con cái, sao thoát khỏi cảnh cảnh xấp xáp, ngứa ngứa để rồi không hơi sức đâu mà làm giàu cái tâm tình, bầu vật của trời dành riêng cho con người. Hay là mình nhắc khéo nó nhỉ. Nhưng rồi anh gạt ngay cái ý nghĩ này. Để... chúng phải gồng lên, bố mẹ có giúp gì được đâu mà nhắc với nhõ...

Chà, ly thân nhẹ nhàng mà đây mới là những gia đình gần gũi, thân thuộc, còn biết bao gia đình không quen biết cũng đối đỉnh đồng dạng như... Sao hạnh phúc ngày nay nhạt nhẽo đến thế và giành giật nó lại khó đến thế.

Vô vọng. Cứ thế, Trí vừa chăm sóc cây cảnh vừa tự lực vãn. Có những lúc ý nghĩ bất thành tiếng hết như Robinson sống cô đơn ngoài hoang đảo, hết nói chuyện một mình, lại nói với cây cối, chim muông. Minh lẫn thẩn mất rồi. Thôi, kệ, thế cũng tốt, đầu lẫn thẩn nhưng cũng bớt cô đơn.■

NGÀY TRỞ VỀ LẶNG LẼ

Bút ký của UÔNG THÁI BIỂU

Từ những ngày đầu tiên có mặt ở vùng cao nguyên này, tôi đã đọc tư liệu thời chiến tranh về quốc, đã tiếp xúc với các hiện vật ở bảo tàng và được nghe "những người trong rừng ra" kể về những chiến công của một đơn vị nữ pháo binh anh dũng. Nhiều năm tháng rong ruổi trên nhiều nẻo đường Nam Tây Nguyên, thỉnh thoảng tôi lại gặp vài ba người trong số những người còn lại của đơn vị đặc biệt mang tên Mùng 8 Tháng 3 ấy. Họ mà thời hiện tại tôi gặp đã là những người phụ nữ cao niên đang hàng ngày đối diện với những đục trong, bươn chải đời thường, đang phải đấu tranh từng giờ, từng ngày với nỗi đau thương tật. Nhưng ngày xưa, cái ngày xưa chưa phải đã quá xa xôi ấy, họ là những nữ pháo thủ kiên trung tuổi trong ngoài đôi mươi, đến từ nhiều miền quê, nhiều sắc tộc khác nhau. Họ, những cô gái đã dành trọn tuổi thanh xuân cho Tổ quốc. Và tôi, một người làm báo ở thế hệ hậu sinh, nếu không viết đôi dòng về đơn vị pháo binh với những nữ pháo thủ nổi tiếng một thời ấy, cứ cảm giác như mình đang là người mắc nợ với quá khứ...

Và rồi, trang viết của tôi không bắt đầu với kỷ ức từ hơn 40 năm trước, không bắt đầu từ những trang sử hào hùng, cũng không phải diễn tả lại một buổi lễ tuyên dương công trạng. Trang viết ấy bắt đầu từ những "mảnh ghép" chứa đầy xúc cảm về những con người cụ thể. Cách đây đúng mười tám năm, trong một lần theo chân thiếu tướng Phạm Văn Kha và những cựu chiến binh của chiến trường Tuyên Đức - Lâm Đồng tham đồng đội cũ, tôi đã gặp người đầu tiên trong đại đội nữ pháo binh ấy. Bà là Phan Thị Thanh Hùng, cựu trung đội trưởng của B.8-3. Tôi gặp người phụ nữ nổi tiếng ấy ngay bên nông tâm nhà bà. Một bà già tóc bạc, hiền lành, đang thái lá dứa cho lứa tầm ăn rồi. Mãi đến tám năm sau đó, người cựu pháo thủ thứ hai tôi gặp là bà Ka Hường ở một buôn nghèo của đồng bào Châu Mạ vùng sâu Lộc Bắc. Tỉnh cờ thời, trên đường về vùng sâu, tôi ghé lại một túp nhà sàn rách nát bên đường xin nhờ nghỉ chân và tắm bằng Dung sỹ Quyết thắng ghi tên nữ chủ nhà đã khiến tôi tò mò. Thật bất ngờ, khi người đàn bà dân tộc thiểu số mù lòa, tiểu tụy đang chuốt từng sợi mây đan gửi bên bếp lửa lại chính là một pháo thủ nổi tiếng. Và cũng tình cờ, trong những lần qua lại quốc lộ 20, hình ảnh người phụ nữ cụt chân, nghèo khổ đứng bán bánh mì bên cây xăng gần chợ Lộc An (Bảo Lâm, Lâm Đồng) đã khiến tôi dừng xe. Tôi và nhiều người khác đâu ngờ, người phụ nữ đó là bà Dư Kim Hoa, người một thời lấy lưng ngang dọc chiến trường nam Tây Nguyên...

Bà Dư Kim Hoa, người phụ nữ bị mất một chân và mưu sinh bằng nghề bán bánh mì ở chợ Lộc An ấy chính là một trong những người con gái trẻ của đơn vị nữ pháo binh có phiên hiệu 8-3 thuộc Tỉnh đội Lâm Đồng. Câu chuyện cái chân trái bị địch cưa hai lần của bà đã dẫn tôi về với lịch sử giai đoạn trước Tổng tấn công Mậu Thân 1968. Tư liệu của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 ghi: "Đơn vị Pháo binh thành lập ngày 22-12-1968 tại suối Cheo, xã Lộc Bắc lấy phiên hiệu là 8-3, quân số 42 đồng chí, có lúc được biên chế lên 60 đồng chí, hoàn toàn là nữ. Trong đó có 20 đồng chí là người dân tộc Châu Mạ và Kơ Ho". Không có cái may mắn như những "đội quân tóc dài"

khác nổi tiếng từ trong lịch sử, đơn vị nữ pháo binh 8-3 sau sáu năm liên tục chiến đấu, đến lúc giải tán vì yêu cầu lịch sử đã lặng lẽ hòa mình vào chiến công giải phóng dân tộc, lặng lẽ cho đến hôm nay họ cũng chưa có nổi một ngày đoàn tụ vì chị em thất tán mỗi người mỗi ngả, và cả vì không góp nổi kinh phí cho một ngày hội ngộ. Bà Lưu Thị Thanh An, Trung đội phó kiêm Khẩu đội trưởng Khẩu đội 1 đơn vị pháo binh 8-3 ngày ấy, nguyên là Bí thư Huyện ủy Bảo Lộc (sau đó là Thị ủy) dẫn chúng tôi xem lại những kỷ vật của đơn vị được cất cẩn thận trong tủ kính tại gia đình và kể lại những ngày hào hùng của những người con gái tuổi hai mươi nơi miền sơn cước.

...Chưa tới một tháng sau ngày thành lập và huấn luyện khẩn trương, đơn vị nữ pháo binh 8-3 đã được tung vào chiến trường đối mặt với kẻ thù. Trong số chị em của đơn vị ngày đó, có nhiều người mới chỉ bước qua tuổi 15 nhưng sức mạnh của tinh thần đoàn kết, ý chí kiên trung và lòng quả cảm của những người phụ nữ Việt Nam đã giúp họ lập nên những chiến công vang dội. Trong những cuộc hành quân tiến công, những cánh quân bộ binh, đặc công chủ lực vẫn không quên những trận pháo kích yểm trợ của đơn vị nữ pháo binh duy nhất trên chiến trường Lâm Đồng lúc bấy giờ.

Trận mở màn của đơn vị diễn ra vào đầu tháng 1-1969, 20 nữ pháo thủ phối hợp với Đại đội 215 công binh của Tỉnh đội Lâm Đồng đánh giao thông thuộc địa bàn K4 (huyện Đa Huoai ngày nay) đã diệt 17 tên lính bảo an. Tiếp đó, trong suốt sáu năm sát cánh bên nhau, những pháo thủ 8-3 đã đánh hơn 50 trận, diệt và làm bị thương gần 300 tên Mỹ, Ngụy, bắn cháy 4 máy bay, phá hủy 50 xe quân sự các loại, thu và hủy nhiều khí tài, quân trang quân dụng, nhiên liệu của địch. Tuổi thanh xuân trên những trận địa pháo, đơn vị 8-3 đã nhận 40 danh hiệu Dũng sỹ diệt Mỹ, Dũng sỹ quyết thắng; 60 Huân chương Chiến sỹ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba; 6 Huân chương chiến công...

Đỉnh cao chiến công của những nữ pháo binh 8-3 là trận đánh hiệp đồng cùng đơn vị bộ binh C200 kiểm chế trung đoàn 53 Ngụy tại Di Linh ngày 7-9-1969. Về trận đánh đặc biệt, một trận đánh mà ý chí toàn đơn vị là dâng lên Bác kính yêu sau ngày Người về cõi vĩnh hằng. Trong trận này, họ đã tiêu diệt 80 tên

địch, phá hủy nhiều lô cốt, kho tàng quân trang, quân dụng. Trận đánh đã làm tê liệt hoàn toàn sức đề kháng của ngụy quân, ngụy quyền vùng chiến trường Di Linh - Lâm Đồng vào thời điểm bấy giờ. Đây là trận đánh xuất sắc nhất của đơn vị trong đợt ra quân lập công đến ơn Bác...

Trong quá trình chiến đấu, đơn vị nữ pháo binh 8-3 đã để lại nhiều dấu ấn tuyệt vời về lòng quả cảm, chiến công vang dội và sức chịu đựng gian khổ vô song có lẽ chỉ có được ở những người phụ nữ hết lòng cho Tổ quốc. Bà Dư Kim Hoa hai lần bị địch cưa chân đau đớn tột cùng vẫn không hề rằng khai lấy nửa lời; bà Ka Hường và một nữ đồng đội khác lạc rừng tới 25 ngày sau một lần rơi vào ổ phục kích của địch, khi tìm lại được đơn vị chỉ còn da bọc xương nhưng vẫn giữ nguyên vẹn hai khẩu súng cạc bin và khi đồng đội tìm được, đó là người nằm trong nường sắn của dân vẫn không dám đào một củ để ăn. Đặc biệt, hình ảnh hy sinh lâm liệt của Lê Thị Pha - người nữ anh hùng quê đất thép Củ Chi, chính trị viên của đơn vị 8-3 cho đến nay vẫn làm hàng nghìn người dân Bảo Lộc xúc động. Sau khi bắn chết chị Pha cùng hai đồng đội của chị là các anh K'Chao và K'Bron vào ngày 6-11-1972, với tuyên bố "đã giết được cộng sản cộm cán", bọn Mỹ - Ngụy đã hèn hạ cột tóc chị vào sau xe jeep và kéo khắp đường phố Bảo Lộc để thị uy dân chúng. Những người con gái miền sơn cước trong đơn vị nữ pháo binh 8-3 tiếc thương vô hạn người chính trị viên của mình nhưng đã không hề gục ngã. Ngay sau lúc chị Pha hy sinh, những nữ pháo thủ còn lại vẫn kiên cường bám đất, bám dân chiến đấu cho đến ngày Hiệp định Paris được ký kết. Hai mươi sáu năm sau, đồng đội năm xưa mới tìm được hài cốt nữ liệt sỹ Lê Thị Pha và đưa chị về an táng tại quê nhà, thôn Bàu Tre, xã An Hội, Củ Chi. Bà Lưu Thị Thanh An, một đồng đội thủy chung của chị Pha hiện đang lập bàn thờ người chính trị viên kiên trung, bất khuất tại nhà riêng của mình ở thị xã Bảo Lộc. Tên nữ Anh hùng - liệt sỹ Lê Thị Pha hiện đã được đặt cho một trường học và một con đường lớn ở trung tâm thị xã sơn cước. Hậu thế mãi tri ân sự hy sinh quả cảm của chị và những người đồng đội trên vùng quê xinh đẹp này suốt một thời máu lửa.

Những người con gái anh dũng của đơn vị nữ pháo binh duy nhất ở Lâm Đồng đã trở về lặng lẽ với đời thường. Các bà Ka Hường, Ka Xếp, Ka Réo, Ka Ha, Ka Huệ... về với buôn làng Châu Mạ, Kơ Ho và sống lặng lẽ trong cuộc mưu sinh vất vả. Trung đội trưởng Phan Thị Thanh Hùng trở về cùng rầy cã phê và nong tầm vùng Di Linh. Hàng chục pháo thủ khác còn sống phiêu tán ở Bình Dương, Bình Thuận, TP.Hồ Chí Minh, Bến Tre... Nhưng, có lẽ trong lòng mỗi cựu nữ pháo thủ ấy không phút giây nào quên những ngày đỏ lửa.

Chiến công thấp lửa để những người con gái trẻ một thời xúc tới góp công giải phóng quê hương. Nhưng chiến công cũng không làm khuất lấp những nỗi niềm đau đáu rất đời, rất người vì những mất mát máu xương đồng đội. Năm nữ pháo thủ trẻ hy sinh, 10 người khác bị thương hoặc tàn phế vĩnh viễn sau ngày nước nhà thống nhất là những tổn thất không thể bù đắp đối với những người con gái đã cống hiến cả tuổi xuân trên những trận địa pháo. Bà Lưu Thị Thanh An, khẩu đội trưởng anh dũng ngày nào vẫn không giấu nổi nước mắt trước bàn thờ chị Lê Thị Pha khi nói về những mất mát của đơn vị, về người bạn chiến đấu Ka Hường lạc rừng ngày xưa giờ đã mở mắt đang sống ở vùng sâu Lộc Bắc, về Dư Kim Hoa và chiếc xe bánh mì bên cây xăng Lộc An. Ngày tháng trôi đi, đã có hơn 10 nữ pháo thủ trong đơn vị 8-3 chết vì căn bệnh ung thư do một thời hứng chịu chất độc da cam địch phun như mưa xuống trận địa ở vùng rừng Đạ Tẻh. Người mất trong đống đau bệnh tật, người còn đau đáu với những hoài niệm chiến công, chờ mong một sự ghi nhận xứng đáng hơn của lịch sử. Trong năm tập thể, cá nhân được Bộ Tư lệnh Quân khu 7 đề nghị Bộ Quốc phòng tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang từ tháng 10-2000, đến nay chỉ còn duy nhất đơn vị nữ pháo binh 8-3 chưa được xác nhận, vì lý do "đã giải thể từ năm 1973". Chín năm đã lặng lẽ trôi qua sau ngày có văn bản đề nghị của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 trong khi những nữ pháo thủ 8-3 đang thưa vắng dần vì bệnh tật, vì sự già nua và nghiệt ngã của thời gian.

Tôi đã gặp trung đội trưởng Phan Thị Thanh Hùng lặng lẽ bên nông tâm trong ngôi nhà gỗ thấp tẻ ở Di Linh hay pháo thủ Ka Hường mù lòa chuốt từng sợi mây đan gửi bên bếp lửa nhà sàn âm khói ở Lộc Bắc. Tôi đã gặp người may mắn hơn như khẩu đội trưởng Lưu Thị Thanh An và đã chứng kiến những giọt nước mắt của bà trong câu chuyện về những sự hy sinh oai hùng trong chiến tranh và cả những cái chết thương tâm của những đồng đội trở về sau cuộc chiến bị nhiễm chất độc hóa học. Và ám ảnh nhất với tôi khi mỗi lần có dịp qua cây xăng Lộc An, ngoài nhìn hình ảnh người đàn bà già nua mang chân giả đang tất tả bên quầy bánh mì nghèo. Dù không nói thành lời nhưng trong ước nguyện của bà Dư Kim Hoa, có lẽ vẫn chờ mong sẽ có một ngày khắp khiêng cùng đồng đội năm xưa bước lên đài đón nhận một sự vinh danh, ghi nhận xứng đáng hơn của lịch sử dành cho đơn vị của mình.

Mà có lẽ cuộc đời của bà cũng như đồng đội Ka Hường hay nhiều người nữa trong đơn vị sẽ không còn dài như những ngày họ đã đi qua...■



Bà Ka Hường - nữ pháo thủ Đại đội 8-3 Anh hùng năm xưa

IVY moda

KHAI TRƯỞNG SHOWROOM TẠI ROYAL CITY 26.07.2013

SALE OFF up to

50%

TOÀN BỘ SẢN PHẨM ÁP DỤNG 26-28.07.2013

B1, B47-48 TTTM Royal City, 72 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân

VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

● Phó tổng biên tập phụ trách : KHUẤT QUANG THUY ● Phó tổng biên tập : THÀNH ĐỨC TRINH BẢO

● Tòa soạn, Trại sự : 17 Trần Quốc Toản - Hoàn Kiếm - Hà Nội. ● Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Trại sự: (04) 62702629; Kế toán (04) 62702642

● Email: thukybvn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; lyluanphebinhvn@gmail.com; vanhocnuocngoai.vn@gmail.com; bannghehthuattvn@gmail.com.

● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, T.P Hồ Chí Minh - Điện thoại : (08) 38298802 ● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa -

Điện thoại : (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Tháng Tư, TP. Nha Trang - Điện thoại/ Fax : (058) 3825867. ● In tại Công ty in Báo Nhân dân Hà Nội

● ISSN 0866 - 0815 ● MST: 0100784855; Tài khoản: 102010000018171 - Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội ● Trình bày: PHẠM MINH HẢI

● Giá: 9.800 đồng.